



Tập thể tác giả nhóm Cánh Buồm
Chương trình Giáo dục Hiện đại

GIÁO DỤC TIỂU HỌC ỔN ĐỊNH VÀ BẢO ĐÀM CHẤT LƯỢNG
THÌ TOÀN BỘ NỀN GIÁO DỤC MỚI ĐƯỢC ỔN ĐỊNH,
MỖI GIA ĐÌNH ỔN ĐỊNH, CẢ XÃ HỘI CÙNG ỔN ĐỊNH.

Tiếng Việt 2

TỪ VỰNG

Tạo ra và dùng từ ngữ tiếng Việt



Tập thể tác giả nhóm Cánh Buồm Chương trình Giáo dục Hiện đại

Tiếng Việt 2

TÙ VỰNG

Tạo ra và dùng từ ngữ tiếng Việt

.....

**GIÁO DỤC TIỂU HỌC ỔN ĐỊNH VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG
THÌ TOÀN BỘ NỀN GIÁO DỤC MỚI ĐƯỢC ỔN ĐỊNH,
MỖI GIA ĐÌNH ỔN ĐỊNH, CẢ XÃ HỘI CÙNG ỔN ĐỊNH.**

.....

TIẾNG VIỆT 2

© Nhóm Cánh Buồm

Sách này do nhóm Cánh Buồm tạo ra và cấp phép sử dụng theo giấy phép **Creative Commons Attribution-NonComercial-ShareAlike 4.0 International License (CC BY-NC-SA 4.0)**. Theo giấy phép này, mỗi người dùng hoặc phân phối lại cuốn sách dưới bất kỳ hình thức nào (dạng số hoặc dạng in) đều phải dẫn nguồn bản quyền của cuốn sách và giữ nguyên dòng “Tải về miễn phí tại <https://canhbuom.edu.vn/sachmo/>” trên mỗi trang tài liệu, hoặc trong trích dẫn trả tới trang kể trên.

Liên lạc:

Chương trình Giáo Dục Hiện Đại – Nhóm Cánh Buồm

Email: lienhe@canhbuom.edu.vn | Website: www.canhbuom.edu.vn

Chịu trách nhiệm bản thảo:

PHẠM TOÀN, ĐINH PHƯƠNG THẢO, VŨ THỊ NHƯ QUỲNH

NGUYỄN THỊ MINH HẠNH, NGUYỄN THỊ THANH HẢI

Minh họa:

HÀ DŨNG HIỆP, NGUYỄN PHƯƠNG HOA

VÀ MỘT SỐ HÌNH ẢNH TỪ INTERNET

Lời dặn bạn dùng sách

Bậc tiểu học là bậc học phương pháp học.

Phương pháp học môn Tiếng Việt nằm trong cách thức nhà ngôn ngữ học nghiên cứu tiếng Việt.

Ở lớp 1, học sinh học ba thao tác ngữ âm học như các nhà ngữ âm học dùng ba thao tác đó để ghi (và đọc) tiếng Việt.

Tiếp đó, các nhà ngôn ngữ học sưu tầm và ghi lại từ vựng tiếng Việt. Đó là những bộ từ điển của A. de Rhodes, Taberd, Huỳnh Tịnh Của, Trương Vĩnh Ký... cho tới thế hệ nhà ngôn ngữ Đào Duy Anh, Hoàng Phê... sau này.

Sách này dạy từ vựng tiếng Việt theo tinh thần Tín hiệu học.

Tín hiệu là cách con người từ khi chưa có tiếng nói đã dùng (cử chỉ cơ thể, âm thanh, màu sắc...) để tạo ra những thông tin.

Tiếng nói của con người cũng là một dạng tín hiệu. Học sinh tự học theo tiến trình sau:

- Tín hiệu → các loại tín hiệu → tín hiệu lời nói →
- Từ thuần Việt một âm tiết → từ ghép → từ láy →
- Từ Hán-Việt dạng nguyên và từ Hán-Việt dạng Việt hóa →
- Từ mượn của phương Tây.

Cách học từ vựng tiếng Việt đó giúp trẻ em nhận thức về tính phát triển của từ vựng tiếng Việt.

Khi tổ chức các bước tự học cho trẻ em, nhà giáo cần kiềm chế giảng giải, để học sinh tìm ra các kết luận, ngay cả cách “ghi bài” cũng thay đổi.

Chúc bạn thành công!

Nhóm biên soạn



Bài mở đầu

ÔN TẬP TIẾNG VIỆT LỚP 1

BA THAO TÁC

Việc 1: Thảo luận

Câu hỏi để các em thảo luận:

“Năm lớp 1, em đã học được gì quan trọng ở môn Tiếng Việt?”

- Nếu em trả lời là biết đọc, biết viết tiếng Việt, thì vẫn chưa đủ.
- Thực ra em đã học một điều vô cùng quan trọng, đó là:

BA THAO TÁC HỌC NGỮ ÂM TIẾNG VIỆT



Phát âm



Phân tích



Ghi lại

Việc 2: Luyện tập

1. Em phát âm một câu nói gồm chín tiếng.
2. Em làm cách gì để biết đó là chín tiếng?
3. Các em viết chính tả:

Đường vô xứ Huế quanh quanh,
Non xanh, nước biếc như tranh họa đồ
Ai vô xứ Huế thì vô...

4. Bài viết có bao nhiêu tiếng? Em viết trong bao nhiêu phút? Em có mắc lỗi chính tả nào không?

MÔ HÌNH TIẾNG

Việc 1: Thảo luận

Câu hỏi để các em thảo luận:

Câu 1: Làm sao biết một câu nói gồm có bao nhiêu tiếng?

Câu 2: Tiếng [hoàng] có bao nhiêu âm? Em làm gì để biết tiếng đó có những âm gì? Em có ghi lại được không?

Câu 3: Hình vẽ dưới đây là hình gì? Nó dùng để làm gì?

--	--	--	--

Việc 2: Luyện tập

1. Vẽ từng mô hình rồi đưa từng tiếng sau vào mô hình ngữ âm.

Thi xem ai làm nhanh:

Non xanh nước biếc như tranh họa đồ

2. Em hãy đưa vào mô hình từng tiếng dưới mỗi mô hình. Nhớ đưa cho đúng!

--	--	--	--

xia

--	--	--	--

cá

--	--	--	--

mè

--	--	--	--

đè

--	--	--	--

chép

--	--	--	--

chân

--	--	--	--

nào

--	--	--	--

buôn

--	--	--	--

men

3. Em tự đánh giá: Làm đúng Làm nhanh

LUẬT CHÍNH TẢ NGỮ ÂM

Việc 1: Làm bài tập để thảo luận

Các em viết chính tả trong mô hình dưới đây (viết vào vở nháp).

--	--	--	--

Viết từng tiếng:

nồi - đồng - nấu - ốc - nồi - đất - nấu - éch

Viết tiếp:

nồng - đồi - áu - nốc - đồi - nát - áu - át

Việc 2: Thảo luận

- Em nào cho là giáo viên đọc sai?

Các em mở sách ra! Kiểm tra xem giáo viên có đọc sai không?

Hay là sách viết sai? Hay là cả giáo viên và sách đều đúng?

- Vậy ở đây có luật chính tả gì các em còn nhớ không?

Em nhớ ra rồi!

Đó là luật

Theo luật đó thì như thế
nào như thế.

Việc 3: Em tự ghi vở (ghi ở lớp)

Hôm nay về nhà em kể là đã học điều gì? Ghi nhanh và ghi đủ, rồi khoe giáo viên để giáo viên còn ghi chữ cảm ơn em. Nhanh lên!

LUẬT CHÍNH TẢ ÂM ĐẦU [c] [g] [ng] TRƯỚC e, ê, i

Việc 1: Làm bài tập theo nhóm

1. Bài tập 1 – cùng ghi ba tiếng nào cần ghi vào mô hình (để nhớ luật):
[ca] [ce] [cê] [ci] [co] [cô] [cơ] [cu] [cú]

--	--	--	--

2. Bài tập 2 – cùng ghi ba tiếng nào cần ghi vào mô hình (để nhớ luật):
[ga] [ge] [gê] [gi] [go] [gô] [gơ] [gu] [gư]

--	--	--	--

3. Bài tập 3 - cùng ghi ba tiếng nào cần ghi vào mô hình (để nhớ luật):
[nga] [nge] [ngê] [ngi] [ngo] [ngô] [ngơ] [ngu] [ngư]

--	--	--	--

Việc 2: Thảo luận

Các em cho biết các em vừa tư luyện luật chính tả gì?

Em nhớ ra rồi!

Đó là luật

Theo luật đó thì đứng trước
âm em phải ghi bằng

Việc 3: Em tự ghi vỏ (ghi ở lớp)

Hôm nay về nhà em kể là đã học điều gì? Ghi nhanh và ghi đủ, khoe giáo viên để giáo viên còn ghi chữ cảm ơn em. Nhanh lên!

LUẬT CHÍNH TẢ THEO NGHĨA VÀ LUẬT GHI NGUYÊN ÂM ĐÔI

Việc 1: Làm bài tập theo nhóm

Chú ý: Làm xong phải nói trước lớp TẠI SAO EM VIẾT NHƯ THẾ?

- Chọn cách viết đúng để điền vào chỗ trống:

Hổ không ăn thịt con.

(dữ - giữ)

Hổ chết để người ta chết để tiếng.

(da - gia - ra)

Đi đâu mà vội mà vàng

Mà vấp phải đá, mà quàng phải

(dây-giây)

Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày Tổ mùng mười tháng ba.

(đỗ - giỗ)

- Giải thích rõ vì sao đây là cách viết đúng:

b		ia	
---	--	----	--

l		ă	n
---	--	---	---

th	u	yê	n
----	---	----	---

t		ươ	ng
---	--	----	----

ch		ua	
----	--	----	--

m		uô	ng
---	--	----	----

ch	u	yê	n
----	---	----	---

v		ươ	ng
---	--	----	----

c		ưa	
---	--	----	--

h		ươ	ng
---	--	----	----

Bài 1

TÍN HIỆU

TÍN HIỆU LÀ GÌ?

Việc 1: Bắt chước theo hình

Các em xem hình bên, thực hiện như trong hình vẽ rồi thảo luận:

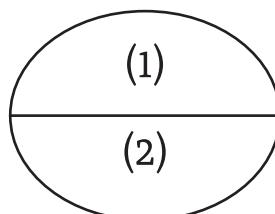
- Thay cho phất cờ, có thể hô thế nào? Có thể nói gì?



Việc 2: Tín hiệu là gì? Mô hình tín hiệu

Các em đã biết mô hình ghi tóm tắt những việc đã làm. Lập được mô hình tín hiệu, thì hiểu tín hiệu là gì. Các em trả lời để tự lập mô hình tín hiệu:

- (1) Phất cờ và hô bằng lời **Chạy!** có giá trị như nhau không?
- (2) Tại sao các vận động viên nhận biết là trọng tài ra lệnh chạy?



- (1) Phất cờ và hô “Chạy” là những Cách nói.
- (2) Vận động viên nhận ra Cái được nói do trọng tài phát.

Việc 3: Em tự ghi vở (ghi ở lớp)

Em vẽ mô hình tín hiệu và ghi chú: phần (1) làm gì? phần (2) nội dung gì?

TÍN HIỆU PHẢI KÍCH THÍCH GIÁC QUAN

Việc 1: Bắt chước theo hình

Làm lại các việc trong cả ba hình vẽ:



Phát cờ

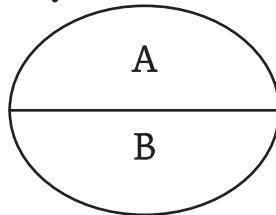


Bắn súng



Thổi còi

Việc 2: Sửa mô hình tín hiệu



Các em thảo luận rồi trả lời:

1. Ghi A (thay số 1 học tiết trước) là *Cách nói*. Các em cho biết: qua ba việc làm ở ba hình, đó là những cách nói gì? (nói bằng phương tiện gì?)
2. Cả mấy cách nói đó đều kích thích vào bộ phận nào ở con người ta?
3. Ghi B (thay cho số 2 của tiết học trước) là *Cái được nói*. Các em cho biết cả ba cách nói trên đều thể hiện *Cái được nói* gì?

Việc 3: Sơ kết, ghi vở

Em không ghi vở bằng chữ nữa. Em vẽ cái gì đó (chép lại hình trong sách cũng được) để minh họa cho mô hình tín hiệu.

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Giác quan – Đống rác

Chữ viết – Tích trữ

TÍN HIỆU PHẢI MANG LẠI THÔNG BÁO

Việc 1: Kể chuyện theo hình

Xem hình vẽ rồi kể lại theo mô hình tín hiệu: A là gì? B là gì?



Việc 2: Trả lời viết

1. Theo mô hình tín hiệu, tiếng trống là cách nói tác động vào giác quan nào của chúng ta?
2. Có em bị điếc, không nghe thấy tiếng trống, chỉ nhìn thấy người đánh trống. Tín hiệu tác động vào giác quan nào của em đó?
3. Xem hình vẽ, viết hai câu của hai bạn nói với nhau liên quan đến tín hiệu tạo ra bởi tiếng trống.
4. Em viết một câu giải thích tiếng trống trường theo ý nghĩa tín hiệu. (Nó có Cách nói gì? Cái được nói do nó thông báo là gì?)

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Đánh trống – Chống chọi, chống đỡ

Giải thích – Dải băng, dải phân cách

TÍN HIỆU PHẢI NẰM TRONG HỆ THỐNG

Việc 1: Kể chuyện theo hình

Em xem hình vẽ rồi kể lại: em đã thấy những cái đèn màu này ở đâu?



Việc 2: Thảo luận

1. Đèn đỏ thông báo gì? Đèn xanh? Đèn vàng thông báo gì?
2. Đố em: có khi nào thành phố chỉ dùng một màu đèn không? (Hai màu kia không dùng). Khi đó sẽ xảy ra những chuyện gì?
3. Ba màu đèn có quan hệ với nhau, nằm chung trong một hệ thống.

Việc 3: Sơ kết, ghi vở

Em nói rồi viết hoặc vẽ ra 2 – 3 tín hiệu tạo với nhau thành một hệ thống:

1. Hệ thống hiệu lệnh trống: máy hồi, máy tiếng thông báo gì?
2. Hệ thống đèn hiệu xe máy: đèn nhấp nháy thế nào thông báo gì?

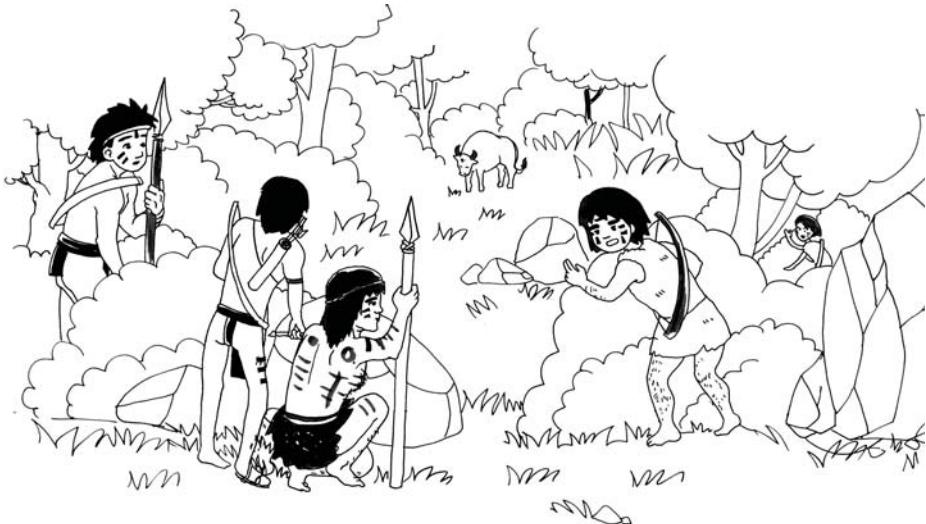
Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Lòng trung thành - Chung lòng, chung sức
Chăn trâu - Châu báu, châu chấu

CÁC DẠNG TÍN HIỆU TÍN HIỆU ĐIỆU BỘ CƠ THỂ

Việc 1: Kể chuyện theo hình

Em xem hình vẽ rồi kể lại: người đời xưa đang làm gì?



Việc 2: Bắt chước cách nói người đời xưa

Em bắt chước cách nói của người xưa khi chưa có tiếng nói:

1. Báo tin cho nhau: “Ngồi xuống, nấp kín, không cho con mồi nhìn thấy!”
2. Báo tin cho nhau: “Không động đậy, con mồi nghe thấy bấy giờ!”
3. Báo tin cho nhau: “Đi vòng sang trái, chú ý không cho con mồi thấy!”
4. Báo tin cho bạn: “Ôi, tôi bị con ong đốt đau quá!”
5. Báo tin cho nhau: “Xông lên, đuổi đi, không cho con mồi thoát!”

Việc 3: Sơ kết

Em trả lời và ghi lại: Từ xa xưa, khi chưa có tiếng nói, con người có cách nói nào sớm nhất? Họ dùng phương tiện nào liền với con người, không cần mua sắm, không cần chế tạo phức tạp?

Em có thể vẽ và chú thích bằng lời.

LUYỆN TẬP TÍN HIỆU ĐIỆU BỘ CƠ THỂ

Việc 1: Diễn tả bằng lời

Làm việc theo nhóm. Mỗi nhóm nhận một hình và thay thế tín hiệu điệu bộ cơ thể như trong hình vẽ bằng lời nói tự nhiên.



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

Việc 2: Diễn tả bằng hai cách: nói và viết

1. Viết对话 cho hai người. Em chọn một hình, tưởng tượng có hai người đang nói điều gì đó với nhau. Em viết lời đối thoại của hai người đó.
2. Viết对话 cho nhiều người. Em dùng hình 1, viết对话 của năm bạn trong hình thay cho cách nói bằng điệu bộ cơ thể của các bạn đó.

TÍN HIỆU ĐIỆU BỘ CƠ THỂ - KỊCH CÂM

Việc 1: Đọc và bắt chước

Bip kéo mạnh chiếc va-li dọc theo sân ga, leo lên toa tàu, tìm đến chỗ ngồi, và sau đó lấy hết sức quăng chèn chiếc va-li nặng trịch lên cái giá phía trên đầu.

Người soát vé đến đòi xem vé. Bip thọc tay vào túi và anh ta lộn túi ra trong khi con tàu tiếp tục xô lắc anh. Càng không tìm thấy tấm vé, anh ta càng cuống, và anh lục lọi mọi ngóc của chiếc va-li.

Sau rồi, Bip mở va-li lấy suất ăn trưa ra. Anh xoáy nắp phích, tháo nút, rót cà phê từ phích ra cái nắp. Nhưng con tàu lắc quá nên không sao rót được cà phê vào tách.

Cuối cùng chàng Bip đen đùi gà gật ngủ. Khi con tàu chạy chậm dần và đột ngột dừng, Bip bừng tỉnh giấc, bị xốc nẩy lên...

(Trích *Cơ cấu trí khôn* - H. Gardner)

Việc 2: Luyện tập diễn kịch câm



Hai mẹ con đi ra ga.

Con đặt va-li xuống. Hai mẹ con bịn rịn chia tay.

Con xách va-li lên tàu, mẹ vẫy vẫy tay.

Con đột ngột chạy trở lại ôm mẹ lần nữa. Tàu sắp chạy, con chạy vội lên, mẹ vẫy theo con đang dần xa...

Việc 3: Sơ kết, ghi nhớ

Hôm nay em học được điều gì? Dùng tín hiệu điệu bộ cơ thể để chơi kịch câm thú vị không?



Nghệ sĩ Marcel Marceau
trong vai Bip

TÍN HIỆU ĐIỆU BỘ CƠ THỂ - NHẢY MÚA

Việc 1: Xem hình và bắt chước



Việc 2: Thảo luận và cùng làm

1. Các em dùng tín hiệu cơ thể qua hoạt động nhảy múa để bắt chước người đời xưa (chưa có tiếng nói) nói ra một ý này:
 - a. “Đốt lửa lên! Vui lên! Chúng ta săn được con nai rất to”.
 - b. “Chúng ta mới có một em bé chào đời! Vui lên! Nhảy múa đi!”
 - c. “Săn được con nai, nhưng bạn của chúng ta ngã và chết! Buồn quá! Nhớ bạn quá!”
2. Các em chia nhóm, tự tạo ra đoạn nhảy múa (tùy em chọn cảnh đời xưa hoặc cảnh đời nay) để nói một ý sau, diễn trước lớp:
 - a. “Mẹ ơi, con yêu mẹ”.
 - b. “Bạn ơi, trăng sáng quá! Và trời thì đây sao!”
 - c. “Gió... Đường dài... Núi... Sông...!”

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

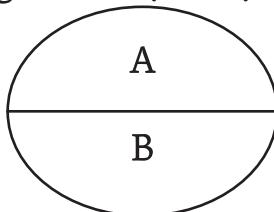
Sáng trăng - Chặng dây, nhớ chặng?

Trước sau - Bắt chước, mưu chước

LIÊN HOAN TÍN HIỆU ĐIỆU BỘ CƠ THỂ

Trò chơi 1 - Tín hiệu khởi động

Giáo viên dùng một con gấu bông (hoặc một đồ vật khác) ném cho một bạn chơi đầu tiên. Bạn đó phải chỉ vào mô hình tín hiệu trên bảng nói một ví dụ: A – Cách nói (ví dụ) B – Cái được nói (ví dụ). Nói xong, được ném con gấu chỉ định bạn khác.



Chấm điểm từng người chơi theo bảng điểm sau:

Làm đúng được 10 điểm.

Làm đúng nhưng chậm được 5 điểm.

Không làm đúng được 1 điểm.

Cuối tiết cộng điểm nhận giải.

Trò chơi 2 - Tín hiệu cơ thể

Giáo viên dùng gấu bông chỉ định một bạn và nói (ví dụ) “Từ biệt mẹ!” Bạn đó phải làm tín hiệu điệu bộ cơ thể từ biệt mẹ. Làm đúng, bạn được ném gấu bông cho bạn khác làm một tín hiệu điệu bộ cơ thể theo lệnh của mình (ví dụ) “Vui quá!”.

Gặp tín hiệu khó, cả lớp đếm ngược, đến 10 không làm được thì bị phạt. Khi đó, chính bạn ra lệnh phải làm thay, không làm được cũng bị phạt.

Cả lớp chấm điểm như sau:

Làm đúng

Làm đúng nhưng chậm

Làm không đúng

LIÊN HOAN TÍN HIỆU ĐIỆU BỘ CƠ THỂ

(Trò chơi lớn)

Trò chơi lớn - Thi viết diễn đạt tín hiệu cơ thể

Các em xem hình ảnh bên dưới. Mỗi em chọn hai hoặc ba bạn trong buổi lễ bế giảng, sắp chia tay nhau. Em viết về hai bạn đó, viết cả lời nói diễn tả bằng tín hiệu điệu bộ cơ thể của các bạn đó.

Viết xong đọc trước lớp. Cả lớp đánh giá theo cách Trò chơi 2 tiết trước.



Trò chơi làm thêm (em nào thích thì làm)

Em vẽ và viết một điều theo ý thích của em để kể về buổi Liên hoan tín hiệu điệu bộ cơ thể của lớp.

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

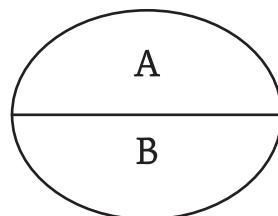
Trò chơi - Chơi với - Ma trơi

Chối bỏ, từ chối - Trăng trối

TÍN HIỆU ÂM THANH

Việc 1: Xem hình và kể chuyện

Các em xem hình và kể chuyện gì xảy ra theo mô hình tín hiệu đã học:



Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Súng, súng đạn - Xứng xính

Quả sung, sung túc - Xung phong, xung trận

LUYỆN TẬP TÍN HIỆU ÂM THANH

Việc 1: Luyện tập bằng lời

Xem hình và kể chuyện gì xảy ra theo mô hình tín hiệu đã học:



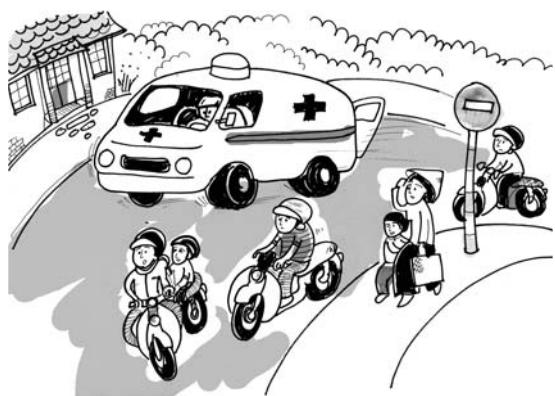
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

Việc 2: Luyện tập viết

Em chọn một hình bên trên và kể chuyện gì xảy ra theo mô hình tín hiệu đã học.

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Con trăn - Cái chăn, chăn nuôi

Trí tuệ, trí nhớ, đầu trí - Bên chí, quyết chí, từ đầu chí cuối

LUYỆN TẬP TÍN HIỆU ÂM THANH

Quảng cáo - Thông báo

Việc 1: Luyện tập bằng lời

Em nhìn ba hình bên dưới và nghĩ ra một câu chuyện kể.



Hình 1



Hình 2



Hình 3

Việc 2: Hỏi ý kiến em

- Trong đời sống hiện đại, người ta dùng tín hiệu âm thanh và tiếng động vào những việc gì?
- Trong những việc dùng tín hiệu âm thanh đó, cách dùng tín hiệu như thế nào là có ích (cần thiết, vừa đủ)?
- Cách dùng tín hiệu nào gây khó chịu cho người nghe?

Việc 3: Mời em viết ra

- Em hãy viết một vài câu lời người đàn ông ở hình 1.
- Em hãy viết một vài câu lời em bé ở hình 3.
- Em nghĩ xem đã khi nào bắt gặp một người đang bắc loa quảng cáo hoặc nói năng ầm ĩ như hình 2... mà em thấy khó chịu. Em viết một câu hoặc vài câu gửi người đó.

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Loa to nghe chói tai – Trói chân trói tay, cởi trói

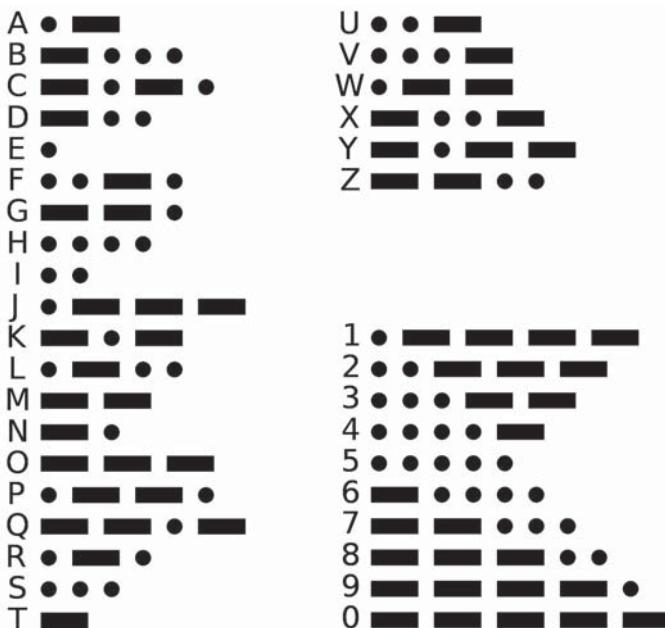
Dây đan, dây điện, dây dợ lồng nhằng – Một phút là 60 giây

LUYỆN TẬP TÍN HIỆU ÂM THANH

Tín hiệu Morse

Việc 1: Học cách dùng tín hiệu Morse

Các em làm theo hướng dẫn của giáo viên để biết cách dùng từng con chữ của bộ tín hiệu Morse.



Việc 2: Luyện tập cách dùng tín hiệu Morse

1. Một em chui vào gầm bàn, giả vờ bị lạc trong rừng, gửi tín hiệu Morse cho cả lớp, mọi người ghi lại xem bạn gửi thông tin gì.
2. Hai em gửi thông tin cho nhau bằng tín hiệu Morse, cả lớp ghi lại xem ai ghi đúng, ai ghi sai. Chú ý chưa gửi thông tin theo cách viết chữ có dấu thanh (nhiều khi vui lăm đéo)!

Việc 3: Sơ kết, ghi vở

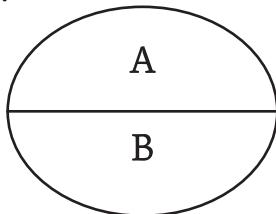
Trả lời câu hỏi rồi ghi vở:

1. Hôm nay em học loại tín hiệu gì?
2. Loại tín hiệu đó dùng cho những hoàn cảnh nào?

LIÊN HOAN TÍN HIỆU ÂM THANH

Trò chơi 1 - Tín hiệu khởi động - Âm thanh

Dùng gấu bông ném cho người chơi đầu tiên. Bạn đó phải chỉ vào mô hình tín hiệu trên bảng nói một ví dụ về Cách nói A (âm thanh kiểu gì?) và Cái được nói B (nội dung gì?). Nói xong, được ném gấu bông chỉ định bạn khác.



Chấm điểm từng người:

Làm đúng 10 điểm - Đúng nhưng chậm 5 điểm - Không đúng 1 điểm.

Trò chơi 2 - Tín hiệu âm thanh

Các em xem hình bên. Chơi theo cặp hai em. Kê bàn cho một em đứng lên đóng vai cô gái trên gác cao. Một em đóng vai người con trai. Hai người dùng tín hiệu âm thanh để thể hiện tình cảm. Cả lớp cho điểm: Đúng - Hay - Rất hay.

Em viết cách thức chàng trai và cô gái dùng tín hiệu âm thanh nào đó để trò chuyện với nhau. Làm xong, đọc trước cả lớp. Cả lớp bình chọn bài hay.



LIÊN HOAN TÍN HIỆU ÂM THANH (tiếp theo)

Trò chơi 3 - Dùng tín hiệu âm thanh để RA LỆNH

Thi nhau giữa các tổ. Mỗi tổ thành một đoàn tàu không nên dài hơn năm toa. Người lái tàu đi ở toa thứ năm ở sau cùng.

Cách chơi:

- Các toa đều bịt mắt để không nhìn thấy các vật chướng ngại.
- Người chỉ huy đoàn tàu được mở mắt, dùng còi chỉ huy đoàn tàu đi thẳng (hai tiếng dài), rẽ trái (hai tiếng dài, một tiếng ngắn), rẽ phải (hai tiếng ngắn, một tiếng dài) để tránh bị vấp.
- Đoàn tàu của nhóm nào không bị đâm vào đâu thì được 10 điểm, chạm vào vật chướng ngại một lần thì bị trừ 1 điểm.



Bài tập sau khi chơi: Em viết mấy câu kể lại trò chơi và phân tích ý nghĩa của tín hiệu bằng âm thanh (còi ra lệnh).

LIÊN HOAN TÍN HIỆU ÂM THANH (tiếp theo)

Trò chơi 4 - Nghe và nhận ra tín hiệu âm thanh THÔNG BÁO

Giáo viên chuẩn bị: GV chuẩn bị ghi bảng những tín hiệu âm thanh thông báo khác nhau:

- Còi ô tô
- Còi xe cứu hỏa
- Còi xe cứu thương
- Nhạc hiệu mở đầu các chương trình ti vi
- Nhạc hiệu mở đầu các chương trình đài Tiếng nói Việt Nam
- Kẻng đổ rác
- Hiệu lệnh có khói lửa ở nhà cao tầng
- Chuông báo thức
- Chuông chùa
- Chuông nhà thờ

Cách chơi:

1. Khởi động: GV mở một loại tín hiệu âm thanh. HS nghe và đoán ra. Nếu chưa rõ, GV cho nghe lại đến lần thứ ba.
2. Tiếp tục chơi: GV mở lần lượt từng đoạn tín hiệu âm thanh. HS lắng nghe và ghi câu trả lời vào giấy nháp.
3. Đánh giá: Sau khi kết thúc, tính điểm cho người đoán đúng nhất.
4. Nghe lại: Sau khi tổng kết, HS cũng biết đáp án rồi, GV mở lại toàn bộ cuộn băng cho cả lớp cùng nghe... Khi đó càng vui!

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Cái chuông - Truông (tiếng miền Trung: vùng đất hoang
nhiều cây cối)

Chương trình, chương sách - Trương phình

Con cá chình - Trình báo, trình diện

TÍN HIỆU MÀU SẮC, ÁNH SÁNG

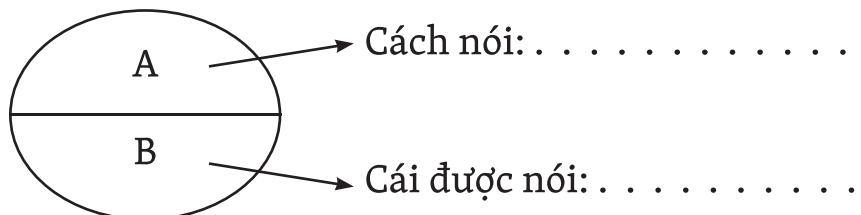
Việc 1: Nghiên cứu Mẫu

Các em xem hình và thảo luận:



Hình này các em đã biết khi luyện tập ở bài học tín hiệu. Bây giờ các em thảo luận:

1. Các em nói một lời thay cho đèn đỏ.
 2. Các em nói một lời thay cho đèn xanh.
 3. Các em nói một lời thay cho đèn vàng.
 4. Các em vẽ mô hình tín hiệu và tự ghi chú thích



Việc 2: Luyện tập

Các em chia nhóm, thi xem trong cùng thời gian, nhóm nào tìm ra nhiều tín hiệu màu sắc và ánh sáng hơn. Mẫu trả lời:

1. Đèn hiệu nhập nháy màu đỏ ở xe ô tô.
 2.
 3.

LUYỆN TẬP

Thi làm tín hiệu dùng màu sắc, ánh sáng

Từng em trả lời vào phiếu

Phiếu giao cho em

Một em học sinh thấy đoàn tàu đi trong đêm sắp gặp nguy hiểm vì trên đường sắt có mấy con bò.

Em đó làm tín hiệu gì cho đoàn tàu biết mà dừng lại?

Em vẽ tín hiệu đó:

Em giải thích tín hiệu đó bằng mô hình tín hiệu.

LUYỆN TẬP

Thi kể chuyện tín hiệu

Việc 1: Xem hình, kể chuyện “Chú bé Tí hon lạc trong rừng”



Việc 2: Nói và trả lời viết

1. Tí hon lạc trong rừng, em có khóc không?
2. Em làm gì để cha mẹ biết chỗ em đang ở trong rừng?
3. Theo mô hình tín hiệu, đâu là Cách nói và đâu là Cái được nói?

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Lạc trong rừng - Trông cây gây rừng

Dừng chân nghỉ - Dừng lại

KIỂU TÍN HIỆU RIÊNG - BIỂN BÁO

Việc 1: Xem biển báo và thảo luận



Theo mô hình tín hiệu đã học, các em cho biết:

- Cách nói bằng những biển báo này thường gặp ở đâu?
- Các em nói lần lượt nội dung hoặc là Cái được nói của từng biển báo.

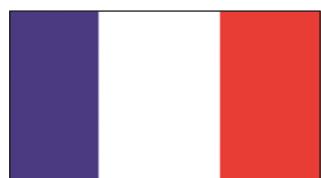
Việc 2: Luyện tập để sơ kết

Bốn máy bay hạ cánh. Có người hỏi:

- Máy bay nước nào ấy nhỉ?

Em trả lời:

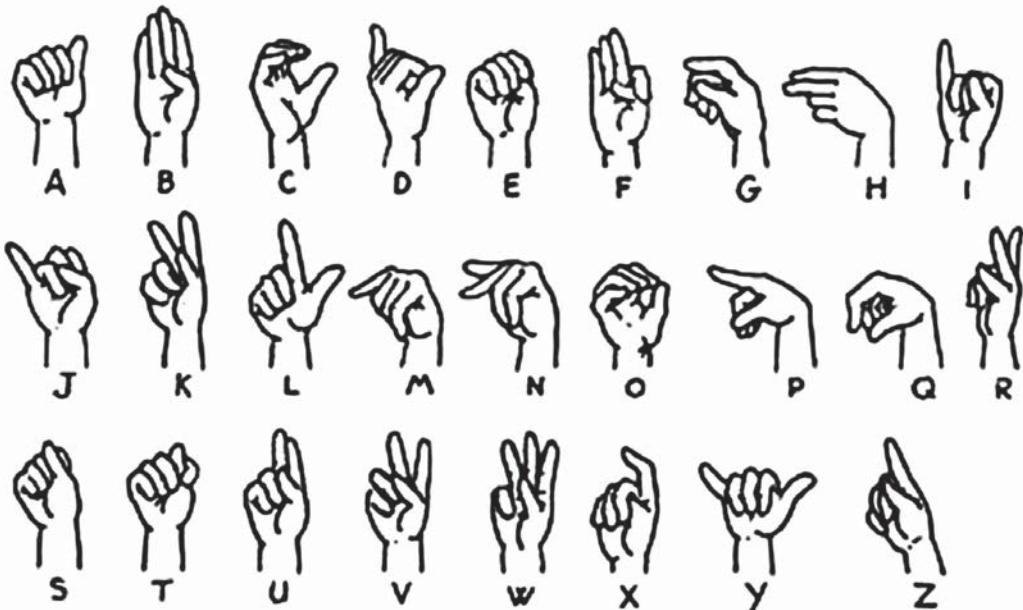
- Một của Việt Nam, một Mỹ, một Hàn Quốc và một Pháp ạ.
- Giỏi nhỉ! Sao em biết?
- Dạ, em học tín hiệu ở lớp Hai, đó là... [em nói nốt đi]
- Cảm ơn em!



KIỂU TÍN HIỆU RIÊNG - TÍN HIỆU CHO NGƯỜI KHIẾM THÍNH

LỜI DẶN - Tín hiệu cho người khiếm thính chỉ giới thiệu để em biết. Em không cần học thuộc và dùng thành thạo. Em chỉ học cách dùng để hiểu bộ tín hiệu đó thôi. Nhưng nếu em tự học thuộc và dùng để giúp đỡ người khiếm thính thì hay quá. Hoan hô em!

Việc 1: Học cách “viết” từng chữ cái của bộ chữ



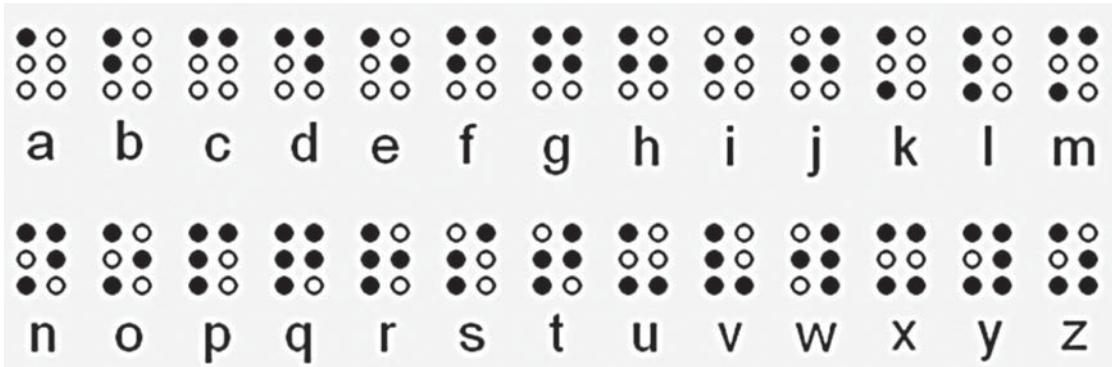
Việc 2: Học cách “nói” một tiếng

1. GV làm Mẫu cho cả lớp cách nói một tiếng: lần lượt dùng tay phải ghép từng chữ.
2. Thực hành chung cả lớp (sau đó chia nhóm cùng chơi) ghép tiếng:
 ba be bi bo bu ban ben bin bun
 nhanh tay chúng ta đi đến trường
3. Đố biết bộ chữ này có nhược điểm gì? Em giải quyết việc đánh dấu thanh ra sao? Em tìm cách để có chữ đ ê ô ơ ư.

KIỂU TÍN HIỆU RIÊNG - TÍN HIỆU CHO NGƯỜI KHIẾM THỊ

LỜI DẶN - Tín hiệu cho người khiếm thị cũng chỉ giới thiệu để em biết (giống tiết trước). Người khiếm thị không nhìn được, muốn ĐỌC phải dùng TAY sờ những chỗ có gai nổi lên do đục kim vào bìa cứng. Đây là bộ chữ do ông Braille nghĩ ra nên gọi theo tên ông đó.

Việc 1: Xem bộ chữ và hiểu cách viết cách đọc



Việc 2: Thảo luận - phát minh - sáng chế

1. Các em nghĩ làm một công cụ để viết chữ Braille được thẳng hàng. Em nói hoặc vẽ công cụ đó ra.
2. Em đã thấy chiếc đồng hồ để sờ mà đọc giờ chưa? Và chiếc điện thoại cho người khiếm thị nữa? Nếu chưa thấy, em tưởng tượng và nói về cái mặt đồng hồ đó, cái bàn chữ số điện thoại đó.
3. Bài tập này khó đây: một nhà sản xuất muốn làm một bàn phím máy vi tính cho người khiếm thị, em có sáng kiến gì?

KIỂU TÍN HIỆU ĐẶC BIỆT - TÍN HIỆU TÂM LINH

Việc 1: Xem và mô tả những gì nhìn thấy trong hình



Việc 2: Thảo luận theo mô hình tín hiệu

1. Bia mộ gợi cho con người điều gì? Theo mô hình tín hiệu, đó là gì?
2. Em nói một ý nghĩ của anh chiến sĩ đang dọn dẹp và bày hương hoa trước bia mộ đồng đội.
3. Em chắp tay trước một bia mộ. Em nghĩ thầm một điều. Em ghi lại điều em vừa nghĩ cạnh mô hình tín hiệu.

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Đứng trước - Bắt chước, mưu chước

Trong ngoài, nước trong - Chong đèn cả đêm vì con ốm

LUYỆN TẬP

Tạo tín hiệu tâm linh

Việc 1: Đọc thầm

Một lễ hội cảm động

Lễ hội có tên “Khao lè thề lính Hoàng Sa” để nhớ đến những chiến sĩ ra làm nhiệm vụ ở đảo xa mà không trở về.

Ngày trước, đội Hoàng Sa ra khơi trên những thuyền buồm nhỏ. Mỗi thuyền chỉ chở được vài người. Mỗi lần đi, lính Hoàng Sa mang theo sáu tháng lương thực, nước uống, một chiếc chiếu, một đòn tre. Mỗi người còn có một thẻ ghi tên tuổi, quê quán. Nếu chẳng may bị chết, xác bó lại cùng thẻ và thả trôi vào đất liền.

Lễ khao lè thề lính tổ chức tại đình làng An Vĩnh. Những chiếc thuyền giả, đây là thân cây chuối, thân bằng tre dán giấy điêu. Trong khoang lái có bốn hình nhân bằng giấy hoặc bằng rơm. Đồ lễ phải có: một con gà, một con cá nướng, một con cua, một món gỏi cá nhám. Trên đàn lễ còn có: muối, gạo, củi, mắm, nồi niêu... là những thứ binh phu Hoàng Sa mang theo.

Làm lễ xong, mười thanh niên rước năm chiếc thuyền lễ thả xuống biển. Một chiếc lớn và bốn chiếc bằng nhau nhỏ hơn. Thuyền được thả dần, hai thuyền nhỏ đi trước, thuyền lớn đi giữa, và sau cùng là hai thuyền nhỏ.

Ở đảo Lý Sơn bây giờ, đình làng An Vĩnh khói hương nghi ngút hàng ngày. Ngư dân trên đảo trước khi ra Hoàng Sa, Trường Sa đánh bắt hải sản, đều đến đây thắp hương cầu khấn vong linh binh phu.

(Theo Wikipedia)

Việc 2: Nói và viết

1. Các em đọc thầm bài viết chuyện lễ hội. Đọc xong trả lời câu hỏi (nói và viết):
(a) Lễ hội có tên là gì? (b) Lễ hội để tưởng nhớ chuyện gì?
2. Em trả lời rồi ghi lại: mỗi chiến binh đội Hoàng Sa ngày xưa có một cái thẻ để làm gì?
3. Em viết mấy lời tưởng nhớ đến các binh sĩ Hoàng Sa ngày xưa.

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Hoàng Sa, Trường Sa, sa mạc – Nơi xa, đi xa

Bài 2

TÍN HIỆU LỜI NÓI

Việc 1: Lời nói tự nhiên

- A-lô, a-lô, nghe rõ không?
- Nói đi nói nữa đi, rõ mà!
- Nghe rõ lời nói của tớ không?
- Cậu nói khàn khàn như vịt đực.
- Cậu nói quang quác như vịt cái.



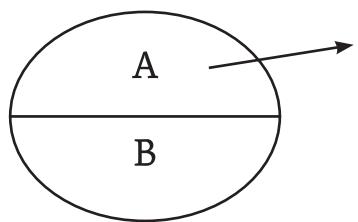
Hai cách học để thấy không cần tín hiệu thay thế tiếng nói nữa.

Cách 1: Các em chuẩn bị như hình vẽ: lấy hai lõi cuộn giấy vệ sinh hoặc hai cái ống bơ, một đầu bịt giấy mỏng, luồn sợi chỉ dài 4 – 5 mét rồi đứng xa nói với nhau qua “điện thoại” đó.

Cách 2: Hai em đứng hai bên cánh cửa đóng không nhìn thấy nhau và nói với nhau. Đó là lời nói tự nhiên không cần các tín hiệu thay thế khác.

Việc 2: Thảo luận về lời nói tự nhiên

1. Hai người không nhìn thấy nhau, đứng cách nhau một tấm ván, nói chuyện thẳng với nhau. Hai bên có cần dùng các tín hiệu khác nữa không?
2. Theo mô hình tín hiệu, ở phần A cách nói, các em đặt tên nốt cho điều mới học.



Cách nói:

- bằng điệu bộ cơ thể
- bằng âm thanh, tiếng động
- bằng màu sắc, ánh sáng
- bằng bia mộ, tượng đài
-

Việc 3: Giao việc về nhà

Về nhà em tiếp tục chơi điện thoại tự chế. Chơi cả tuần, bằng lòng không?

SỨC MẠNH CỦA NGÔN NGỮ

Việc 1: Đọc thầm

Có một người khổng lồ sống trên đồi này. Tay anh ta đủ sức nhấc bổng một đầu máy xe lửa mà chẳng cần một mảy may cố gắng. Chân anh ta đủ sức đi cả ngàn dặm trong một ngày. Anh ta có cánh để bay cao hơn những tầng mây và bay nhanh hơn chim. Anh ta có những cái vây để bơi được trên mặt nước và lặn được dưới đáy sâu giỏi hơn bất cứ loài cá nào. Mắt anh ta đủ sức nhìn rõ những cái vô hình, có tai để nghe được con người rất xa bên kia trái đất đang nói. Anh ta khỏe tới mức đi xuyên được núi và đứng vững giữa dòng thác đang đổ. Anh ta làm cho thế giới phải thích hợp với mình; anh trồng rừng, anh nối biển, anh tưới nước cho sa mạc.

Người khổng lồ đó là ai vậy?

Người khổng lồ đó chính là con người.

(Trích Lời nói đầu cuốn *Con người trở thành khổng lồ* –
M. Ilin và E. Segal)

Việc 2: Trả lời và thảo luận sau khi đọc thầm

Chắc em đã biết: người khổng lồ là ai.

1. Cánh tay người khổng lồ là cái gì vậy?
2. Đôi chân đi ngàn dặm là gì vậy?
3. Đôi cánh bay, vây để bơi và lặn, mắt nhìn, tiếng nói... mạnh thế nào và đó là gì vậy?

Việc 3: Tự sơ kết

Em ghi vở điều này: Tiếng nói của con người, chỉ con người mới có, khiến nó có sức mạnh khác hẳn các loài. Em có đồng ý với ý đó không? Không cần trả lời vội!

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Che chở, chở thuyền – Con người trở thành khổng lồ

CON NGƯỜI MƠ ƯỚC CÓ NGÔN NGỮ

Việc 1: Đọc thầm

Con rắn trắng

Ngày xưa có một ông vua nổi tiếng không cái gì vua không biết, như thế gió đưa lại cho vua những gì bí mật nhất.

Vua có thói quen kỳ lạ. Sau bữa ăn trưa, một người hầu bưng thêm cho vua một bát đậu kín, không biết trong có gì. Khi chỉ còn một mình vua mới mở ra ăn.

Một hôm, người hầu tò mò đem bát về buồng mình. Anh mở nắp thấy có con rắn trắng. Anh ném một miếng. Bỗng anh nghe thấy bên cửa sổ có tiếng nói là lạ. Thì ra chim sẻ đang chuyện trò. Thế là rõ, ăn rắn thì hiểu được tiếng nói loài vật.

Đúng hôm đó, hoàng hậu mất chiếc nhẫn và nghi cho người hầu tin cẩn ấy ăn cắp. Vua truyền gọi anh đến, hẹn sáng hôm sau nếu không tìm ra kẻ gian thì sẽ bị đem xử tội. Anh kêu oan cũng vô ích, và bị đuổi ra ngoài. Anh lo sợ, xuống sân nghĩ xem có cách nào thoát không. Ở đây có đàn vịt đang chụm nhau chuyện trò bù khú. Anh người hầu đứng nghe. Vịt kể lể với nhau sáng nay đi đâu, được món gì ngon. Một con cá kinh nói:

- Bụng tao anh ách... Tại tao nuốt phải cái nhẫn rơi dưới cửa sổ hoàng hậu.

Anh người hầu liền tóm ngay cổ con vịt ấy mang vào bếp bảo nhà bếp làm thịt. Nhà bếp nhận lời, chặt cổ, mổ vịt. Anh người hầu tìm thấy chiếc nhẫn của hoàng hậu trong mề vịt. Việc minh oan cũng dễ dàng...

(Trích Truyện cổ Grimm)

Việc 2: Luyện tập sau khi đọc thầm

1. Tại sao ông vua chuyện gì cũng biết?
2. Anh người hầu tò mò nên biết được bí mật gì của vua?
3. Anh người hầu gặp họa và được giải oan như thế nào?

Việc 3: Thảo luận rồi tự sơ kết

Con người thèm khát nói và nghe để mình thêm sức mạnh, qua truyện *Con rắn trắng* em thấy có đúng thế không?

CON VẬT CÓ TIẾNG NÓI KHÔNG?

Việc 1: Đọc thầm

Con vật có tiếng nói không?

Ông Thi đến chơi nhà ông Triết. Con Vẹt liền thoảng nói:

- Cháu chào ông Thi... Ông có thơ không... Những ngón tay mưa...

Ông Triết cười khà khà:

- Nhà thơ thấy con Vẹt của tôi nói giỏi không?
- Con Vẹt nói được mấy câu mà bảo là giỏi?
- Được ba câu đấy: Cháu chào ông Thi... Ông có thơ không... Những ngón tay mưa...
- Thế nó có dạy được những con Vẹt khác cũng biết nói không?
- Dĩ nhiên là không rồi! Con này tôi dạy mãi mới được đấy.
- Thế nó có dạy những con vật khác cũng nói như nó không? Như người Mỹ dạy tiếng Anh cho người Việt ấy?
- Dĩ nhiên là không rồi!
- Nó có nghĩ được câu thơ “Những ngón tay mưa dương cầm trên mái” như nhà thơ Dương Tường không?
- Con Vẹt chỉ là con vật. Nó có nói thì cũng như chó sủa mèo gào. Nó làm gì có tiếng nói!

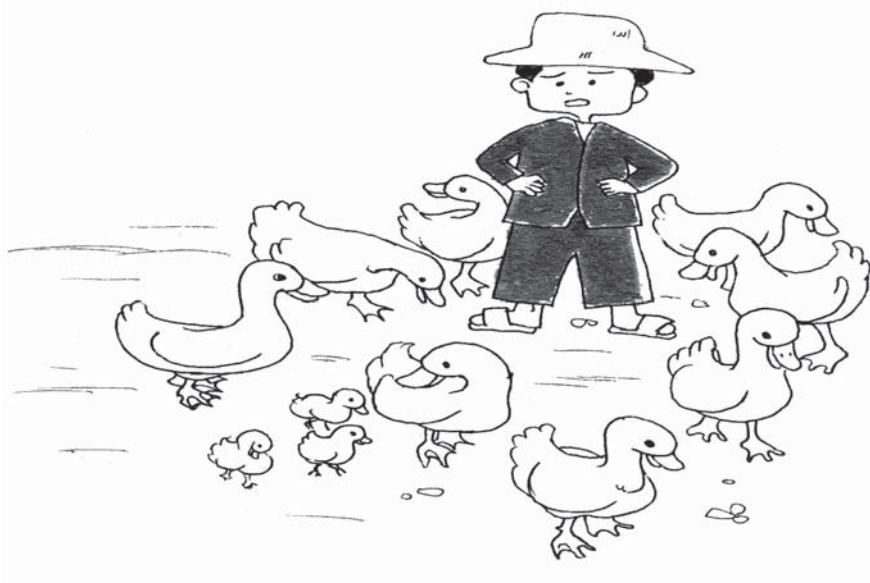
(Trích bản thảo Triết học cho trẻ em - Phạm Toàn)

Việc 2: Đóng kịch để hiểu bài

1. Kịch bản 1: Ba em đóng các vai con Vẹt, ông Triết, ông Thi. Nội dung y nguyên như bài đã đọc.
2. Kịch bản 2: Đóng như kịch bản 1, nhưng thêm lý lẽ chứng minh con vật không có tiếng nói.

Xem hình vẽ, trả lời: mấy con vịt có hiểu tiếng người nói không?

Em nghĩ một lời nói của bạn chẵn vịt than phiền là bạn đó nói
gì vịt cũng không hiểu.



TIẾNG NÓI TRUYỀN ĐI PHẢI THÔNG SUỐT

Việc 1: Xem hình, bắt chước

Các em chia cặp từng đôi bắt chước người trong hình nói mấy câu.



- Cháu chào bác!
- Ồ ờ, chào cháu. Đi đâu đấy?
- Dạ hôm nay chủ nhật, cháu đi đá bóng ạ!
- Ồ ờ, đá bóng vui vẻ nhé.



- Nói to nữa lên!
- Còn to đến đâu nữa?
- Vẫn không nghe thấy.
- Điếc lòi điếc túi. Nghe gì nữa!



- Nghe rõ không?
- Ôn lắm, không nghe thấy gì hết.
- Nghe rõ không? A-lô, trả lời đi.
- Ôn lắm, không nghe được.

Việc 2: Các em thảo luận

Các em cho biết: Trong ba hình, hình nào cho thấy tín hiệu lời nói thông suốt? Thế nào thì tín hiệu lời nói không thông suốt?

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Cha mua giờ chả cho con – Lò dò đứng dậy trả lời

NGƯỜI XƯA BẮT ĐẦU CÓ TIẾNG NÓI

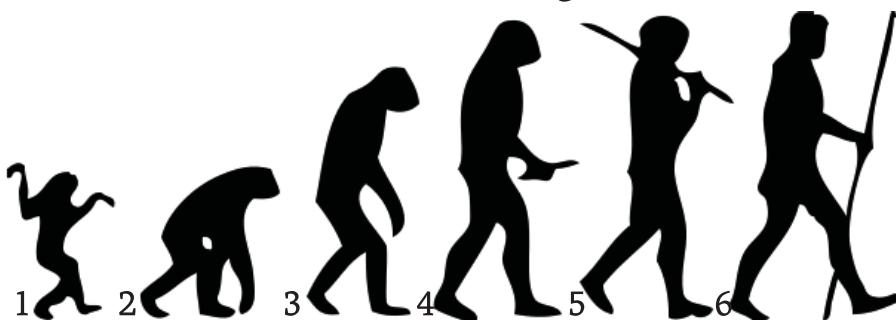
Việc 1: Bắt chước hoạt động theo hình dưới đây

Đi lom khom (không đứng thẳng được) như bộ xương người đời xưa. Tưởng tượng và bắt chước cách dùng các công cụ lao động bằng đá ở hình bên dưới.



Việc 2: Thảo luận

Xem hình dưới về sự tiến hóa của Người và thảo luận.



1. Theo ý em con người ở giai đoạn nào trong hình trên thì có thể nói được?
2. Em bắt chước người xưa để chứng minh con người phải đứng thẳng mới bắt đầu nói được.

Việc 3: Tự sơ kết

Hôm nay em học được điều gì thú vị?

Bài 3

TỪ THUẦN VIỆT

TỪ THUẦN VIỆT MỘT ÂM TIẾT - CHỦ ĐỀ ĂN

Việc 1: Xem hình, kể chuyện



Việc 2: Các em thảo luận

1. Từ rất xa xưa, con người đọc sách hay chỉ lo đi tìm cái ăn để sống?
2. Ngày xưa ngày xưa, con người ăn như thế nào?

Việc 3: Tự sơ kết

1. Em trả lời: tại sao mở đầu bài học về từ thuần Việt lại là chủ đề ĂN?
2. Người Việt khi đó có nói nhiều tiếng một lúc được không?
3. Em lấy nhiều ví dụ từ thuần Việt có một âm tiết.

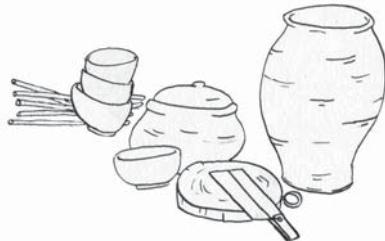
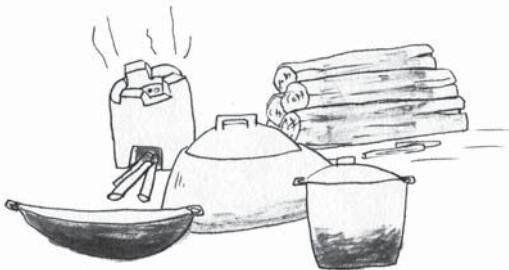
LUYỆN TẬP TỪ THUẦN VIỆT MỘT ÂM TIẾT - CHỦ ĐỀ ĂN

Việc 1: Em đã biết

Em tìm ví dụ từ thuần Việt chỉ có một âm tiết.

Việc 2: Em luyện tập

Các em chia thành nhóm thi nhau tìm và ghi lại những từ thuần Việt một âm tiết gửi trong các hình vẽ dưới đây.



Việc 3: Tự sơ kết

1. Hôm nay nhóm em tìm được bao nhiêu từ thuần Việt theo chủ đề ăn?
2. Nhóm nào tìm được nhiều nhất lớp?
3. Những từ thuần Việt đó có mấy âm tiết? Tại sao?

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Đọc sách, chính sách, hạch sách – Xách tay

LUYỆN TẬP TỪ THUẦN VIỆT MỘT ÂM TIẾT - CHỦ ĐỀ ĂN

Việc 1: Em đã biết

Em tìm ví dụ từ thuần Việt chỉ có một âm tiết.

Việc 2: Em luyện tập

1. Các em chia thành nhóm thi nhau tìm và ghi lại những từ thuần Việt một âm tiết gửi trong các hình vẽ dưới đây.



2. Các em tìm những từ thuần Việt một âm tiết nói đến cách làm những đồ sau thành món ăn.



3. Có các từ một âm tiết chỉ việc ăn: luộc - nướng - rán - quay - hầm - ninh - xào - nộm. Các em mô tả việc làm bằng lời và bắt chước cách làm để hiểu nghĩa các từ đó.

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Rán đậu, rán cá - Dán nhãn vở - Con gián

TỪ THUẦN VIỆT MỘT ÂM TIẾT - CHỦ ĐỀ LÀM

Việc 1: Xem hình, kể chuyện



Việc 2: Các em thảo luận

Từ rất xa xưa, con người LÀM những gì để có cái ăn mà sống?
(Nói bằng từ chỉ có một âm tiết).

Việc 3: Tự sơ kết

LUYỆN TẬP TỪ THUẦN VIỆT MỘT ÂM TIẾT - CHỦ ĐỀ LÀM

Việc 1: Em đã biết

Em tìm ví dụ từ thuần Việt một âm tiết theo mô hình, chủ đề ĂN và LÀM.

Việc 2: Em luyện tập



- Em cho biết: Bốn hình trên diễn tả những cách lao động gì để sống? (Nhớ nói bằng từ thuần Việt một âm tiết).
 - Ngoài những cách trên còn có những cách lao động gì để có quần áo, có nhà ở, có cách giúp người ốm, giúp người đi lai?

Việc 3: Tự sơ kết

LUYỆN TẬP TỪ THUẦN VIỆT CHỦ ĐỀ LÀM

Việc 1: Em xem hình vẽ



Trống đồng Ngọc Lũ



Hình khắc đúc trên mặt trống



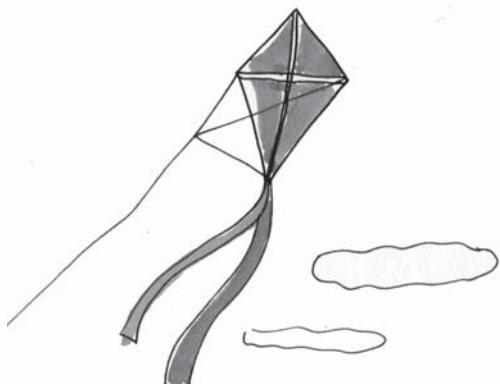
Hình tìm thấy trong hang động vùng Chauvet nước Pháp

Việc 2: Em luyện tập

Người làm trống đồng, người
vẽ lên hang động, có được coi là lao
động không? Họ làm gì?

Người làm ra cái diều, cái sáo, cái
đàn có được coi là lao động không?

Người hát rong, người diễn trò,
có được gọi là LAO ĐỘNG không?

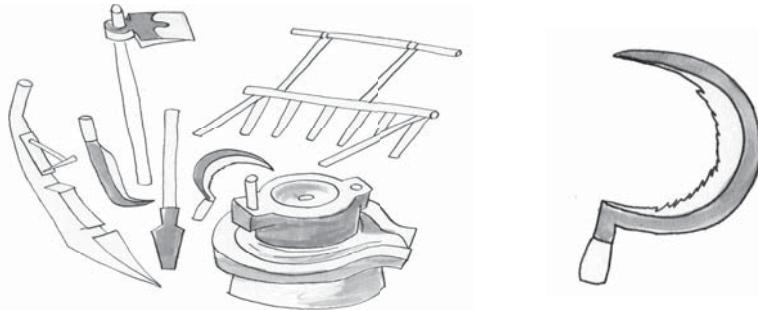


LUYỆN TẬP TỪ THUẦN VIỆT CHỦ ĐỀ LÀM

Điền từ thuần Việt thích hợp vào chỗ trống (gặp khó khăn thì hỏi)
 - sau khi làm đúng thì cùng học thuộc lòng:

- a. *Trên đồng cạn, dưới sâu
 Chồng cày, vợ, con trâu đi*
- b. *Người ta đi lấy công
 Tôi nay đi còn trông nhiều bè.*
- c. *Tháng Chạp thì bận khoai
 Tháng Giêng trồng tháng hai trồng cà.
 Tháng Ba cày bở ruộng ra,
 Tháng Tư gieo thuận hòa mọi nơi.
 Tháng Năm hái vừa rồi,
 Bước sang tháng Sáu, nước trôi đầy
 Nhà nhà vợ vợ chồng chồng,
 Đi làm ngoài sá kể sớm trưa.
 Tháng Sáu, tháng Bảy, khi vừa,
 Vun trồng giống bỏ chừa cỏ tranh.
 Tháng Tám lúa giỗ đã dành,
 Tháng Mười hái cho nhanh kịp người.*

Đố biết tên gọi các dụng cụ nhà nông này



LIÊN HOAN TỪ THUẦN VIỆT CHỦ ĐỀ LÀM

Trò chơi 1 - Em đã biết

Thi cá nhân. Từng em trong vòng 5 phút phải tìm những từ thuần Việt một âm tiết theo chủ đề LÀM. Ba giải thưởng:

- (1) Chọn được nhiều từ hơn.
- (2) Chọn nhiều từ nói được nhiều dạng LAO ĐỘNG hơn.
- (3) Chọn không sai.

Trò chơi 2 - Chúng em thi kịch câm

Cả lớp ngồi quay thành vòng tròn. Từng em rút thăm gấp từ thuần Việt một âm tiết về chủ đề LÀM thì phải lên đóng kịch câm công việc đó. Tự đề ra giải thưởng.

Một số từ rút thăm: câu (cá), đuối (con mồi), bắn (con mồi), cấy (lúa), cày (ruộng), cuốc (đất), gieo (hạt), tưới (cây), bổ (củi), phơi (thóc, cá)... các em cùng giáo viên nghĩ thêm cho vui.

Trò chơi 3 - Đố em (từng em viết)

Trong một lần đi chơi hai bạn này bảo nhau: chúng mình bắt chước người đời xưa làm lều bằng lá cây đi. Bạn kia bảo: lá cây làm sao thành lều được? Em tưởng tượng và viết ra những câu hai bạn đó tranh cãi trước khi làm cái lều bằng lá chuối như hình vẽ.



Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Dân chúng, quần chúng, công chúng, chúng ta, chúng mình
Bắn trúng đíc, trúng tuyển

TỪ THUẦN VIỆT MỘT ÂM TIẾT - CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH

Việc 1: Xem hình, kể chuyện



Việc 2: Luyện tập – Gọi tên các thành viên trong gia đình

Chúng ta có hình ảnh một gia đình người đời xưa. Các em tưởng tượng và cùng trả lời những câu hỏi sau.

- Trong gia đình này, người nào già nhất? Người nào trẻ nhất?
Người trẻ nhất đó gọi người già nhất ngồi và tay giữ chiếc gậy kia là gì?
- Ông già đó có vợ không? Trong hình không thấy có bà già, bà già đó đâu rồi? Đứa bé nhất phải gọi bà già đó là gì?
- Ông già có mấy người con? Em đoán ông có hai con trai à? Nếu ông có hai con trai thì hai người đàn bà trong hình là gì trong gia đình?
- Thế nhỡ ông có một con trai và một con gái thì sao? Trong trường hợp đó ai là con dâu và ai là con rể của ông?
- Ngoài ông già, ai là chồng của ai? Và ai là vợ của ai?

Việc 3: Tự sơ kết

Em nghĩ ra câu nói của người con quỳ xuống đưa thức ăn cho bố và nói câu gì? Bố trả lời thế nào? Hai bên xưng hô thế nào? Hôm nay em học điều gì mới?

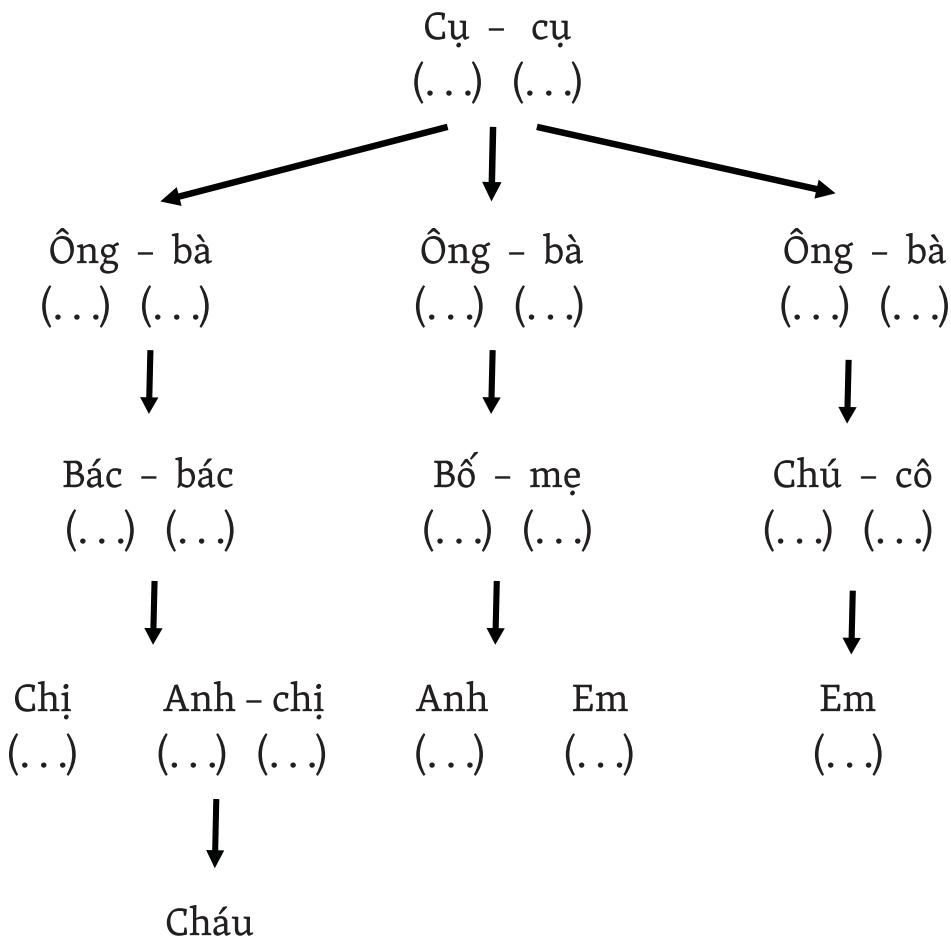
LUYỆN TẬP TỪ THUẦN VIỆT CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH

Thảo luận, trả lời

- Ai dạy con dùng nỏ để săn bắn thú?
 - Đứa con học nỏ là con trai hay con gái?
 - Ai dạy con quay tơ kéo sợi để dệt vải?
 - Đứa con họ quay tơ là con trai hay con gái?
 - Đó có là một gia đình không?



Bài tập về nhà: Em điền tên người thân vào trong ngoặc ở sơ đồ dưới đây:



LUYỆN TẬP TỪ THUẦN VIỆT CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH

Điền từ thuần Việt thích hợp vào chỗ trống (gặp khó khăn thì hỏi) – sau khi làm đúng thì cùng học thuộc lòng:

- Chị ngã, nâng
- Tưởng là ngã nâng,
Ai ngờ ngã em bưng miệng cười!
- Có nuôi mới biết lòng mẹ.
- Mẹ gà vịt.
- Mẹ tròn vuông.
- Có phúc đẻ biết lội, có tội đẻ biết trèo.
- . . . già ở túp lều tranh
Sớm thăm, tối viếng mới dành dạ
- Đói lòng ăn hột chà là
Để cорм nuôi , mẹ già yếu răng.
- Anh như thế chân tay
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.
- Cửa chồng công
- Sảy còn mẹ, sảy bú dì.
- Chồng giận thì bốt lời
Cơm sôi nhỏ lửa một đời không khê.
- Anh làm rể bên em, có mà không có mẹ
Em làm bên anh, có mẹ mà không có
Bữa ăn nước mắt chan hòa,
Mẹ ơi! mẹ hối! đi đâu mà bỏ con!

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Con dâu, quả dâu, cô dâu – Để râu, râu ria

Xảy ra một việc – Sa sẩy mất mát, sẩy cha còn mẹ

TỪ THUẦN VIỆT MỘT ÂM TIẾT - CHỦ ĐỀ NHÀ Ở

Việc 1: Đọc thầm

Động Người Xưa

Động Người Xưa là một di tích của người xưa. Động nằm trong khu rừng thuộc vườn quốc gia Cúc Phương (Nho Quan, Ninh Bình).

Ta đi trên cây cầu dài hơn 100 m, đến chân dãy núi đá vôi, leo lên độ cao 45 m, vượt qua hơn 200 bậc đá là đến động Người Xưa. Động dài hơn 100 m, trong hang tối, nhiều chỗ lối đi hẹp.

Động có ba ngăn, cửa quay về hướng Tây Nam. Ngăn ngoài cùng rộng, sáng và thoáng, nơi có dấu tích của người xưa. Năm 1966, khai quật hang động này, ngành khảo cổ đã thu được các loại rùi đá, mũi nhọn bằng xương, dao cắt bằng đá, vỏ ốc và nhiều xương thú, răng thú, đặc biệt đã phát hiện được ba ngôi mộ cổ với các bộ xương người đã hóa thạch còn khá nguyên vẹn. Các nhà khoa học đã xác định những bộ xương này cách ngày nay khoảng 7.500 năm. Thi hài người chết được chôn trong tư thế nằm co...

Ngăn giữa hẹp, tối và ẩm thấp không có dấu tích của người xưa, nhưng đặc biệt có rất nhiều dơi, vì vậy đây còn có tên là Hang Đắng.

Ngăn trong cùng tối và ẩm nhưng có hệ thống nhũ đá rất đẹp.

(Theo Wikipedia)

Việc 2: Nhớ lại các chi tiết

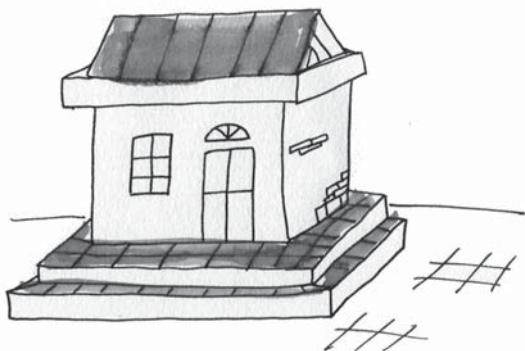
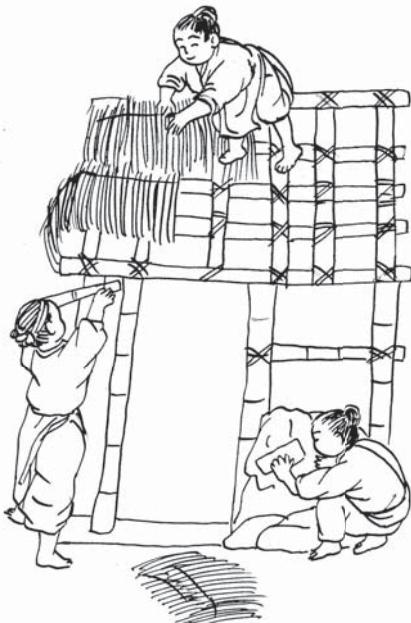
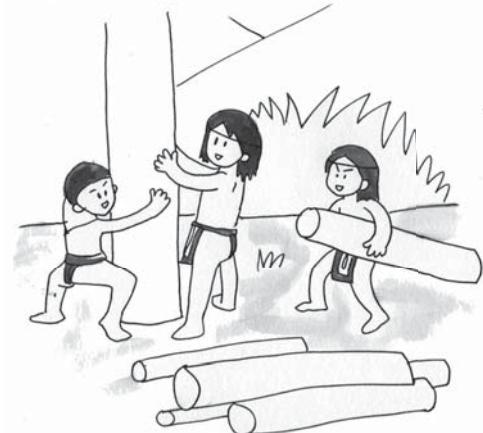
1. Khai quật Động Người Xưa thu được những dấu tích gì?
2. Các nhà khảo cổ xác định tuổi của Động Người Xưa là bao nhiêu năm?
3. Thi hài người chết “đã hóa thạch”. Em hiểu “hóa thạch” là gì?

Việc 3: Thảo luận

1. Tại sao người xưa ở trong hang?
2. Nếu cứ ở trong hang mãi, thì có thể có nước Việt Nam như của chúng ta hôm nay không?
3. Trả lời viết: theo ý em, tại sao người xưa lại từ bỏ cuộc sống trong hang động?

LUYỆN TẬP TỪ THUẦN VIỆT CHỦ ĐỀ NHÀ Ở

Việc 1: Xem hình



Việc 2: Cùng gọi tên trên hình

Giáo viên phóng to từng hình để các em cùng chỉ tay và gọi tên:
nhà - cột - mái - cửa - lợp - buộc - thang - thềm - hiên - sân -
gỗ - nóc - liếp - phên - tường - vách - tre - lạt - tranh - khung
- bậc - đanh - vôi - nứa - lá - cát - sỏi

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Dòng sông quê hương - Xông hơi trị cảm cúm

TỪ THUẦN VIỆT MỘT ÂM TIẾT - CHỦ ĐỀ ĐÁNH GIÁ

Việc 1: Xem hình, kể chuyện



Việc 2: Tự học: nói lời đánh giá - Từ trái nghĩa (một âm tiết)

- Làm nhà xong, ai cũng **vui**! Chẳng ai cả!
- Nhưng ông chê **đắt** quá. Bà bảo thế là rồi! Đắt gì mà đắt!
- Bà chê anh cả **lười** cả ngày chỉ chụp ảnh! Ông bệnh, bảo anh chụp ảnh là tốt. Chụp ảnh cũng là lao động cả đấy!
- Chị Hai nói: nhưng mà ảnh anh ấy chụp **xấu** lắm, ông ạ. Bà cười: hì hì, mẹ lại thấy ảnh rất !
- Bà nói tiếp: Bà thấy chỉ có hai cháu bà là **ngoan** thôi. Chú Út xua tay: ngoan gì mà ngoan, rất là, cả ngày đòi bú tí mẹ.

Việc 3: Luyện tập nhanh

Mẫu:

Bạn A: cái bàn này **to** - Bạn B: cái bàn này **bé**.

Làm tiếp: tìm từ trái nghĩa của: dài - nhanh - đặc - dẻo - tròn - yếu - đen - thấp - nóng - vuông - vững - béo - xinh

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Cơm dẻo canh ngọt, bánh dẻo - Một rẽo đất, rẽo đất cao trên núi

LUYỆN TẬP TỪ THUẦN VIỆT CHỦ ĐỀ ĐÁNH GIÁ

Từng cặp hai em nói (rồi viết) lời đánh giá bằng hai từ trái nghĩa thuần Việt một âm tiết.



Phát âm rất Phân tích âm rất Ghi âm rất



Cầu thủ này Chú Hải quân này Quyển sách này



Con mèo này Cùng chơi thật Chia tay thật

Nói ra rồi ghi lại: Các em nói ra và ghi lại các từ thuần Việt một âm tiết trái nghĩa.

LUYỆN TẬP TỪ THUẦN VIỆT CHỦ ĐỀ ĐÁNH GIÁ

Việc 1: Đọc thầm

Theo sóng cuốn đi

Mai An Tiêm lấy tay vỗ vỗ vào quả dưa hấu. Rồi anh ngẩng đầu lên cười với vợ. Anh vừa có ý nghĩ lạ trong đầu. Anh nói:

- Em à, chúng mình gửi mấy quả dưa về tặng vua cha.
- Việc gì phải gửi? Nhà vua đuổi vợ chồng mình ra đảo, cốt để mình chết đói, chết rét, chết đuối! Việc gì mình phải gửi miếng ngon vật lạ về.
- Anh vẫn nghĩ vua cha đêm đêm không ngủ được vì lo chúng ta chết đói, chết rét, chết đuối... Mình phải báo tin về cho người yên lòng... Đó là người thân của chúng ta. Ngoài nhà vua, còn bè bạn, còn họ hàng, ai ai cũng ngóng tin tức chúng ta...

Anh lấy con dao khắc ba chữ tên mình lên vỏ quả dưa: Mai An Tiêm. Làm xong một quả, anh lại lấy dao khắc tên mình lên quả thứ hai. Sau đó, hai tay ôm hai quả dưa, anh lội xuống nước, và cuí xuống khẽ đẩy chúng ra xa. Anh chờ cho con sóng xô tới cuốn chúng đi, rồi anh quay trở lại đảo.

Anh nhắm mắt lại và ngẩng mặt lên trời cao. Anh đang nghĩ đến những quả dưa hấu vỏ xanh mang tên anh sẽ đạt vào bờ. Anh nghĩ đến một người nào đó sẽ nhặt lên. Người đó đưa quả dưa tới cho mọi người. Họ sẽ reo to “Mai An Tiêm! Mai An Tiêm còn sống! Mai An Tiêm gửi tin tức vào đất liền!”. Và anh lại mỉm cười.

Nụ cười không bao giờ tắt trên môi con người quả cảm và đầy yêu thương.

(Nhóm Cánh Buồm kể)

Việc 2: Đánh giá

1. Các em kể lại với nhau câu chuyện Mai An Tiêm. Tại sao vợ chồng Mai An Tiêm bị đày ra đảo? Họ đã sống như thế nào? Tại sao họ lại trồng được đưa hứa?
2. Các em chọn từ thuần Việt một âm tiết để đánh giá công việc và cách sống của vợ chồng Mai An Tiêm.

Bài 4

TỪ GHÉP THUẦN VIỆT

PHÁT TRIỂN TỪ THUẦN VIỆT - TỪ GHÉP

Việc 1: Đọc thầm

Chuyện người tham ăn

Có anh chàng tính tham ăn. Hễ ngồi vào mâm, anh ta chỉ nhìn vào các món ngon, gấp lia lịa, miệng nhai nhồm nhồm nên không nói được rõ ràng.

Lần ấy, có một ông khách lạ thấy anh ta ăn uống lỗ mãng, muốn bắt chuyện để hăm bốt:

- Dạ, chẳng hay ông người ở đâu ta?
- Đây!
- Thế nhà ông được mấy cô cậu rồi?
- Mỗi!
- Thế cậu nhà đang làm ăn ở đâu?
- Tít!
- Các cụ thân sinh chắc còn cả chữ ạ?
- Tiết!

(Trích *Truyện cười dân gian Việt Nam*)

Việc 2: Đóng vai rồi thảo luận

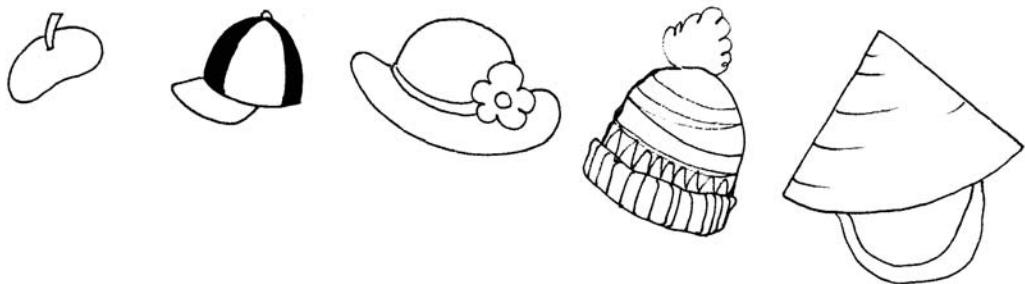
1. Các em chia nhau đóng vai xem cặp nào đóng buồn cười hơn cả.
2. Người tham ăn nói bằng những từ mấy âm tiết?

Việc 3: Tìm vấn đề - Ghi vở

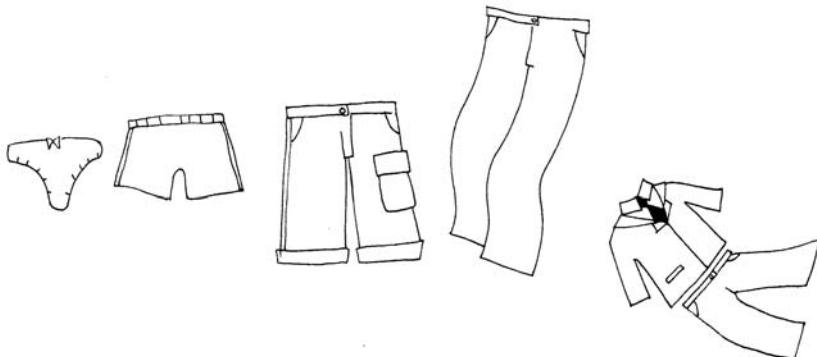
1. Các em tự tạo ra vở kịch người đời xưa nói từ thuần Việt chỉ bằng một âm tiết nên có nhiều bất lợi:
 - Báo tin nơi có thức ăn ngon mà không nói được ở chỗ nào, đành lôi bạn xênh xêch, chút nữa đánh nhau vì bạn đau và không hiểu.
2. Em ghi vở một câu về việc hôm nay học được điều gì?

TỪ GHÉP THUẦN VIỆT - TỪ GHÉP KIỂU 1

Việc 1: Xem hình, gọi tên



1. Có những mũ gì trong hình? Mũ nóni, mũ lưỡi trai, mũ nữ, mũ len, nón lá.
2. Ngoài ra em còn biết những loại mũ gì nữa? Mũ cối, mũ cao bồi, mũ lá, mũ hải quân, mũ bảo hiểm, mũ dạ, mũ bơi, mũ nhựa, mũ cói...



3. Có những loại quần gì trong hình? Quần lót, quần đùi, quần ngố, quần dài.
4. Ngoài ra em còn biết những quần gì nữa? Quần lụa, quần len, quần chẽn, quần bơi, quần ngủ...

Việc 2: Thảo luận, sơ kết

1. Em hãy mô tả sự thay đổi trong đời sống và cách thay đổi của từ thuần Việt một âm tiết.
2. Em hãy đặt tên cho kiểu từ mới học. Tại sao đồng ý chọn, tại sao không:
 - Từ mở rộng? Từ thay đổi? TỪ GHÉP được không?
3. Em hãy nghĩ ra và vẽ mô hình TỪ GHÉP mới học.

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Mũ dạ, dạ dày, vâng dạ – Một giọt lúa

Nhà rông ở Tây Nguyên – Cơn giông

TỪ GHÉP THUẦN VIỆT - TỪ GHÉP KIỂU 2

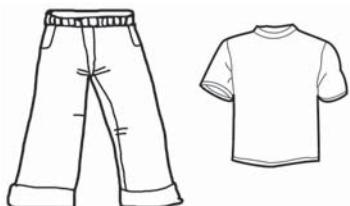
Việc 1: Xem hình, gọi tên



Có những áo hoặc quần gì?



Có những giày hoặc dép gì?



Nói gộp lại: QUẦN ÁO



Nói gộp lại: GIÀY DÉP

Việc 2: Thảo luận, sơ kết

Hai kiểu TỪ GHÉP khác nhau ra sao? Em cùng làm và tìm ra đặc điểm.

Từ ghép phân nghĩa	Từ ghép hợp nghĩa
Phép thử - Hỏi và trả lời	Phép thử - Hỏi và trả lời
Quần loại gì? Áo loại gì? Mũ loại gì? Bút loại gì? Sách loại gì? Xe loại gì? Hoa loại gì? Nồi loại gì?	Quần và gì? Quần với gì? Này là ruộng này là gì? Kìa là ruộng kìa là gì?

quần lót - quần đùi - quần dài - quần chẽn - quần bò - quần lụa...	giày dép - sách vở - nhà cửa núi sông - ruộng vườn
Không được nói	Được nói
quần quần lót lót - quần quần đùi đùi sách sách toán toán - vở vở viết viết nhà nhà gạch gạch - áo áo len len	quần quần áo áo - sách sách vở vở núi núi sông sông - ruộng ruộng vườn vườn

LUYỆN TẬP

TỪ GHÉP HỢP NGHĨA - PHÂN NGHĨA - CHỦ ĐỀ ĂN

Việc 1: Ôn điền em đã biết

1. Các em nói ĂN UỐNG
2. Thủ: ăn VỚI uống - này là ăn, này là uống - ăn ăn uống uống
3. Đó là loại từ ghép kiểu gì?

Việc 2: Luyện tập Mẫu với từ ghép phân nghĩa chủ đề ĂN

1. Các em nói CƠM.
2. GV giúp các em trả lời câu hỏi “cơm gì” để có các loại từ ghép phân nghĩa.

Mẫu:

GV: cơm nấu bằng/từ gạo nếp

HS: cơm nếp

GV: cơm không nấu ở nhà, cơm ăn ở hàng cơm

HS: cơm hàng

Cơm té - cơm nếp - cơm rang - cơm hàng - cơm khách - cơm tháng - cơm khê - cơm nát - cơm dẻo - cơm bụi - cơm thừa - cơm thiu - cơm sống - cơm chín - cơm chay - cơm gạo lứt - cơm nhà...

3. Các em chia nhóm 3 bạn, tìm các từ ghép phân nghĩa, ghi lại để cùng soạn TỪ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI

Nhóm 1: CANH gì? → Canh thịt, canh rau,...?

Nhóm 2: THỊT gì? → Thịt gà, thịt bò,...?

Nhóm 3: NỒI gì? → Nồi đồng, nồi đất,...?

Nhóm 4: BÁT gì? → Bát sứ, bát ô tô,...?

Nhóm 5: THÌA gì? → Thìa canh, thìa cà-phê,...?



Việc 3: Trả lời viết - Em nào thích thì trả lời:

Theo em, trong từ ghép của tiếng Việt, từ ghép hợp nghĩa hay từ ghép phân nghĩa chiếm phần nhiều? Tại sao lại thế?

LUYỆN TẬP TỪ GHÉP PHÂN NGHĨA - CHỦ ĐỀ ĂN

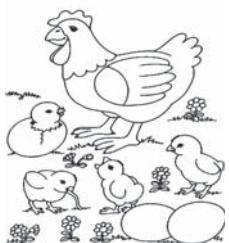
Việc 1: Ôn điền em đã biết

Các em nói ĂN UỐNG. Đó là loại từ ghép kiểu gì? Tại sao em biết?

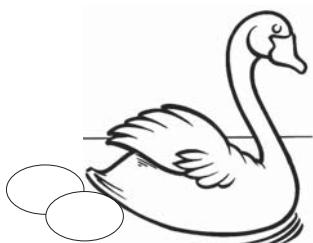
Việc 2: Luyện tập từ ghép phân nghĩa

Thi theo nhóm tìm từ ghép phân nghĩa, nếu có hình ảnh càng tốt, để cùng soạn TỪ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI – Mách các em: vào internet tìm hình trên Wikipedia.

Mẫu:



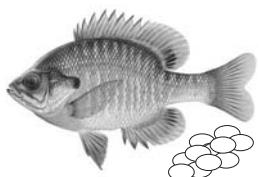
Trứng gà



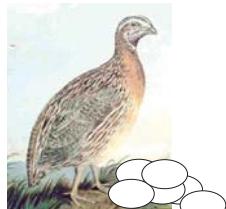
Trứng ngỗng



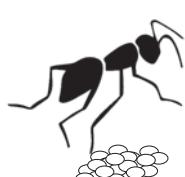
Trứng vịt



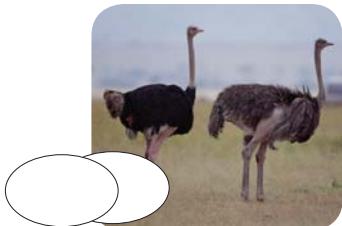
Trứng cá



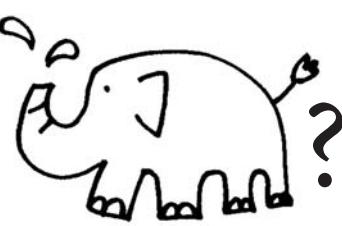
Trứng cút



Trứng kiến



Trứng đà điểu



Trứng voi???

Việc 3: Chia nhóm thi sưu tập từ ghép phân nghĩa

bánh – kẹo – gà – cá – rau – gạo – nước – nồi – đĩa – bếp – đũa – canh – mì – cháo – phở – đậu – kem

LUYỆN TẬP TỪ GHÉP PHÂN NGHĨA - CHỦ ĐỀ ĂN

Việc 1: Ôn điền em đã biết

Các em cho biết: Có người nói “Tết chỉ ăn ăn uống uống cả ngày, chẳng được nghỉ”. Nói thế có đúng tiếng Việt không? Tại sao đúng hoặc không đúng?

Việc 2: Luyện tập từ ghép hợp nghĩa và phân nghĩa

1. Các em cho biết: đây là loại từ gì? Vì sao em biết?
cơm nước - cơm cháo - gạo nước - rau dưa -
thịt cá - mắm muối - hành tỏi - dao thớt
2. Các em chia nhau thi tìm nhiều từ ghép phân nghĩa theo các từ ghép hợp nghĩa bên trên.

Chú ý làm đẹp nữa để đưa vào bộ TỪ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI.

Việc 3: Luyện tập không bắt buộc

Các em xếp những từ dưới đây vào hai cột do các em đặt tên.
Nếu bị chê xếp sai, em cãi lại để nói mình xếp đúng. Nếu nhận ra sai
thì tự chữa. (Nhờ giáo viên hoặc người lớn làm trọng tài khi cần)

rau khúc - bánh khúc - xôi lạc - bánh xèo - bún bánh
hoa quả - tương ớt - thịt cá - thịt trâu - thịt bò -
muối ớt - muối hạt tiêu - ớt chì thiên - ớt Đà Lạt -
rau muống - rau lang - rau má - rau quả - cà chua -
cà pháo - cà tím - cà bát - dưa cà - cá mú

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Chị em, chị dâu, chị nuôi - Chính trị, giá trị

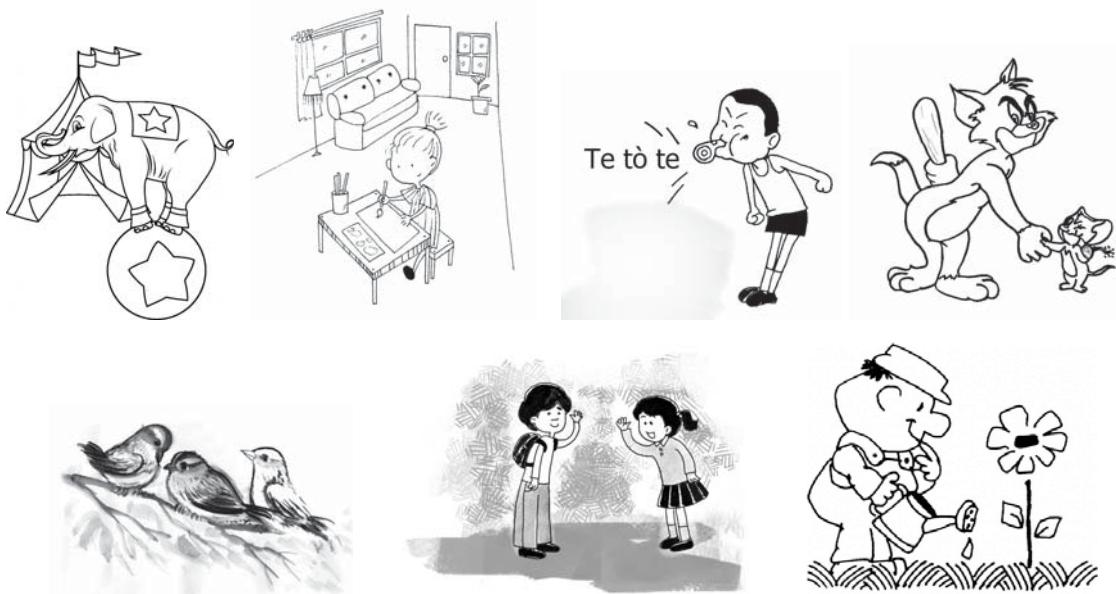
LUYỆN TẬP TỪ GHÉP PHÂN NGHĨA - CHỦ ĐỀ LÀM

Việc 1: Ôn điền em đã biết

1. Các em nói LÀM ĂN
2. Thủ: Làm với ăn! Làm làm ăn ăn. ĂN nên LÀM ra.
3. Làm ăn là từ ghép kiểu gì?

Việc 2: Luyện tập (giải nghĩa, đặt câu) với từ ghép phân nghĩa

Làm xiếc, làm trò, làm bộ, làm báo, làm bếp, làm việc, làm cỏ, làm công, làm cơm, làm dáng, làm duyên, làm đầu, làm đóm, làm phúc, làm quen, làm ruộng, làm vườn, làm thịt,...



Việc 3: Luyện tập vui từng cặp

Em và các bạn cùng tìm thêm các từ ghép khác có chứa tiếng LÀM rồi mỗi người nói một câu với từ mình vừa tìm được.

Mẫu: Khi nào làm bài xong em mới đi chơi.

Em gái tớ rất hay làm nũng, lấm lúc đến là bức mình.

TỪ GHÉP - MỞ RỘNG TỪ GHÉP PHÂN NGHĨA - CHỦ ĐỀ LÀM

Việc 1: Ôn điệu em đã biết

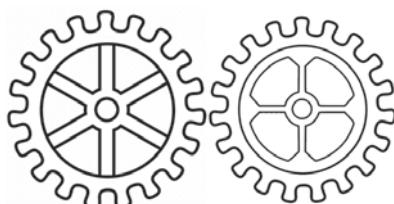
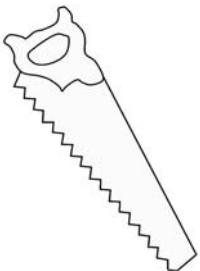
Các em nói: “đàn hát”. Đàn hát là kiểu từ ghép gì?



Việc 2: Luyện tập với từ ghép phân nghĩa

1. Các em nói “đàn”.
2. Các em tìm những từ ghép phân nghĩa với “đàn”.
 - Gợi ý để các em nói vào: Đàn bầu, đàn ghi-ta, đàn tranh, đàn tính, đàn môi, đàn t'rưng...
 - Đố em biết đàn tràng dùng vào việc gì?
 - Đố em nói vào cho đủ và giải nghĩa: Đàn gẩy trâu.
3. Ghi lại các từ cùng soạn TÙ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI.

Việc 3: Vui học - Tìm xem có bao nhiêu kiểu RĂNG



TỪ GHÉP - LUYỆN TẬP TỪ GHÉP PHÂN NGHĨA

Việc 1: Làm cái đã biết

Các em đưa từng từ ghép phân nghĩa vào chỗ trống cho đúng:
(Làm bánh, làm duyên, làm việc, làm nũng)

Chủ nhật, mẹ cho cả nhà ăn. Bé Na cũng được
làm cùng mẹ. Mẹ cho bé nặn bánh. Bố chụp được bức ảnh bé
đang bên chiếc bánh vừa nặn. Cả nhà cùng
thật là vui. Bé Na bố mẹ, em bảo ước gì mỗi tuần có hai
ngày chủ nhật!

Việc 2: Cùng vui học

Từ ghép nào phù hợp với các bức ảnh sau: làng quê, làng cổ, làng
nghề, làng báo, làng hoa. Giải nghĩa những từ các em không chọn.



Việc 3: Sưu tầm

Các em sưu tầm hình ảnh làng nghề của nước ta.

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Nặn bánh, nặn mụn nhọt, nặn tượng – Tàu lặn, lặn lội

TỪ GHÉP - MỞ RỘNG TỪ GHÉP PHÂN NGHĨA - CHỦ ĐỀ NHÀ Ở

Việc 1: Ôn cái đã biết

Em dùng phép thử để giải thích nhà cửa thuộc kiểu từ ghép gì?

Việc 2: Tìm từ ghép phân nghĩa của từ gốc NHÀ

Mẫu:

- Nhà gì? Nhà sàn. - Nhà gì? Nhà gạch. - Nhà gì? Nhà cao tầng.



Việc 3: Tự sơ kết

1. Hôm nay nhóm em tìm được bao nhiêu từ ghép phân nghĩa chủ đề nhà?
2. Em ghi lại tất cả những từ đó vào vở.
3. Các em chia nhau giải nghĩa từ bằng hình để đưa vào TÙ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI.

Việc 4: Vẽ nhà đố vui

Đố bố mẹ, ông bà, anh chị biết nhà chọc trời là gì?

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Dùng gậy chọc bưởi, chọc gheo - Đầu trọc lông lốc bình vô

LUYỆN TẬP TỪ GHÉP PHÂN NGHĨA - CHỦ ĐỀ NHÀ Ở

Việc 1: Ôn cái đã biết

Em dùng phép thử để giải thích nhà kho, nhà lá, nhà ngói thuộc kiểu từ ghép gì?

Việc 2: Luyện từ ghép phân nghĩa

Các em tìm cách giải nghĩa dễ hiểu nhất cho các từ ghép phân nghĩa sau:

Mẫu: (cách miêu tả) Nhà sàn thường có ở miền núi, là nhà làm cao hơn mặt đất, bên dưới nuôi súc vật, người ở trên sàn gỗ hoặc sàn tre nữa.

Mẫu: (cách nói từ trong câu) Cạnh trường em có một cái nhà tập thể cho công nhân và cán bộ ở.

1. Loại dễ:

Nhà sàn, nhà mái bằng, nhà riêng, nhà tập thể, nhà ăn, nhà trọ, nhà ga, nhà chùa, nhà khách.

2. Loại khó:

nha thương, nha thương làm phúc, nha trẻ mồ côi, nha dưỡng lão, nha thờ họ, nha mồ, nha giáo, nha nông, nha rông, nha soạn nhạc, nha viết kịch, nha giàn, nha giàn DK1.

Việc 3: Tự sơ kết

- Em nói nhanh những điều đã được học trong ngày hôm nay.
- Em搜集 tranh ảnh về các kiểu nhà để dán vào các TƯ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI.

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Giáo dục, nhà giáo - Dáo mác, dáo dác

Dao kéo - Giao du, giao thiệp

Dạo chơi, dạo nhạc, băng đi một dạo

LUYỆN TẬP TỪ GHÉP PHÂN NGHĨA - CHỦ ĐỀ NHÀ Ở

Việc 1: Đọc thầm:

Nhà rông ở Tây Nguyên

Nhà rông thường được làm bằng các loại gỗ bền chắc như lim, gụ, sến, tátu. Nó phải cao để đàn voi đi qua mà không đụng sàn và khi múa rông chiêng trên sàn, ngọn giáo không vướng mái.

Gian đầu nhà rông là nơi thờ thần làng, trên vách treo một giỏ mây đựng hòn đá thần. Đó là hòn đá mà già làng nhặt lấy khi chọn đất lập làng. Xung quanh hòn đá thần, người ta treo những cành hoa đan bằng tre, vũ khí, nông cụ của cha ông truyền lại và chiêng trống dùng khi cúng tế.

Gian giữa với bếp lửa là trung tâm của nhà rông. Các già làng thường họp tại đây để bàn những việc lớn. Đây cũng là nơi tiếp khách của làng.

Từ gian thứ ba là nơi ngủ của thanh niên. Theo tập quán của nhiều dân tộc, trai làng từ mười sáu tuổi chưa lập gia đình đều ngủ tập trung ở nhà rông để bảo vệ buôn làng.

(Theo Nguyễn Văn Huy)

Việc 2: Nhớ lại các chi tiết:

1. Nhà rông thường được làm bằng những loại gỗ nào?
2. Vì sao nhà rông phải chắc và cao?
3. Vì sao nói nhà gian giữa là trung tâm của nhà rông?
4. Gian thứ ba của nhà rông được dùng làm gì?

Việc 3: Sơ kết

1. Kể lại những điều em biết về nhà rông Tây Nguyên.
2. Em sưu tầm tranh ảnh về các kiểu nhà của các dân tộc trong nước mình - phía dưới mỗi bức tranh, ảnh nhớ viết vài lời giới thiệu nhé! Chúng ta sẽ có một bộ sưu tập rất thú vị.

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Nhà rông - Cơn giông - Chạy rông

TỪ GHÉP - MỞ RỘNG TỪ GHÉP PHÂN NGHĨA - CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH

Việc 1: Ôn điệu em đã biết

Cho từ thuần Việt: EM. Cùng tìm các từ ghép phân nghĩa với từ EM này.



Em trai, em gái, em bé, em nhỏ, em út, em ruột, em họ, em nuôi, em sinh đôi, em con chú, em con dì, em cùng cha khác mẹ,...

Việc 2: Luyện tập

Chia nhóm, cùng làm bài tập trong 10 phút. Báo cáo trước cả lớp.

- Mẹ tôi là em mẹ chị Hoa. Chị Hoa bé hơn tôi 4 tuổi, còn khóc nhè, mà tôi vẫn phải gọi là chị. Tại sao? Theo từ ghép phân nghĩa, tôi là EM của chị Hoa.
- Về quê, gặp các anh chị cùng tuổi hoặc bé hơn, tôi đều phải gọi bằng anh hoặc chị. Bà giảng thế này: Tại vì bố cháu là EM lấy mẹ cháu cũng là EM Cháu phải xưng EM là đúng rồi.
- Đầu năm học, một hôm tôi vỗ vai một bạn mới: “Thúy à, mình hỏi một tí...”. Bạn ấy nói: “Tớ không phải Thúy, tớ là Thúy... Kia mới là Thúy.” “Ôi hai cậu giống nhau ghê”. Thúy cười: “Chúng mình sinh đôi. Mình là em. Thúy là EM của mình”.

Việc 3: Tự luyện tập

Em ghi tên một số người là EM (ghi rõ EM gì) - Có thể hỏi người nhà.

LUYỆN TẬP TỪ GHÉP PHÂN NGHĨA - CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH

Việc 1: Nói để ôn cái đã biết

Các em tìm một cách gọi của từng người với nhau trong 2 hình này.



Hình 1



Hình 2

Việc 2: Điều tra

Điều tra và ghi vào vở của em:

1. Bố (và mẹ) em có ai là anh trai, anh rể, em gái, em dâu?
2. Ông nội (và bà nội) em có ai là con trai, con gái, con rể, con dâu?
3. Ông nội (và bà nội) em có ai là cháu trai, cháu gái, cháu nội, cháu ngoại?
4. Ông ngoại (và bà ngoại) em có ai là cháu trai, cháu gái, cháu nội, cháu ngoại?
5. Trong gia đình em có ai là con nuôi, cháu nuôi? Tên là gì?
6. Em có bố (mẹ) đõi đầu không? Tên là gì?

Việc 3: Tự ghi kết quả

Em ghi lại các từ ghép phân nghĩa chủ đề GIA ĐÌNH em đã tìm ra để đưa vào TỪ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI.

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Cháu trai, cháu gái – Cháo trai

Chai lọ – Chai lì, chây lì

LUYỆN TẬP TỪ GHÉP PHÂN NGHĨA - CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH

Việc 1: Luyện tập tự tìm hiểu nghĩa từ

1. Cho các từ ghép sau – từ nào là ghép hợp nghĩa hoặc phân nghĩa?
Cha con - cha đẻ - cha nuôi - cha đỡ đầu - mẹ con - mẹ đẻ - mẹ nuôi - mẹ đỡ đầu
2. Trong câu chuyện sau có những từ ghép nào:

“Cháu Minh ngay từ khi ra đời đã có một người cha đỡ đầu. Và thế là có cả mẹ đỡ đầu. Khi Minh được hai tuổi thì cha Minh chẳng may bị chết. Thế là cha đỡ đầu lo mọi việc cho Minh. Cha đỡ đầu và mẹ đỡ đầu giúp mẹ đẻ của Minh săn sóc sức khỏe của em, đưa em đi nhà trẻ, đưa em đi tiêm chủng... đến khi Minh sáu tuổi thì cha đỡ đầu còn cùng mẹ đẻ đưa Minh đi học lớp Một.”

Việc 2: Luyện tập vui

Đọc thầm, rồi đọc đồng thanh, học thuộc ngay tại lớp:

Bồ các là bác chim ri
 Chim ri là dì sáo sậu
 Sáo sậu là cậu sáo đen
 Sáo đen là em tu hú
 Tu hú là chú bồ các
 Bồ các là bác chim ri

Các em thảo luận:

Chim ri gọi tu hú là gì? Bồ các gọi sáo sậu là gì? Chim ri gọi sáo đen là gì? v.v. Tiếp tục đố nhau đi.

Việc 3: Tự tìm từ ghép phân nghĩa (có thể làm theo nhóm)

bác trai - bác gái - bác họ xa - bác họ gần - chú họ - chú rể - cô dâu - bà nội - bà ngoại - bà trẻ - bà xã - ông nội - ông ngoại - ông trẻ - ông xã

LUYỆN TẬP TỪ GHÉP PHÂN NGHĨA - CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH

Việc 1: Ôn điêu em đã biết

bạn trai - bạn gái - bạn học - bạn hàng - bạn nghề - bạn cũ - bạn mới - bạn thả điếu - bạn chăn trâu - bạn đường...

Các em chia nhóm cùng nhau điền vào chỗ trống cho đúng:

1. Bạn của bố mẹ em rất đồng có và có cả
2. Bố em kể: trong số những của bố em ở quê, có và có cả cả ngày ở ngoài đồng vui lắm.
3. Cụ em kể chuyện ngày xưa chỉ có đường đi bộ. Đường xa, vắng vẻ, có khi có thú dữ, nên phải có cùng đi cho đỡ buồn và đỡ sợ.
4. Cảnh nhà em có cửa hàng bán đồ gỗ. Đến ngày giỗ tổ nghề, thơ mộc tấp nập các về dâng hương.
5. Ở chợ cũng thế, các bà không có ông tổ nghề buôn, nhưng các bà cũng hay tụ tập cúng vái lắm.

Việc 2: Thảo luận

Điền vào chỗ trống và đánh giá SAI/ĐÚNG với nhau - Hết bí thì hỏi giáo viên:

1. Nhà nông là từ chỉ những **người** làm nghề đồng ruộng.
2. là từ chỉ chung những **người** làm nghề thông tin, truyền thông.
3. Từ chỉ chung các **thầy cô** làm nghề dạy học là
4. **Người** làm việc trên con tàu vũ trụ là
5. **Người** vẽ bản đồ, khám phá các miền đất là
6. Trong các từ **nha** sau, khi nào là **người** và khi nào không:
nhà thờ - nhà chùa - nhà ngân hàng - nhà khách - nhà tù - nhà trọ - nhà tu hành - nhà điêu khắc - nhà xây dựng - nhà thầu

TỪ GHÉP - MỞ RỘNG TỪ GHÉP PHÂN NGHĨA - CHỦ ĐỀ ĐÁNH GIÁ

Việc 1: Học từ ghép Mẫu

Cho từ thuần Việt: **đẹp** và các từ ghép phân nghĩa **đẹp** người, **đẹp nết**, **đẹp trời**, **đẹp lão**, **đẹp trai**, **đẹp đôi**, **đẹp mặt**, **đẹp lòng**... Dùng một từ ghép nói thành câu đánh giá người và vật trong hình dưới đây:

Mẫu: Cô bé hái trầu cho bà thật **đẹp nết**.



Việc 2: Luyện tập

Em nói rồi viết một câu có từ nối “và” hoặc “nhưng” nối cặp từ ghép sau:

đẹp người / đẹp nết

đẹp trai / đẹp đôi

đẹp lòng / đẹp trời

đẹp trai / đẹp mặt

đẹp gái / đẹp mắt

đẹp trời / đẹp duyên

TỪ GHÉP - LUYỆN TẬP TỪ GHÉP PHÂN NGHĨA - CHỦ ĐỀ ĐÁNH GIÁ

Việc 1: Ôn cái đã biết

Em giải thích đẹp trai, đẹp lão, đẹp trời thuộc kiểu từ ghép gì?

Việc 2: Luyện từ trái nghĩa

Một cây mà có năm cành,

Xuống nước thì héo, để dành lại tươi

Các em đặt câu để nói nghĩa của mỗi từ sau:

Rau héo - héo lòng - héo dạ - héo hắt

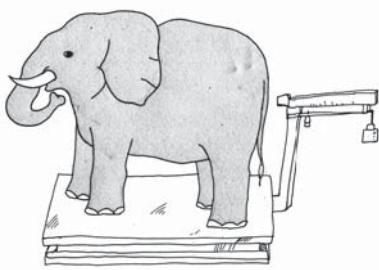
Tươi mát - hoa tươi - cá tươi - tôm tươi - cân tươi - mặt tươi

Việc 3: Tự luyện tập

Cùng bổ sung TỪ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI.



Mặt tươi



Cân tươi



Hành tươi



Đẹp người đẹp nết



Vui cửa vui nhà



Mát lòng mát dạ

LUYỆN TẬP TỪ GHÉP PHÂN NGHĨA - CHỦ ĐỀ ĐÁNH GIÁ

Việc 1: Ôn cái đã biết

1. Hãy tìm các từ trái nghĩa với các từ thuần Việt sau:
hiền - xinh - ngoan - giỏi - chăm
2. Theo mẫu chăm học chăm làm em tìm các cách nói tương tự.
3. Em nói một câu để làm rõ nghĩa các cách nói em đã tìm ra.

Việc 2: Luyện tập

1. Thi nhau viết được nhiều câu mỗi câu có hai hoặc ba từ dưới đây:
hiền lành - hiền thảo - hiền dịu - hiền hòa
mẹ hiền - vợ hiền - dâu hiền - chị hiền
2. Đặt từ ghép dưới đây cho đúng người và việc - sau đó nói và
viết câu có chứa các từ đó:
Nhanh chân - nhanh tay - sạch nhà - sạch cửa sạch nhà - sạch
đường sạch phố - đẹp xóm đẹp làng - đẹp lòng



Việc 2: Sơ kết tiết học

Hôm nay em đã học những gì?

Điều em thích nhất trong tiết học ngày hôm nay là gì?

Em chọn các từ đưa thêm vào TỪ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI.

LUYỆN TẬP TỪ GHÉP PHÂN NGHĨA - CHỦ ĐỀ ĐÁNH GIÁ

Việc 1: Giải nghĩa từ bằng đặt câu:

Em nói một câu với từng cụm hai từ sau đây, có dùng một trong các từ nối **và, hoặc, hay, nhưng**:

Đẹp người, đẹp nét
Mạnh khỏe, vui tươi
Luộm thuộm, ngăn nắp

Đẹp mặt, đẹp lòng
Sạch sẽ, ngăn nắp

Việc 2: Giải nghĩa từ bằng cách tìm từ trái nghĩa:

Tìm từ ghép trái nghĩa với từ in đậm trong các câu dưới đây.
Đặt câu với từ đã tìm được.

Mẫu: Nước sông mùa lũ **đục ngầu**

Từ trái nghĩa: **đục ngầu** >< trong vắt

Đặt câu: Nước giếng nhà tớ **trong vắt**, mát lấm áy!

- Mùa hè, trời **nóng nực** quá.
- Góc học tập của tớ lúc nào cũng **sạch sẽ**, gọn gàng.
- Cậu đi đâu mà **vội vàng** thế?
- Các bạn **ồn ào** quá, tớ chẳng nghe được giáo viên nói gì cả.
- Đường phố ngày đêm luôn luôn **đông đúc**.

Việc 3: Tự học vui

Các em thi nhau vẽ để minh họa nghĩa một trong các từ mới tìm được ở trên.

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Quáng quàng, quăng quật, quanh quẩn, cách quãng

TỪ GHÉP - SƠ KẾT

Việc 1: Đọc thầm

Hai bàn tay em

<i>Hai bàn tay em</i>	<i>Giờ em ngồi học</i>
<i>Như hoa đầu cành</i>	<i>Bàn tay siêng năng</i>
<i>Hoa hồng hồng nụ</i>	<i>Nở hoa trên giấy</i>
<i>Cánh tròn ngón xinh.</i>	<i>Từng hàng giăng giăng.</i>
<i>Đêm em nằm ngủ</i>	<i>Có khi một mình</i>
<i>Hai hoa ngủ cùng</i>	<i>Nhin tay thủ thi</i>
<i>Hoa thì bên má</i>	<i>Em yêu em quý</i>
<i>Hoa ấp cạnh lòng.</i>	<i>Hai bàn tay em.</i>
<i>Tay em đánh răng</i>	
<i>Răng trắng hoa nhài.</i>	(Huy Cận)
<i>Tay em chải tóc</i>	
<i>Tóc ngời ánh mai.</i>	

Việc 2: Luyện tập

- Thi nhau tìm ra nhiều từ ghép phân nghĩa.
Hoa nhài – hoa lan – hoa... (tìm tiếp)
Tóc đen – tóc bạc – tóc... (tìm tiếp)
- Em nói và viết một câu với hai từ ghép đã tìm ra. Có thể dùng các từ nối và, hoặc, hay, nhưng khi nói và viết câu.
- Mỗi em tạo một hình vẽ để chỉ nghĩa một từ ghép với tay và đưa chung vào TÙ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI của lớp.

Một phút luyện luật chính tả theo nghĩa

Giăng hàng (chẳng hàng), lúa Ba Giăng (ba tháng, ba kỳ trăng)
Dung dăng dung dẻ

TỰ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TỪ GHÉP HỢP NGHĨA VÀ TỪ GHÉP PHÂN NGHĨA

Thống kê từ đã học

Chia nhóm, thi đua giữa các nhóm xem nhóm nào thống kê được nhiều từ.

STT	Từ thuần Việt	Từ ghép	
		Từ ghép hợp nghĩa	Từ ghép phân nghĩa
1	Cơm	Cơm nước, cơm áo,... (tìm tiếp)	Cơm rang, cơm té,... (tìm tiếp)
2	Rau	Rau quả, rau cỏ,... (tìm tiếp)	Rau muống, rau xào,... (tìm tiếp)
3	Nồi	Nồi niêu,... (tìm tiếp)	Nồi gang, nồi hấp,... (tìm tiếp)
4	Nhà	Nhà cửa,... (tìm tiếp)	Nhà sàn, nhà cao tầng,... (tìm tiếp)
5	Vườn	Ruộng vườn,... (tìm tiếp)	Vườn rau, vườn hoa,... (tìm tiếp)
6	Ông	Ông bà,... (tìm tiếp)	Ông nội, ông ngoại,... (tìm tiếp)
7	Cô	Cô cậu, cô bác,... (tìm tiếp)	Cô ruột, cô dâu,... (tìm tiếp)
8	Đẹp	Cao đẹp, đẹp tươi,... (tìm tiếp)	Đẹp người, đẹp nét,... (tìm tiếp)
9	Vui	Vui tươi, vui vầy,... (tìm tiếp)	Vui mắt, vui miệng,... (tìm tiếp)

Các em cùng soát lại các từ để đưa vào TỪ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI.

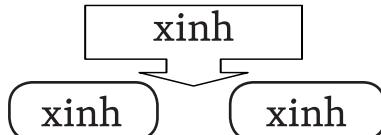
TỪ LÁY

Việc 1: Ôn nhanh từ ghép

1. Đây là từ ghép kiểu gì: quần áo - nhà cửa - sông núi - lúa ngô
2. Đây là từ ghép kiểu gì: trường học - trường bắn - trường đua

Việc 2: Em học cái mới: Từ láy

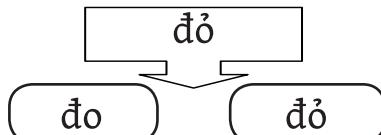
1. Kiểu láy thứ nhất: Láy toàn bộ
 - a. Láy toàn bộ không biến âm:



Đẹp →?... đở →?... đen →?... vàng →?... trắng →?...

Các em giao bài tập cho nhau, tự luyện tập theo Mẫu trên.

- b. Láy toàn bộ có biến âm:



Trắng → trắng trắng nặng → nặng nặng

Đẹp → đèm đẹp thích → thinh thích nhát → nhan nhát

Các em giao bài tập cho nhau, tự luyện tập theo Mẫu trên.

2. Kiểu láy thứ hai: láy bộ phận

- a. Láy phần đầu:

x	ộc
---	----

x	êch
---	-----

Gặp ghềnh - đì đùng - bì bạch - kì cách - nhì nhằng

Các em tự luyện tập đặt câu với một từ láy trên.

- b. Láy phần vần:

l	ênh
---	-----

đ	ênh
---	-----

Lung tung - linh tinh - lăng nhăng - lang thang - lúng túng -

lạch bạch - lép bép - liêu điêu - lêu têu - léo nhéo

Các em tự luyện tập đặt câu với một từ láy trên.

TỪ LÁY - CHỦ ĐỀ ĂN

Việc 1: Làm để nhắc lại các kiểu láy

Kiểu 1 - Láy toàn bộ không biến âm và có biến âm.

GV - (hoặc HS): mát

Cả lớp - mát mát, man mát

Tiếp tục với các vật liệu khác: đều - tròn - vuông - méo - dài - rộng - đẹp - xấu

Kiểu 2 - Láy bộ phận.

GV - (hoặc HS): lọc... biệt...

Cả lớp - lọc lọc, loàng lọc... biền biệt...

Tiếp tục với các vật liệu khác: nhí - nhõng - nhếch - lướt - lệch - lúng - mếu

Việc 2: Từ láy chủ đề ĂN

1. Các em tìm từ láy nói về hương vị khi ăn: Ngon → ngon ngon
Ngọt - mặn - thơm - đắng - cay - bùi - chát - chua
2. Các em giải thích nghĩa những từ mang dạng láy sau liên quan đến bếp lửa, nấu nướng, ăn uống:
Lom đom - bập bùng - rùng rực - hầm hập - xèo xèo - phưng phức - nghi ngút - xì xụp - nếm náp - nhấm nháp
3. Những con vật sau, con nào ăn được:
Se sẻ - liếu điếu - chích chòe - tu hú - bìm bìm - đa đa - cà cuống - châu chấu - chuồn chuồn - sặt sành

Luyện tập vui

1. Ở nhà quê có kiểu canh láo nháo (có nơi gọi là canh tập tàng).
Em tìm hiểu xem nồi canh láo nháo có những rau gì trong vườn nhà.
2. Đố biết ở nhà quê xưa cái bùi nhùi dùng để làm gì?

LUYỆN TẬP TỪ LÁY - CHỦ ĐỀ ĂN

1. Chia nhóm cùng nhau chọn làm hai bài tập sau. Các em nhớ ghi lại cho đẹp để đưa vào TỪ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI.
 - a. Nói rồi viết câu có chứa hai từ láy sau:
Ném náp, mằn mặn, nghi ngút, cay cay, bập bùng, nhấm nháp
Lom đom, hùng hực, cà cuống, lộc ngộc
 - b. Nói rồi viết câu có chứa ba từ láy sau:
Láo nháo, ném náp, đậm đà, hì hụi, thơm thơm, đăng đăng
Lanh chanh, xì xụp, phưng phức
2. So sánh nghĩa của từ láy với từ khác nghĩa:
thơm thơm (nghĩa: hơi thơm) khác với thơm phức, thơm ngào ngạt, thơm điếc mũi (nghĩa: rất thơm)
Em tìm tiếp và điền vào chỗ trống:
 - a. Xanh xanh khác với xanh....., xanh....., xanh....
 - b. Đỏ đỏ khác với đỏ....., đỏ....., đỏ
 - c. Trắng trắng khác với trắng...., trắng., trắng....
 - d. Tròn tròn khác với tròn....., tròn....., tròn
 - e. Buồn buồn khác với buồn....., buồn....., buồn....
 - f. Vui vui khác với vui....., vui., vui
 - g. Nhớ nhớ khác với nhớ....., nhớ., nhớ
 - h. Tiêng tiếc khác với tiếc....., tiếc., tiếc
3. Em cho biết những cách dùng từ nào sai và không sai dưới đây, nói rõ vì sao sai và vì sao không sai:
 - a. Đầu năm chúng em mặc những chiếc áo sơ-mi mới rất trắng trắng.
 - b. Sáng nay em thấy mẹ em hơi buồn buồn, nhưng em hỏi thì mẹ chỉ lắc đầu không nói gì.
 - c. Anh Trần Đăng Khoa mất con chó Vàng, anh thấy rất tiêng tiếc, rất nhớ nhớ, rất thương thương.

LUYỆN TẬP TỪ LÁY - CHỦ ĐỀ LÀM

1. Chia nhóm cùng nhau chọn làm hai bài tập sau. Các em nhớ ghi lại cho đẹp để đưa vào TÙ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI.
 - a. Đây là dạng từ láy nào: chăm chăm, kheo khéo, vụng vụng?
Em nói rồi viết ra một câu có chứa từ láy trên để nói về lao động của con người.
 - b. Đây là dạng từ láy nào: khéo léo, năng nổ, vụng về?
Em nói rồi viết ra một câu có chứa từ láy trên để nói về lao động của con người.
 - c. Em nói và viết câu có chứa hai từ láy sau:
vụng về / chăm chỉ - dở dang / qua quít
chăm chút / sơ sài - tỉ mỉ / kỹ càng
2. So sánh nghĩa của từ láy với từ khác nghĩa:
Vụng vụng, vụng vụng (nghĩa: hơi vụng) khác với rất vụng,
vụng vô cùng, vụng xì vụng xịt (nghĩa: rất vụng)
Em điền vào chỗ đánh giá dưới đây:

	Tốt	Không tốt
a. Làm qua qua rồi còn đi chơi.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b. Tay nghè kheo khéo nhưng lười.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c. Làm vội vội để mai làm nốt.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d. Không tầm tạm mà làm xong luôn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
e. Làm thật kỹ luôn, không kỵ kỹ gì hết.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
f. Buộc chặt luôn, không chăng chắc.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
g. Buộc chặt luôn, không chằn chặt.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
h. Nhanh nhanh tay còn đi chơi!	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

LUYỆN TẬP TỪ LÁY

Việc 1: Em tìm ra và gạch chân các từ láy trong những câu thơ dưới đây và cho biết chúng thuộc loại từ láy gì?

- a. *Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.*

(Trích Thu vịnh - Nguyễn Khuyến)

- b. *Năm gian nhà có thấp le te
Ngõ tối đêm sâu đóm lập lòe
Lưng dậu phất phơ màu khói nhạt
Làn ao lồng lánh bóng trăng loe.*

(Trích Thu ấm - Nguyễn Khuyến)

- c. *Nao nao dòng nước uốn quanh
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang
Sè sè nấm đất bên đàng
Râu râu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.*

(Trích Truyện Kiều - Nguyễn Du)

Việc 2: Tự học vui

Em hãy tìm những từ láy thích hợp để mô phỏng âm thanh những hình ảnh sau:



meo meo,

ngoao ngoao

LUYỆN TẬP TỪ LÁY - CHỦ ĐỀ NHÀ Ở

Việc 1: Ôn nét nghĩa tinh tế

Các em đọc thuộc những đoạn thơ học tiết trước.

Việc 2: Luyện tập tìm nghĩa tinh tế

1. Nhà cỏ thấp **le te** - có những từ khác mang nghĩa tương đương nhưng có sự khác biệt tinh tế: nhà **lụp xụp**, nhà **xiêu vẹo**, nhà **rách nát**, nhà **xập xệ**, nhà **tơi tả**, nhà **liêu xiêu**
 - a. Em mô tả từng ngôi nhà. Mẫu: nhà **xiêu vẹo** một trận gió là đổ.
 - b. Trong các từ in đậm trên, từ nào là từ láy, từ nào không?
2. Tầng mây **hở lửng** - có những từ khác mang nghĩa tương đương nhưng có sự khác biệt tinh tế: Mây trôi **lững thững**, mây bay **nhiều nhàng**, mây rải **bồng bềnh**
 - a. Em mô tả từng đám mây. Mẫu: mây trôi **bồng bềnh** như những bọc bông trôi nổi trên dòng nước.
 - b. Các từ in đậm trên là từ láy kiểu gì?
3. Ngõ trúc **quanh co** - có những từ khác mang nghĩa tương đương nhưng có sự khác biệt tinh tế: Ngõ nhỏ **ngoằn ngoèo**, lối đi **khúc khuỷu**, lối đi **quanh quanh**
 - a. Em mô tả từng lối đi trong ngõ.
 - b. Các từ in đậm trên là từ láy kiểu gì?
4. Đom đóm **lập lòe** - có những từ khác mang nghĩa khác hoặc tương đương và đều có sự khác biệt tinh tế: Ánh đèn **chao đảo**, bóng đèn **lắc lư**, ánh đèn **chập chờn**
 - a. Em mô tả từng ánh sáng và bóng đèn đó.
 - b. Trong các từ in đậm trên đâu không phải là từ láy và đâu là từ láy?
5. Làn nước ao **lóng lánh** - có những từ khác mang nghĩa khác hoặc tương đương và đều có sự khác biệt tinh tế: Ánh mắt **long lanh**, mặt trời **lấp ló**, tiếng nói **lúi lo**
 - a. Em mô tả từng từ đó.
 - b. Các từ in đậm là từ láy kiểu gì?

LUYỆN TẬP TỪ LÁY - CHỦ ĐỀ NHÀ Ở (tiếp theo)

Việc 1: Ôn nét nghĩa tinh tế

Các em đọc thuộc những đoạn thơ học tiết trước.

Trong các từ láy luyện tập tiết trước, em thích từ nào? Em nói nghĩa từ đó.

Việc 2: Luyện tập tìm nghĩa tinh tế

Các em đọc thuộc bốn câu thơ của Nguyễn Du ở tiết học trước.

Các em nói những từ láy trong bốn câu thơ đó.

1. Nao nao dòng nước

- Em nói hai cách hỏi này: Ông ở nơi **nào** tới đây? Bạn ở nơi **nao**?
- Thể hiện theo cách 1: em đứng trước một người, nói to “Ông ở nơi **nào** tới đây? Trả lời đi”.
- Thể hiện theo cách 2: em đứng trước một người, nói khẽ, hai tay em cầm hai tay bạn: “Bạn ở nơi **nao** vậy?”
- Em nhận xét: “nơi **nào**” và “nơi **nao**” cách dùng nào tình cảm hơn?

2. Các em chia nhóm giải nghĩa các từ sau rồi trình bày trước lớp: Mẫu: Bạn đang **ở nơi nao** hối cậu bé lạc mẹ? Chúng tôi đang tìm bạn để giúp đỡ bạn đây!

Các từ để các em giải nghĩa:

Nôn nao – nao lòng – nao núng – nao nao

3. Các em chia nhóm diễn đoạn kịch ngắn sau:

- Ôi, một cái cầu nhỏ vắt qua con suối nhỏ.
- Một cái cầu nho nhỏ, be bé, xinh xinh.
- Tôi phải chụp ảnh cái cầu nhỏ này.
- Tôi muốn vẽ và làm mấy câu thơ ghi vào bên dưới bức tranh.
- Một cây cầu nhỏ làm ta nao nao trong lòng.

Việc 3: Tự sơ kết

Mỗi em vẽ minh họa một từ mới học để cùng đưa vào TỪ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI.

TỪ LÁY - CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH

Việc 1: Làm để ôn cái đã biết

1. Mỗi em nói một từ thuần Việt một âm tiết theo chủ đề Gia đình.
2. Mỗi em nói một từ ghép hợp nghĩa và phân nghĩa theo chủ đề Gia đình.
3. Mỗi em nói một từ láy và cho biết đó là kiểu từ láy gì.

Việc 2: Luyện tập



1. Chia nhóm làm việc. Mỗi nhóm tìm càng nhiều càng tốt những từ (cả từ ghép và từ láy) gợi ý từ hình vẽ trên. Mỗi từ tìm được đều phải nằm trong một câu để từ đó được rõ nghĩa.
Mẫu: Thăm nom (từ ghép hợp nghĩa). Bà mệt, các cháu đến thăm nom bà cho bà đỡ buồn.
Lo lắng (từ láy). Bà mệt làm cả nhà lo lắng.
2. Chia nhóm luyện tập. Mỗi nhóm nghĩ ra một câu chuyện làm thành một tranh truyện. Điều kiện: trong tranh truyện đó, mỗi tranh phải có ít nhất một từ láy hoặc từ ghép.

LUYỆN TẬP TỪ LÁY - CHỦ ĐỀ XÂY DỰNG

Đọc thầm

Thần Trụ Trời

Thuở ấy, chưa có muôn vật và loài người. Trời đất chỉ là một vùng hỗn độn, tối tăm. Bỗng xuất hiện một vị thần khổng lồ, cao lớn vô cùng, chân dài không sao tả xiết. Mỗi bước thần đi là bằng từ vùng này qua vùng khác, vượt từ núi nọ sang núi kia.

Một hôm, thần vươn vai đứng dậy, ngẩng đầu đội trời lên. Thần đào đất, khuân đá, đắp thành một cái cột vừa to, vừa cao để chống trời. Cột đắp lên cao chừng nào thì trời như tấm màn mênh mông được nâng dần lên chừng ấy. Thần một mình hì hục đào, đắp, cột đá cứ cao dần, cao dần và đẩy vòm trời lên tận mây xanh.

Từ đó, trời đất mới phân đôi. Đất bằng như cái mâm vuông, trời tròn như cái bát úp, chỗ trời đất giáp nhau ấy là chân trời. Khi trời đã cao và khô cứng, thần liền phá tan cột đi, lấy đất đá ném tung ra khắp nơi. Mỗi hòn đá văng đi biến thành một hòn núi hay một hòn đảo, đất tung tóe ra mọi nơi thành gò, đống, thành những dải đồi cao. Vì thế, mặt đất ngày nay không còn bằng phẳng mà có chỗ lõm, chỗ lồi. Chỗ thần đào sâu để lấy đất đá đắp cột, ngày nay là biển cả mênh mông.

Cột trụ trời bây giờ không còn nữa. Người ta kể rằng vết tích cột đó ở núi Thạch Môn, vùng Hải Dương. Núi ấy còn gọi là Kinh Thiên Trụ tức cột chống Trời.

Sau khi thần Trụ Trời chia ra trời đất thì có những thần khác nối tiếp công việc xây dựng nên cõi thế gian này. Các vị thần đó rất nhiều, như thần Sao, thần Sông, thần Núi, thần Biển... Vì vậy, dân gian có câu hát còn truyền đến ngày nay:

*Ông đếm cát
Ông tát bể
Ông kể sao
Ông đào sông
Ông trồng cây
Ông xây rú
Ông trụ trờ...*

(Trích *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* -
Nguyễn Đồng Chi)

Luyện tập

1. Kể lại truyện *Thần Trụ Trờ*.
2. Báo cáo trước cả lớp: em tìm thấy trong bài có bao nhiêu từ láy?
3. Có từ nào không được các bạn trong lớp đồng ý xếp loại là từ láy? Cùng thảo luận việc đó để đi đến thống nhất.

TỪ LÁY - CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH

Những ngày thơ ấu

Em gái tôi bê một cái rổ con đựng b้อง cồm, khoai lang, lạc rang và bánh kháo. Tôi bê một rổ to đầy những vỏ hến, hộp thuốc phiện, ống sữa bò hạng nhỏ, dao, thớt con và những đôi đũa bằng những que tăm.

Thưa các bạn, đó là hai đứa trẻ sắp sống một đời phiêu lưu giữa rừng sâu núi thăm theo sự tưởng tượng ngây ngô của chúng. Rừng đây là mảnh chậu cảnh của thầy tôi bày ở cái sân gác rộng hơn manh chiểu, chỗ độc nhất lấy không khí và ánh sáng cho khu dưới nhà. Cái cù lao nhiều thú dữ chưa từng có chân người đặt tới, là cái xó gác chật hẹp chất những bô bịch và chǎn chiểu cũ. Còn cái hang trong lòng một dãy núi cao gần chấm mây xanh và bao quát hàng trăm cây số là chỗ trống ở giữa một cái giường và bức tường. Đồ ăn thức đựng của em Quế tôi xếp có thứ tự vào những rổ con treo trên cái chân niềng giả làm cành cây. Vì không cất cẩn thận như thế, nhỡ ra lúc vắng nhà, đi săn bắn, đánh cá hay đi tìm kiếm các kho vàng ngọc châu báu, hùm beo đến phá phách hủy hoại đi, thì hai nhà phiêu lưu kia biết lấy gì mà ăn uống để có sức vật lộn với những mưa bão gió tuyêt và cảm thú hung ác.

Chúng tôi ăn rất dè sẻn. Hàng tháng - vài phút là một tháng - mới làm thịt một con lợn. Lợn là củ khoai lang căm bốn cái tăm, chỗ múp là thủ, những khoanh to sau là bụng và đùi. Cố nhiên bốn cái chân giờ phải vứt đi! Còn gà, vịt, chim, cá là những hột lạc và b้อง cồm. Chúng tôi đun nấu trong những ống bơ sữa bò mỗi ngày vài con. Thức ăn xúc ra những vỏ hến, chấm với bánh kháo b López vụn giả làm muối, làm đường. Tôi lớn phải chống chọi nhiều với các ác thú, phải săn bắn lặn lội gian nguy vất vả thì được ăn nhiều hơn. Nhưng ở giữa chốn rừng núi hoang vu kia, là

đàn ông, tôi phải biết hy sinh cho người bạn gái trôi giạt với mình. Như thế, mỗi khi em tôi ngoan ngoãn sẽ thêm cho tôi ít xôi hay đồ lạc, tôi lại vuốt ve nó, ngọt ngào nói rằng:

- Em ăn đi, anh no rồi. Anh khỏe anh ăn ít cũng được. Còn em yếu đuối em phải ăn nhiều thì mới có sức cùng anh đánh nhau với thú dữ chứ.

(Trích Thời thơ ấu - Nguyên Hồng)

Luyện tập

1. Kể lại tình cảm của hai anh em qua câu chuyện phiêu lưu của hai anh em trên căn gác nhỏ.
2. Báo cáo trước cả lớp: em tìm thấy trong bài xem có bao nhiêu từ láy?
3. Em chọn ba từ láy trong bài, viết một câu có đủ ba từ đó.

TỪ LÁY - CHỦ ĐỀ ĐÁNH GIÁ

Việc 1: Đọc thầm

Đánh thế còn nhẹ

Có một anh nông dân về nhà ăn cơm trưa, thấy món rau xào hôm nay rất ngon, liền hỏi vợ:

- Rau xào hôm nay sao ngon thế?

Vợ đắc ý khoe:

- Hôm nay có hai người mua chung một miếng mỡ lợn, trên đường đi qua nhà mình đã mượn dao để chia, em đã rửa con dao dính mỡ lợn vào chảo, nên rau mới ngon như thế đấy!

Anh chồng nghe xong, tức không chịu được, tát cho vợ một cái, mắng:

- Tại sao không rửa vào vại nước để mà ăn mấy ngày?

Vợ uất ức chạy sang nhà bên mách tội của chồng với ông chú. Chú nghe xong quát tướng lên:

- Đánh thế hãy còn nhẹ, sao không rửa dao dưới ao, để chúng ta cũng được ăn?

(Trích *Truyện cười dân gian Việt Nam*)

Việc 2: Luyện tập

1. Các em kể lại câu chuyện vừa đọc thầm. Có hai câu nói nào thú vị nhất trong truyện để đùa tính keo kiệt của con người ta.
2. Các em nói hai câu tiếc rẻ đó của người chồng và của ông chú.
3. Trong bài có từ láy nào không?
4. Cho một âm tiết gốc các em thi nhau tạo ra từ láy và từ ghép.
Đặt câu với từ đó để giải nghĩa.

Mẫu: (Hai người mua) chung → chung chạ, chung lưng, chung tay, chung chung

- Chúng em có cái ca riêng đặt cạnh thùng nước uống để không dùng chung chạ mất vệ sinh.
- Em nghe bố mẹ nói là cô em và mấy người bạn chung lồng mở cửa hàng điện tử rất to.

Vật liệu để các em luyện tập:

(món rau) xào - (món ăn) ngon - tức - mách - mắng

CHỦ ĐỀ ĐÁNH GIÁ - CÁCH NÓI THẮNG

Việc 1: Cách nói thẳng nhã nhặn Đọc thầm

Buồn trông cửa bể chiều hôm
 Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa
 Buồn trông ngọn nước mới sa
 Hoa trôi man mác biết là về đâu
 Buồn trông nội cỏ râu râu
 Chân mây mặt đất một màu xanh xanh
 Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
 Âm âm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

(Trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du)

Việc 2: Luyện tập

- Em nói cả câu thơ đầu. Em dùng cách biến đổi đồng nghĩa nói lại cũng câu đó nhưng không nói lại các tiếng buồn trông và cửa bể chiều hôm.

Mẫu: Buổi chiều, tôi ngồi ngắm nhìn ra biển, và tôi thấy buồn. Thấy buồn, nói thẳng là buồn - không dùng cách nói khác.

- Tiếp tục dùng cách biến đổi đồng nghĩa nói lại các câu: Câu thứ 2, câu 3-4, câu 5-6, câu cuối bài.

Việc 3: Cách nói thẳng thô lỗ

Nhiều người lớn có những cách nói thẳng thô lỗ; em viết để chữa từng câu đó thành cách nói thẳng nhã nhặn:

- Cái ông kia, muốn chết à, phóng xe máy mà vẫn để chân chống.
- Mấy người kia, trên xe buýt mà cứ nói cười ầm ầm như ở chợ ấy!
- Đây là bệnh viện nhé, đi nhẹ nói khẽ nhé, nhớ chưa?
- Nhà chị kia, vứt rác ra đường định cho ai dọn hộ hả?
- Dẹp, dẹp, ngồi gọn vào, đây là vỉa hè chứ là nhà các người à?

CHỦ ĐỀ ĐÁNH GIÁ - CÁCH NÓI BẰNG ẨN DỤ

Việc 1: Đọc thầm

Tham ăn

Có một anh hễ ngồi vào mâm là chuí mũi gắp lấy gấp để, không nghĩ đến ai cả. Chị vợ lấy làm xấu hổ, nhiều lần khuyên chồng ăn uống phải từ tốn, nhưng anh chồng vẫn không chừa được thói xấu ấy.

Một hôm, nhà bố vợ có giỗ, hai vợ chồng đưa nhau về ăn cỗ. Chị vợ sợ anh chồng ăn uống thô lỗ thì xấu mặt với chị em, liền nghĩ ra một cách: lấy một sợi dây, một đầu buộc vào chân chồng, còn đầu kia, chị ta cầm lấy và dặn chồng:

- Hễ bao giờ tôi giật dây mới được gấp đấy nhé!

Anh chồng gật đầu, đồng ý.

Quả nhiên, lúc ngồi vào mâm, mọi người thấy anh này ăn uống từ tốn, lịch sự. Chị vợ ngồi dưới bếp, vừa dọn dẹp vừa giật dây. Đôi lúc mải làm, quên không giật, anh chồng cứ ngồi ngây ra nhìn món ăn mà nhỏ dãi. Bố vợ phải gấp thức ăn cho.

Đến giữa bữa, một con gà chạy qua, chẳng may vướng phải dây, co chân giật giật, gỡ mãi vẫn không được. Ở trên nhà, anh chồng thấy dây giật lia lịa, vội vàng cầm đũa gấp. Càng gấp thấy dây càng giật tợn, tưởng chị vợ cho ăn thả cửa, anh ta vớ luôn cả đĩa thức ăn trút vào bát!

(Trích Truyện cười dân gian Việt Nam)

Việc 2: Luyện tập

1. Các em cùng kể lại câu chuyện (ngồi thứ ba và ngồi thứ nhất).
2. Đóng vai đoạn người vợ dặn dò và người chồng đồng ý.
3. Đóng vai người vợ giật dây thì người chồng ăn nhỏ nhẹ, lịch sự.

4. Đóng vai khi có con gà vướng dây, anh chồng nghĩ là vợ ra lệnh cho ăn thật nhiều.
5. Các em thảo luận: anh chồng là người thế nào?
 - a. Người tham ăn? (Nhưng khi vợ giật dây, anh ấy ăn chậm, anh ấy có tham đê?)
 - b. Người dốt nát? Người không biết tự mình suy nghĩ?

Việc 3: Tự sơ kết

Bàn nhau, tìm cách trả lời đúng rồi tự ghi vở: Câu chuyện vừa học dùng chuyện gì làm ẩn dụ (A) để nói sang chuyện gì khác (B)? *Tự nghĩ ra sơ đồ cách nói đánh giá bằng ẩn dụ.*

LUYỆN TẬP ĐÁNH GIÁ - CÁCH NÓI BẰNG ẨN DỤ

Việc 1: Đọc thầm

Con chó và cái bóng của nó

Có một con chó
Ngoạm miếng thịt to
Qua chiếc cầu ván
Bắc hai bên bờ.
Bóng nó dưới nước
Ẩn hiện lờ mờ
Tưởng con chó khác
Ngoạm miếng thịt to
Nó nhả miếng thịt
Lao xuống nước vồ
Cướp mồi chó khác

Tưởng dễ ngon ơ
Miếng thịt trôi mất,
Bóng mồi thấy mô
Chó ta trơ khắc
Tiếc ngắn tiếc ngơ
Thả mồi bắt bóng,
Chó tham thật khờ.

(Lev Tolstoi)



Việc 2: Luyện tập

1. Các em cùng kể lại câu chuyện (ngôi thứ ba và ngôi thứ nhất).
2. Đóng vai đoạn con chó nhìn thấy miếng thịt to ở miệng con chó dưới sông.
3. Đóng vai nó nhảy xuống nước và suýt chết đuối.
4. Các em thảo luận: đây có phải là nói chuyện về con chó không?
 - c. Dùng ẩn dụ con chó để nói về con người như thế nào?
 - d. Em tự định nghĩa: người tham lam là người như thế nào?

Việc 3: Tự sơ kết

Bàn nhau, tìm cách vẽ sơ đồ cách đánh giá bằng ẩn dụ.

Gợi ý: sơ đồ có hai phần đối chơi nhau (A) Nói thẳng (B) Nói khéo (nói bằng hình ảnh, nói bằng gợi ý).

LUYỆN TẬP ĐÁNH GIÁ - CÁCH NÓI BẰNG ẨN DỤ

Việc 1: Đọc thầm

Con chó cắn trộm

Có một con chó nọ cứ hay lao vào tấn công bất cứ ai mà nó gặp. Nó làm điều này bất ngờ đến mức họ bị nó cắn vào gót chân rồi mới biết.

Nhằm cảnh báo cho người lạ biết mà tránh, và cũng để trừng phạt con chó, có lúc người chủ đeo vào cổ của nó một cái chuông, và có lúc ông bắt nó phải kéo một khúc gỗ nặng xích luôn vào vòng cổ nó.

Lúc đầu con chó nọ còn cúi gầm mặt xuống. Nhưng rồi nó thấy cái chuông và khúc gỗ làm cho người ta chú ý đến nó nhiều hơn. Khi ấy nó lấy làm tự hào và chạy vòng quanh khu chợ để cho người ta chú ý. Thậm chí nó còn tỏ ra kiêu ngạo, huênh hoang với những con chó khác không giống như nó.

Thấy thế, một con chó săn già bảo nó:

- Sao chú mày lại tỏ ra huênh hoang cứ như thể cái chuông và khúc gỗ của chú mày là những phần thường thế hả? Đúng là những vật đó khiến chú mày được chú ý đấy. Nhưng khi người ta hiểu được ý nghĩa của chúng, thì đó là điều đáng hổ thẹn cho chú mày, đó là vật luôn nhắc nhở rằng chú mày là một “con chó cắn trộm”.

Nổi tiếng vì những phẩm chất tốt đẹp là một chuyện, nhưng tai tiếng vì những lỗi lầm của mình thì lại là chuyện khác.

(Trích Truyện ngụ ngôn Aesop)

Việc 2: Luyện tập

1. Các em cùng kể lại câu chuyện (ngôi thứ ba và ngôi thứ nhất).

2. Đóng vai con chó chạy quanh chợ với cái chuông và khúc gỗ.

Đóng vai nó trả lời mọi người.

Một cô bé: Chó ơi cậu có cái chuông đẹp nhỉ. Ai cho đây?

Một cậu bé: Chó ơi cậu có khúc gỗ đẹp ghê. Mua ở đâu đây?

Một người già: Chó ơi, ta với cháu chạy thi đi...

3. Các em biến đổi đồng nghĩa câu nói này, không được nhắc lại những chỗ đã in đậm:

“Nói tiếng vì những phẩm chất tốt đẹp **là một chuyện**, nhưng **tai tiếng** vì những lỗi lầm của mình thì lại **là chuyện khác**”.

LUYỆN TẬP ĐÁNH GIÁ - CÁCH NÓI BẰNG ẨN DỤ

Việc 1: Đọc thầm

Con gấu và hai người đàn ông

Hai người đàn ông đang đi cùng nhau thì bỗng nhiên có một con gấu xuất hiện trên đường. Một người nhanh chóng trèo lên một cái cây và cố giấu mình trong những nhánh cây rậm rạp.

Người kia nhận thấy mình sắp bị tấn công bèn nằm sải trên nền đất. Khi con gấu lại gần dùng mũi đánh hơi và hít hít ngửi ngửi khắp người anh ta, thì anh ta liền nín thở, giả vờ chết.

Con gấu bỏ đi vì người ta vẫn nói rằng loài gấu không bao giờ động vào xác chết.

Khi con gấu đã đi khỏi, người đang trốn trên cây tuột xuống, chạy đến chỗ bạn mình và hỏi đứa rằng:

- Con gấu đó đã thi thảm cái gì vào tai anh vậy?

Người kia nghiêm trang trả lời:

- Nó đã cho tôi một lời khuyên: đừng bao giờ đồng hành cùng một người bỏ rơi anh trong lúc hoạn nạn.

(Trích Truyện ngụ ngôn Aesop)

Việc 2: Luyện tập

1. Các em cùng kể lại câu chuyện (ngôi thứ ba và ngôi thứ nhất).
2. Đóng vai người bạn bỏ trốn thật kín không cho con gấu nhìn thấy.
3. Đóng vai người bạn nằm giả vờ chết cho con gấu ngửi rồi bỏ đi.
4. Bắt chước người bạn leo lên cây chạy trốn, tụt xuống sau khi con gấu đã bỏ đi hỏi đứa bạn câu gì.

(Em đánh giá xem: tại sao người đó lại hỏi bạn theo cách như là hỏi đùa?).

5. Bắt chước người bạn giả vờ chết trả lời câu hỏi đùa của bạn.
(Em đánh giá xem: tại sao người đó lại nghiêm trang trả lời bạn?).
6. Các em biến đổi đồng nghĩa câu nói cuối bài, không được nhắc lại những chỗ đã in đậm:
“Nó đã cho tôi một lời khuyên: đừng bao giờ đồng hành cùng một người **bỏ rơi** anh trong lúc **hoạn nạn**”.

LUYỆN TẬP ĐÁNH GIÁ - CÁCH NÓI BẰNG ẨN DỤ

Việc 1: Đọc thầm

Gió Bắc và Mặt Trời

Một lần nọ, Gió Bắc và Mặt Trời tranh cãi kịch liệt xem ai mạnh hơn ai. Cả hai đều kể lại những chiến tích nổi trội nhất của mình và một mực cho rằng mình mạnh hơn đối phương.

Vừa lúc đó có một người khách bộ hành đi tới, và cả hai đồng ý kiểm tra sức mạnh của đôi bên bằng cách thử xem ai sẽ cởi được cái áo choàng của người khách bộ hành nẹ ra nhanh hơn.

Cơn Gió Bắc khoác lác thử sức trước. Nó tạo ra một luồng gió xoáy dữ dội nhất từ trước đến giờ, và ngay từ lần cố gắng đầu tiên, gần như nó đã có thể xé rách cái áo choàng của người bộ hành. Nhưng người đàn ông kia chỉ cần giữ cái áo choàng của mình chặt hơn một chút, thế là cơn Gió Bắc già nua kia chỉ phung phí sức lực của nó một cách vô ích mà thôi.

Xấu hổ vì đã không làm được một việc quá đơn giản như vậy, nên Gió Bắc đành chấp nhận bỏ cuộc.

Sau đó đến lượt Mặt Trời tốt bụng. Mặt Trời xua tan những đám mây đang giăng kín bầu trời và rọi những tia nắng gay gắt nhất của mình xuống thẳng đỉnh đầu của người khách bộ hành nẹ.

Cảm thấy oi bức vì nhiệt độ tăng lên đột ngột, người đàn ông nẹ vội vàng vứt cái áo choàng của mình đi và đến ngay chỗ có bóng râm gần nhất để tránh nắng.

Thuyết phục vẫn hay hơn là dùng sức mạnh.

(Trích Truyện ngụ ngôn Aesop)

Việc 2: Luyện tập

1. Các em cùng kể lại câu chuyện (ngôi thứ ba và ngôi thứ nhất).
2. Đóng vai hai nhân vật (Mặt Trời và Gió Bắc) tranh cãi xem ai khỏe. Dùng những lý lẽ do các em nghĩ ra để tranh cãi.
3. Đóng vai người đi đường giữ chặt áo trước cơn Gió Bắc.
4. Em tự nghĩ ra một tình huống có thể dùng sự thuyết phục thay cho sức mạnh. Tình huống của em có sử dụng cách nói bằng ẩn dụ không? Chỉ rõ cho các bạn thấy.

LUYỆN TẬP ĐÁNH GIÁ - CÁCH NÓI BẰNG ẨN DỤ

Việc 1: Đọc thầm

Gà gô và người bẫy chim

Một người săn chim bẫy được một con gà gô và chuẩn bị đem nó đi làm thịt.

Gà gô nói:

- Khoan đã, đừng giết tôi.

Người bẫy chim hỏi:

- Tại sao lại không giết người?

Gà gô trả lời:

- Vì tôi muốn sống. Còn nữa, nếu ngài thả tôi đi, tôi sẽ dụ vài người bạn và hàng xóm của tôi đến đây, rồi ngài có thể bắt lấy họ, như thế chẳng tốt hơn là chỉ bắt được có mỗi một con chim tội nghiệp này thôi sao?

Người săn chim nói:

- Vậy người săn sàng để bạn bè và hàng xóm của mình phải chết chỉ để cứu lấy mạng sống của chính người sao? Đồ độc ác! Đồ phản phúc! Người sống như vậy là đủ rồi đấy.

Rồi ông ta làm thịt nó luôn.

(Trích *Truyện ngụ ngôn Aesop*)

Việc 2: Luyện tập

1. Các em cùng kể lại câu chuyện (ngôi thứ ba và ngôi thứ nhất).
2. Đóng vai hai nhân vật (người bẫy chim và gà gô).
 - a. Gà gô xin tha chết.
 - b. Người bẫy chim lắng nghe xem vì sao gà gô xin tha chết.
 - c. Gà gô nói ý đồ rủ rê đồng bào đến cho bị dính bẫy.
 - d. Quyết định của người bẫy chim.

Việc 3: Tự sơ kết

Các em viết tiếp câu chuyện con gà gô theo tưởng tượng của em – để nối dài tính chất ẩn dụ của câu chuyện.

TỰ SƠ KẾT NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ

Việc 1: Đọc thầm

Con nhím và bầy rắn

Một ngày nọ, một con nhím lang thang đi tìm nơi trú ngụ. Nó tìm thấy gia đình nhà rắn đang sống trong một cái hang ẩm áp. Nó xin được cho vào ở cùng. Bầy rắn miễn cưỡng đồng ý. Thế là nhím ta chui vào nhà của rắn. Nhưng bầy rắn nhận thấy ngay điều bất tiện: những cái lông nhọn của nhím thường đâm vào chúng và làm chúng đau. Bầy rắn thấy hối tiếc vì đã cho nhím vào ở chung.

Bầy rắn nói:

- Nhím yêu quý ơi, làm ơn hãy đi ở chỗ khác đi, bạn to và nhiều gai nhọn quá.

Nhưng con nhím nọ rất xấu tính, nó trả lời:

- Ồ, không. Nếu các anh không thích ở đây thì các anh có thể đi chỗ khác. Riêng tôi thì thấy nơi này thật dễ chịu.

Giữ một vị khách không mời ở ngoài cửa dễ hơn là cho anh ta vào nhà rồi bắt anh ta đi.

(Trích Truyện ngụ ngôn Aesop)

Việc 2: Tự luyện tập - Tự sơ kết

Các em có thể chọn cách làm việc theo nhóm hoặc làm việc cá nhân.

Làm việc riêng hoặc theo nhóm thì cũng phải viết ra câu trả lời.

1. Câu hỏi 1 (dễ): Khi dùng lời để đánh giá một con người, một hành động, một sự vật, chúng ta nói ra lời hay nghĩ thầm trong lòng hay cả hai?
2. Câu hỏi 2 (cũng dễ): Khi chúng ta nói ra lời một đánh giá, chúng ta nói thẳng hay nói dối (nói sai sự thật)? Em có thích mình là người nói dối không? Em có thích bạn mình là người nói dối không?
3. Câu hỏi 3 (cũng dễ): Có mấy cách nói ra một đánh giá thẳng thắn và trung thực?
4. Câu hỏi 4 (sắp khó): Em nghĩ ra (hoặc nhớ lại từ sách và chuyện kể) và ghi lại một cách đánh giá thẳng thắn nhưng thô lỗ. Điều đó có hại ra sao?
5. Câu hỏi 5 (không khó lắm): Em nghĩ ra một việc liên quan đến nói lời đánh giá thẳng thắn nhưng dễ nghe.
6. Câu hỏi 6 (câu này khó, em có thể xin khất, nhưng nên bàn nhau rồi tự viết câu trả lời): Theo em, muốn nói lời đánh giá dễ nghe, thì nên nói theo cách gì? Cho ví dụ.

LUYỆN TẬP CÁCH NÓI ĐÁNH GIÁ - CÁCH NÓI ĐIỂN TÍCH

Việc 1: Vấn đề mới đặt ra

Đọc thầm:

Mời các em đọc đoạn đối thoại sau:

- Hôm qua nhà mình có chuyện mới toanh...
- Chuyện gì thế?
- Hôm qua bà mình cho cả nhà ăn “mầm đá hầm”.
- Ha ha ha, sau đó có món “đại phong” không?
- Đúng thế! Bà đi tập thể dục, rồi bị mưa không về kịp, thế là chờ ăn mầm đá không chịu nổi, đành ăn cơm nguội với đại phong...

Thảo luận - giải thích

1. Trong đoạn đối thoại trên có hai từ in đậm. Mỗi từ thể hiện chuyện gì?
2. Nhắc lại (đọc và kể) một đoạn truyện Trạng Quỳnh.

Một hôm, trạng Quỳnh vào hâu, chúa Trịnh than phiền mắc bệnh ăn không ngon. Trạng nghe nói liền cười mỉm và tâu ngay: “Tâu chúa, xin hỏi chúa đã từng dùng món mầm đá chưa?” “Mầm đá hử? Chà, món đó thì chưa nghe đến bao giờ. Chắc là ngon lắm?” “Muôn tâu, đúng vậy. Thân vẫn dùng khi chán ăn. Ngon lắm ạ!”

Thế là trạng Quỳnh hẹn Chúa đến nhà mình ăn mầm đá hầm. Đến nơi đã thấy một nồi đầy đá cuội đang đun sôi sinh s恻. Hỏi đã được ăn chưa, trạng bảo phải chờ, mầm đá ninh lâu chín lắm. Chờ mãi, chờ mãi vẫn chẳng được ăn, chúa đói lắm, nhưng trạng vẫn bắt chờ... chờ...

3. Các em kể tiếp đoạn truyện trên đi. Chờ mầm đá không nổi, phải ăn “đại phong”. Đại phong là món gì? Trạng Quỳnh kể với chúa Trịnh như sau:
- “Đại” là “tổ”, “phong” là “gió”, đại phong là gió to, gió to thì đổ cả chùa, đổ chùa thì “tượng lo”, “tượng lo” là...

Việc 2: Tự sơ kết

1. Hôm nay chúng ta biết được mấy điển tích? Điển tích mầm đá hầm và điển tích tượng lo có thể dùng khi nói đến những chuyện gì?
2. Hôm nào ở nhà em ăn cơm có món tương, em đổ cả nhà xem món “đại phong” là món gì?
3. Khi nghe người nhà kêu đói mà cơm chưa chín, chưa được ăn, em đem món ăn gì ra đùa cho cả nhà vui?

LUYỆN TẬP CÁCH NÓI ĐÁNH GIÁ - CÁCH NÓI ĐIỂN TÍCH

Các em chia nhóm cùng làm bài tập sau:

Lời nói dùng điểm tích	Ý nghĩa
<ul style="list-style-type: none"> - Hôm chủ nhật đi cắm trại được một bữa ăn mầm đá. 	Em đáng yêu như cô Tấm ấy!
<ul style="list-style-type: none"> - Chúng mình kết nghĩa với nhau nhé? - Cậu định kết nghĩa kiểu nhím đến nhà rắn hử? - Không bao giờ! 	Bè bạn mà bỏ nhau trong cơn hoạn nạn là rất xấu.
<ul style="list-style-type: none"> - Hôm qua lúc đi sang đường, có mấy con tôm con tép lớp Hai rất ngoan nhé! 	Bè bạn không được phản bội nhau.
<ul style="list-style-type: none"> - Mình có một bí mật nói với cậu nhưng cậu phải... - Cậu cho mình là con gà gô sập bẫy à? - Ồ... nghe đây... 	Bụng đói thì ăn cái gì cũng thấy ngon.
<ul style="list-style-type: none"> - Cậu thích học tiếng Anh không? - Có chứ! Một thứ rắn trắng hiện đại đấy! 	Kết nghĩa anh em thì tốt, nhưng không được lợi dụng làm hại đến anh em kết nghĩa.
<ul style="list-style-type: none"> - Truyện ngụ ngôn cậu thích truyện nào? - Truyện con gấu ghé tai thầm thì ấy... - Mình cũng thế... 	Các bạn ríu rít dắt bà cụ sang đường nom đáng yêu hết như chuyện “Bà còng đi chợ trời mưa...”

LUYỆN TẬP CÁCH NÓI ĐÁNH GIÁ - CÁCH NÓI ĐIỂN TÍCH (tiếp theo)

Việc 1: Tìm điển tích ở đâu

Nguồn điển tích thứ nhất: truyện lịch sử

Lời nói điển tích	Nguồn gốc
“Ta thà làm quỷ nước Nam, còn hơn làm vương đất Bắc”.	<p>Trần Bình Trọng tổ chức đánh chặn quân Nguyên tại bãi Thiên Mạc. Do chênh lệch quá lớn về quân số, Trần Bình Trọng bị bắt.</p> <p>Sau khi bắt được Trần Bình Trọng, tướng Nguyên tìm mọi cách đe dọa nạt, dụ dỗ ông. Khi được hỏi có muốn làm vương đất Bắc không, Trần Bình Trọng khảng khái trả lời: “Ta thà làm ma nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc. Ta đã bị bắt thì có một chết mà thôi, can gì mà phải hỏi lôi thôi”.</p>
“Bệ hạ chém đầu thần trước đã rồi hãy hàng”.	<p>Trước tình thế đất nước bị quân Nguyên xâm lược, trong triều đình nhà Trần có hai phe đối lập nhau: nên đánh hay nên hòa. Trước tình thế đó vua hỏi Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn: thế địch đang mạnh ta nên đánh hay hòa?</p> <p>Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn trả lời: “Bệ hạ chém đầu thần trước rồi hãy hàng”.</p>

<p>“Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo”.</p>	<p>Tháng 12 năm Đinh Tỵ (1257), quân Nguyên tiến vào vùng sông Hồng. Thế giặc rất mạnh. Quân Đại Việt không địch nổi, phải rút lui theo kế hoạch.</p> <p>Vua Trần Thái Tông và quần thần phải bỏ Thăng Long về vùng Thiên Mạc (Khoái Châu, Hưng Yên ngày nay).</p> <p>Trên sông Thiên Mạc, vua đến chõ em ruột là Thái úy Trần Nhật Hạo hỏi kế. Nhật Hạo chỉ lấy ngón tay chấm nước mà viết hai chữ “nhập Tống” ở mạn thuyền, có ý khuyên vua nên chạy sang nhờ vả nước Tống.</p> <p>Vua dời thuyền đến hỏi Thái sư Trần Thủ Độ. Thủ Độ trả lời: “Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo”.</p>
---	---

Việc 2: Tự học

Các em chia nhóm sưu tầm những lời lẽ của Nguyễn Trãi, Quang Trung, Nguyễn Trung Trực,...

LUYỆN TẬP CÁCH NÓI ĐÁNH GIÁ - CÁCH NÓI ĐIỂN TÍCH (tiếp theo)

Việc 1: Tìm điển tích ở đâu (tiếp theo)

Nguồn điển tích thứ hai: tác phẩm văn học

Lời nói điển tích	Nguồn gốc
“Bống bống bang bang... lên ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta... Chớ ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người...”	Truyện Tấm Cám
Thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn	Tục ngữ Việt Nam
Chị ngã em nâng	Tục ngữ Việt Nam
Tưởng rằng chị ngã em nâng, Nào ngờ chị ngã em bưng miệng cười	Ca dao Việt Nam
Ai ơi bưng bát cơm đầy, Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần	Ca dao Việt Nam
Mẹ già ở túp lều tranh Sớm thăm tối viếng mới dành dạ con	Ca dao Việt Nam
Uống nước nhớ nguồn	Tục ngữ Việt Nam
Ăn quả nhớ kẻ trồng cây	Tục ngữ Việt Nam
Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ	Tục ngữ Việt Nam
Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo	Tục ngữ Việt Nam

Việc 2: Tự học

Các em chia nhóm sưu tầm những câu ca dao, tục ngữ có thể dùng vào việc đánh giá con người, công việc, sự vật. Đưa vào TỪ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI.

LUYỆN TẬP CÁCH NÓI ĐÁNH GIÁ - CÁCH NÓI LỊCH SỰ

Việc 1: Xem hình



Việc 2: Thảo luận

Có bao nhiêu từ để nói cảm ơn?

- Em bé chỉ đường và dắt bà đi. Xong việc, ngoài cách nói “Cảm ơn” bà cụ còn có thể nói cách gì khác giản dị, thân tình?
 - Bà cảm ơn cháu.
 - Ngoan thế, bà đi nhé.
 - Tốt bụng thế, bà cảm ơn cháu.
 - Bà cảm ơn, cháu học trường nào thế?
- Em bé giúp bà một việc. Xong việc, bà biếu cháu quả chuối. Ngoài cách nói “Cảm ơn”, em bé còn có thể nói cách gì khác lịch sự, giản dị, kính trọng?
 - Cháu xin!
 - Cháu xin bà!
 - Chuối bà cho ngon quá.
 - Bà giống bà cháu quá!
- Các em sưu tầm những từ ngữ mới tạo ra để đưa vào TƯ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI.

Bài 5

TỪ HÁN-VIỆT

TỪ HÁN-VIỆT - GIAO LƯU VĂN HÓA

Việc 1: Đọc thầm

Từ Hán-Việt

Từ ban đầu, khi có tiếng nói, người Việt chỉ nói các từ thuần Việt. Dần dần, có từ Hán-Việt thêm vào kho tàng các từ thuần Việt.

Từ Hán-Việt sinh ra trong thời gian dài Việt Nam và Trung Quốc có mối quan hệ chặt chẽ: do hai nước ở liền sát nhau, do Việt Nam nhiều năm bị Trung Quốc đô hộ, do quan lại và nhân dân hai nước đi lại và làm ăn với nhau.

Việc 2: Tự đọc thêm

Kiến trúc sư Việt Nam xây thành ở Bắc Kinh

Thế kỷ 15, công cuộc chống quân xâm lược của Hồ Quý Ly bị thất bại. Quân Minh bắt Hồ Quý Ly và các con là Hồ Hán Thương, Hồ Nguyên Trừng, Hồ Triết Uông, các cháu là Nhuế, Lô, Phạm, Ngũ Lang, em là Quý Tỳ cùng họ hàng các tướng lĩnh triều đình đưa về dâng vua Minh. Quân Minh còn vơ vét của cải, sách vở, bắt các trẻ em, nhà sư, thợ giỏi các ngành nghề đưa về Bắc Kinh để phục vụ triều đình nhà Minh. Trong số thợ giỏi có Nguyễn An.

Nguyễn An sinh năm 1381, quê vùng Hà Đông. Năm 1407, Nguyễn An bị bắt cùng vua quan nhà Hồ, các văn nhân, thợ giỏi, thiếu niên, nhà sư

để phục dịch triều đình nhà Minh. Vì là thợ giỏi, năm 1416, Nguyễn An được giao trọng trách xây dựng mới khu Tử Cấm Thành Bắc Kinh (Cố Cung) gồm ba điện lớn: Phụng Thiên, Hoa Cái, Cẩn Thân và hai cung Càn Thanh, Khôn Minh. Công trình hết sức to lớn, riêng điện Phụng Thiên chiều dài khoảng 64m, rộng 37m, cao 27m với bộ kiến trúc khung gỗ đồ sộ gồm 84 cột và 182 dầm xà ngang dọc chạm khắc tinh vi, sơn son thiếp vàng. Công trình này được hoàn thành sau 5 năm đến năm 1421 thì kết thúc. Nhưng non nửa năm sau, cả ba điện đã bị hỏa tai thiêu cháy. Vì vậy đến năm 1440, Nguyễn An lại được vua Minh giao cho bảy vạn thợ và ban lệnh xây dựng, trùng tu ba điện cùng hai cung trên.

Chỉ trong một năm, sang năm 1441, ông Nguyễn An đã hoàn thành công việc trùng tu, xây dựng lại ba điện, hai cung. Vua Minh Anh Tông đặc thưởng cho Nguyễn An 50 lạng vàng, 100 lạng bạc, tám súc gấm, vóc, nhiều và một vạn quan tiền. Về sau, ông Nguyễn An còn làm nhiều công trình xây dựng, kể cả việc cứu lụt do đê vỡ... cho tới khi ông qua đời vào năm ông 73 tuổi.

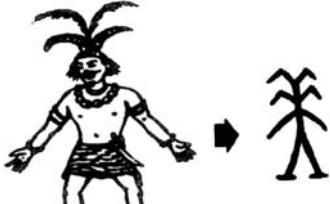
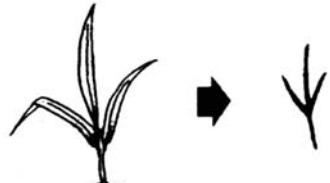
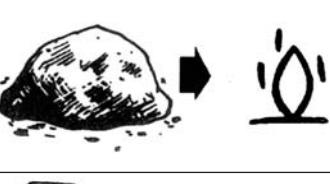
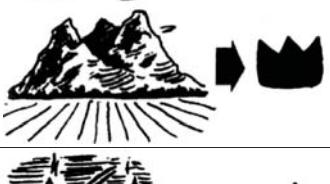
(Cánh Buồm tổng hợp)

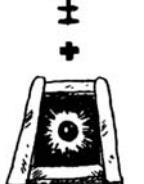
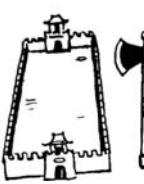
MÔ TẢ CÁCH GHI CHỮ HÁN

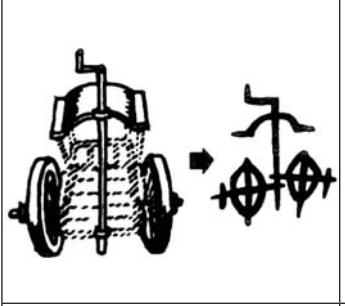
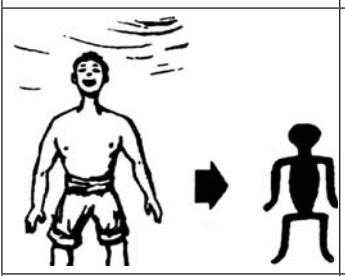
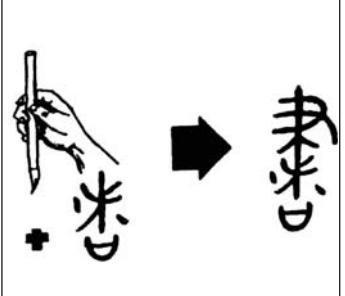
Các em đọc và ghi nhớ cách “vẽ” chữ Hán – thi xem ai nhớ nhiều...

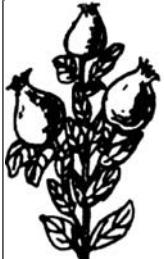
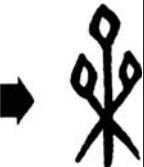
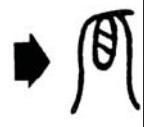
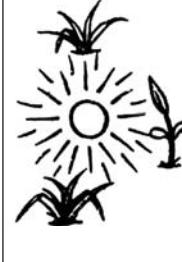
Cách ghi chữ Hán		
Vẽ cách điệu vật thật	Chữ ghi lại	Âm Hán-Việt - Nghĩa của chữ ghi lại
		Chữ nguyệt Nghĩa là mặt trăng. Em nhìn xem có đúng mặt trăng ban đêm ló ra từ đám mây không?
		Chữ nhật Nghĩa là mặt trời. Em nhìn có đúng mặt trời không?
		Chữ môn Nghĩa là cái cửa. Vẽ đúng hình ảnh cái cửa ra vào có hai cánh cửa đóng mở.
		Chữ nam Nghĩa là đàn ông. Vẽ thửa ruộng và cái cày. Ý nghĩa: Người đàn ông thời xưa làm việc đồng ruộng cày cuốc nặng nhọc.

		<p>Chữ nữ Nghĩa là đàn bà. Vẽ người phụ nữ quỳ trong một cái vòng. Người xưa coi phụ nữ chỉ được quanh quần trong nhà như thế đấy!</p>
		<p>Chữ nhi Nghĩa là đứa trẻ nhỏ. Hai cái đùi không to bằng cái bụng!</p>
		<p>Chữ an Nghĩa là bình yên. Vẽ hình người đàn bà trong một ngôi nhà, coi đó là bình yên.</p>
		<p>Chữ thân Nghĩa là thân thể con người ta. Vẽ hình người đàn bà mang cái thân người trong bụng.</p>
		<p>Chữ mục Nghĩa là con mắt. Vẽ đúng hình con mắt.</p>
		<p>Chữ nhĩ Nghĩa là cái tai. Vẽ đúng hình cái tai.</p>

	Chữ mĩ Nghĩa là đẹp. Vẽ người trên đầu có lông chim trang trí, thời xưa cho thế là đẹp lắm!
	Chữ thảo Nghĩa là cỏ. Vẽ cỏ mọc trên đất.
	Chữ tẩu Nghĩa là chạy. Vẽ người đang chạy.
	Chữ thạch Nghĩa là hòn đá, tảng đá. Vẽ tảng đá bên vách núi.
	Chữ thổ Nghĩa là đất, được vẽ như thể một đống đất nằm lù lù trên đường ta đi.
	Chữ sơn Nghĩa là núi, được vẽ như thể có mấy ngọn núi trước mắt ta.
	Chữ thủy Nghĩa là nước, được vẽ như một dòng suối, dòng sông đang chảy.

			<p>Chữ ngữ Nghĩa là con cá. Em thấy có đúng là con cá có đầu, có vẩy, có vây không?</p>
			<p>Chữ mã Nghĩa là con ngựa. Em thấy có giống con ngựa có đầu, có bờm, có đủ bốn chân và một đuôi không?</p>
			<p>Chữ thanh Nghĩa là âm thanh, như tiếng vang ra từ cái chuông.</p>
			<p>Chữ thành Nghĩa là thành lũy, thành quách. Vẽ tòa thành tường cao, hai đầu có cổng vào, bảo vệ chống quân địch đánh vào.</p>
			<p>Chữ nhân Nghĩa là người. Vẽ theo dáng một người đang đứng.</p>
			<p>Chữ nhân Nghĩa là nhân đạo, nhân từ, hiền hòa. Vẽ một người với con số 2 tượng trưng cho sự công bằng (hai cán cân ngang nhau chẳng hạn).</p>

	車	<p>Chữ xa Nghĩa là chiếc xe. Ngày xưa, cái xe là như thế đấy. Người ta vẽ chiếc xe để có chữ xa như thế đấy.</p>
	聖	<p>Chữ thánh Nghĩa là ông thánh, người vô cùng giỏi, miệng ông nói ra mọi người đều nghe. Chữ thánh gồm có ba phần, vương là vua, khẩu là mồm, nhĩ là tai.</p>
	天	<p>Chữ thiên Nghĩa là trời ở trên cao, ở mãi bên trên đầu con người.</p>
	書	<p>Chữ thư Nghĩa là quyển sách. Ngày xưa không có máy in, sách phải chép tay, vì thế có vẽ bàn tay và cây bút.</p>
	鼠	<p>Chữ thủ Nghĩa là con chuột. Hình vẽ giống chuột, sống trong hang, chuyên ăn thức ăn thừa.</p>

			<p>Chữ quả Nghĩa là quả của cây. Hình vẽ giống trái cây.</p>
			<p>Chữ qua Nghĩa là quả dưa. Hình vẽ rõ ràng là trái dưa leo.</p>
			<p>Chữ xuân Nghĩa là mùa xuân. Hình vẽ rõ ràng là có nắng mới, có cỏ cây hoa lá tươi tốt... Đúng là ngày xuân!</p>

CHỌN CÁCH GHI TỪ HÁN-VIỆT

Việc 1: Nhớ lại cách viết chữ Hán

GV đọc cho HS viết từng chữ Hán đã đọc. Em nào quên được mở sách chép.

Đọc thầm

Có mấy cách ghi chữ Hán? Em đọc để hiểu cách ghi thôi:

- Cách tượng hình vẽ hình ảnh chứa nghĩa của tiếng – xem cách ghi chữ “môn” (cửa), “mã” (ngựa), “sơn” (núi).
- Cách chỉ sự vẽ những nghĩa “khó vẽ ra” – ví dụ chữ “bản” 本 là chữ 木 “thụ” là “cây” thêm một nét ngang bên dưới để nhấn mạnh nghĩa “gốc”.
- Cách hội ý vẽ gộp hai chữ để mang nghĩa mới – ví dụ chữ 出 (xuất) với hai chữ 山 “sơn” (núi) chồng lên nhau, mang nghĩa “ngoi lên”, “hiện ra” hoặc “xuất hiện”.
- Cách tượng thanh vẽ 2 phần, một phần mang nghĩa, một phần chứa âm thanh của tiếng – ví dụ 3 chữ “hoán” 喚 hoán (hô hoán) có chữ “khẩu” là mồm, 喚 hoán (bừng sáng) có chữ “hỏa” là lửa, 涣 hoán (lênh láng) có chữ “thủy” là nước.

Việc 2: Chọn cách viết

HS thi viết chính tả 10 chữ – 1 đội viết chữ Hán, 1 đội viết chữ Quốc ngữ a b c – đội chữ Hán được mở sách – mỗi tiếng ghi trong 10 giây:

Nam – nữ – môn – sơn – thủy – dũng – thạch – mỹ – ngư – xuân
Thảo luận từ kết quả viết chính tả 10 chữ trên:

- Cách viết bằng chữ Hán và cách viết bằng chữ quốc ngữ, cách nào nhanh hơn?
- Tại sao cách viết đó lại nhanh hơn cách kia?
- Em chọn cách ghi nào để tiếp tục học từ Hán-Việt?

HỌC THUỘC MỘT SỐ TIẾNG HÁN - GHÉP TỪ

1. **Học thuộc nhanh** nghĩa các tiếng sau trích trong sách “Nhất thiên tự” (Một nghìn chữ). Thi nhau đọc thuộc lòng các tiếng mới học.

Thiên – trời	Ngưu – trâu	Khứ – đi	Mộc – cây
Địa – đất	Mã – ngựa	Lai – lại	Căn – rẽ
Cử – cát	Cự – cựa	Nữ – gái	Dị – dễ
Tồn – còn	Nha – răng	Nam – trai	Nan – khó
Tử – con	Vô – không	Đái – đai	Chi – ngon
Tôn – cháu	Hữu – có	Quan – mũ	Cam – ngọt
Lục – sáu	Khuyển – chó	Túc – đủ	
Tam – ba	Dương – dê	Đa – nhiều	
Gia – nhà	Quy – về	Ái – yêu	
Quốc – nước	Tẩu – chạy	Tăng – ghét	
Tiền – trước	Bái – lạy	Thức – biết	
Hậu – sau	Quy – quỳ	Tri – hay	

2. Học thuộc các yếu tố số đếm từ Hán-Việt:

Nhất	Nhi	Tam	Tứ	Ngũ	Lục	Thất	Bát	Cửu	Thập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Các em tự đếm tiếp:

11 = thập nhất,..., 19 = thập cửu

21 = nhị thập nhất,..., 29 = nhị thập cửu,...,

100 = nhất bách,... 200 = nhị bách, 900 = cửu bách

1000 = nhất thiên,..., 9000 = cửu thiên

Cái này thú vị:

101 = nhất bách linh nhất ,..., 2014 = nhị thiêng linh thập tứ

3. Học tiếp các yếu tố số thứ tự (xếp hạng) từ Hán-Việt:

Đệ nhất = thứ nhất, hàng đầu, hàng số 1

Đệ nhị = thứ 2

Đệ thập cửu = hàng thứ 19

Luyện tập nhanh

Các em nói lại nghĩa các từ in nghiêng trong các câu này, sau đó học thuộc rồi cùng đóng kịch với nhau. Vui đấy!

- Cháu học trường nào?
- Cháu là *nam học sinh* trường Chu Văn An.
- Cháu học lớp mấy?
- Dạ, lớp đệ nhị ạ.
- Là năm thứ hai *đại học* à?
- Hì hì... Là lớp hai ạ!
- Thế cháu kia học lớp mấy?
- Em cháu học lớp đệ nhất ạ.
- Là năm thứ nhất *đại học* à?
- Hì hì... Là lớp một ạ!
- Vừa rồi cháu nói tiếng gì vậy?
- Dạ, cháu dùng từ *Hán-Việt*.
- Giải nha! Vậy nói *thế kỷ* thứ 21 thì nói thế nào?
- Dạ, theo cháu, cứ nói *thế kỷ nhị thập nhất*, chắc không sai.
- Ồ... ồ... *nhi thập* là hai mươi...
- Vâng, đúng thế ạ. Còn *nhi thập nhất* là hai mươi mốt ạ...
- Lớp đệ nhị tiểu học, lớp hai tiểu học, học thế là tốt!
- Cháu cảm ơn ông.

BA ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO NGHĨA CỦA TỪ HÁN-VIỆT

- (1) **Đặc điểm thứ nhất:** một từ Hán-Việt luôn luôn có hai âm tiết - hai yếu tố có nghĩa - trở lên.

Nông dân - nhạc sĩ - sinh viên - học sinh

Chỉ một yếu tố không thành một từ Hán-Việt vì nó không đủ để gọi tên được một sự vật.

- (2) **Đặc điểm thứ hai:** trật tự một từ Hán-Việt luôn luôn ngược so với từ thuần Việt.

Thuần Việt

Người làm ruộng, làm nghề nông

Người đánh bắt cá / làm muối

Học trò con trai / gái

Con ngựa trắng / Nhà trắng

Người bộ trưởng mới / cũ

Lá cờ / bài ca chính thức một nước

Hán-Việt

Nông dân

Ngư dân / diêm dân

Nam / nữ học sinh

Bạch mã / Bạch ốc

Tân / cựu bộ trưởng

Quốc kỳ / quốc ca

- (3) **Đặc điểm thứ ba:** cách dùng tổng quát, trang trọng.

Đại diện = người / những người thay mặt cho một / nhiều người khác, tầng lớp khác.

Cử tri = tất cả những công dân đến tuổi bầu cử và ứng cử.

Nhân quyền = các quyền của con người, quyền lao động, quyền mưu cầu hạnh phúc, quyền sở hữu tài sản...

LUYỆN TẬP CẤU TẠO NGHĨA CỦA TỪ HÁN-VIỆT

1. Dùng cách đặt câu, kịch câm, để nói những người này làm công việc gì – khuyến khích đặt câu với hai từ:

Mẫu: Bác Còm là một lực sĩ nom gày gò mà nặng gần một tạ, thế nhưng bác lại là một thi sĩ làm những bài thơ nhẹ nhàng, bay bướm.



Nhạc sĩ, kịch sĩ, thi sĩ, võ sĩ, họa sĩ, nghệ sĩ, lực sĩ

Chú ý: Ghi lại các bài tập để đưa chung vào TỪ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI.

2. Trả lời nhanh từng câu hỏi sau:

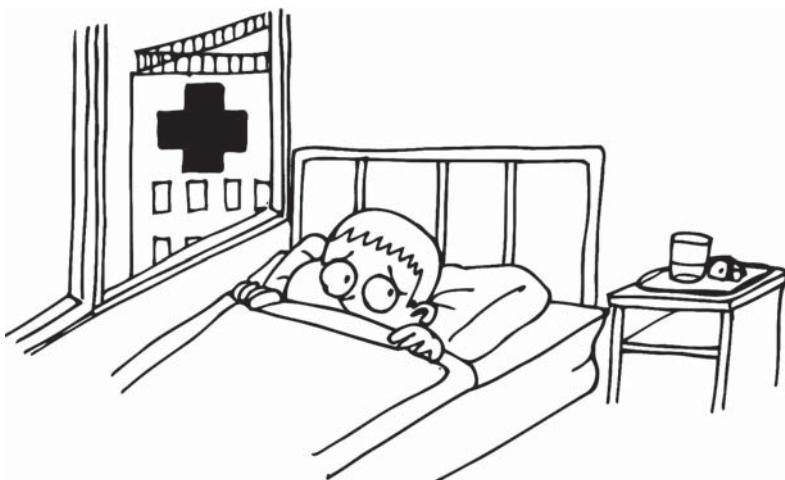
- Cửa hàng hải sản bán những gì?
- Cửa hàng nông sản bán những gì?
- Cửa hàng thủy sản bán những gì?
- Cửa hàng nhạc cụ bán những gì?
- Cửa hàng dụng cụ thể thao bán những gì?
- Công ty xuất khẩu thủy sản bán mặt hàng gì, bán đi đâu?
- Công ty xuất khẩu lâm sản bán mặt hàng gì, bán đi đâu?
- Công ty xuất khẩu khoáng sản bán mặt hàng gì, bán đi đâu?

LUYỆN TẬP GIẢI NGHĨA TỪ NGỮ HÁN-VIỆT THƯỜNG GẶP

1. Dùng cách đặt câu để tìm nghĩa những từ này - khuyến khích đặt câu với hai từ:

Mẫu: Bác sĩ X tính rất là vô tư, ông coi người bệnh như nhau, không đối xử vô cảm với ai cả.

Ông Tường là họa sĩ khỏe mạnh, ông khoe cả đời không đến bác sĩ thế mà vẫn phải đến nha sĩ để làm răng giả đấy.



Đặt câu tiếp với các từ sau:

Bác sĩ, nha sĩ, văn sĩ, thi sĩ, nghệ sĩ

Vô danh, vô tư, vô tâm, vô tình, vô học, vô ý, vô cảm, vô lương tâm, vô can

Chú ý: Ghi lại các bài tập để đưa chung vào TỪ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI.

2. Bài tập khó (tùy chọn)

Các em nói về một người vô ý nên đã làm hỏng việc, gây hại, nhưng đó không phải là một người vô lương tâm.

LUYỆN TẬP GIẢI NGHĨA TỪ NGỮ HÁN-VIỆT THƯỜNG GẶP

1. Dùng cách đặt câu để tìm nghĩa những từ này - khuyến khích đặt câu với hai từ:

Mẫu: Hai anh em ông A vừa là đồng đội vì cùng ở một đội bóng, và cũng là đồng nghiệp với nhau nữa, vì cùng sản xuất quần áo trẻ em.



Đặt câu tiếp với các từ sau:

Đồng bào, đồng chí, đồng môn, đồng nghiệp, đồng đội, đồng liêu, đồng tình, đồng bệnh

Độc giả, thính giả, khán giả, học giả, tác giả

2. Bài tập có vẻ khó (nhưng dễ):

Các em cho biết: một người có thể vừa là độc giả lại cũng là tác giả và có khi là khán giả được không?

LUYỆN TẬP GIẢI NGHĨA TỪ NGỮ HÁN-VIỆT THƯỜNG GẶP

1. Các em thảo luận nghĩa của hai từ in đậm trong câu dưới đây:

Hai bạn Lan và Hoa là **kỳ thủ** đã tham gia và đoạt giải cờ của trường, nhưng hỏi hai bạn có thích là **hung thủ** không thì hai bạn chỉ cười, bảo là “không học làm hung thủ”.



2. Đưa từ Hán-Việt vào đúng ô sau đó đặt câu với hai từ:

Ai?	Ở đâu? Nghề gì?	Ai?	Ở đâu? Nghề gì?	Ai?	Ở đâu? Nghề gì?
cầu thủ	Bắn súng	nông dân	Theo đạo	thương nhân	Eo ôi!
thủy thủ	Trộm cướp	di dân	Bình thường	doanh nhân	Khác người
xạ thủ	Đánh cờ	giáo dân	Không chức vụ	nạn nhân	Bị nạn
kỳ thủ	Lái tàu	thường dân	Đi nơi khác ở	dị nhân	Kinh doanh
hung thủ	Đá bóng	bình dân	Làm ruộng	siêu nhân	Đi buôn

3. Bài tập hơi khó

Thương nhân và thương binh khác nhau ra sao? Các em thi nhau đưa ra câu giải nghĩa thật vui. Có câu này các em có treo giải không: Thương binh đi buôn thì thành thương nhân, nhưng thương nhân không thành thương binh được.

LUYỆN TẬP GIẢI NGHĨA TỪ NGỮ HÁN-VIỆT THƯỜNG GẶP

1. Luyện tập Mẫu

- a. Cho mẫu: đại - trung - tiểu



đại liên



trung liên



tiểu liên

- b. Các em tự tìm nghĩa của

đại đội - trung đội - tiểu đội

đại đoàn - trung đoàn - tiểu đoàn

đại úy - trung úy - thiếu úy

đại tá - trung tá - thiếu tá

đại tướng - trung tướng - thiếu tướng

- c. Luyện tập vui

(1) Các em tự nhận một cấp bậc trong quân đội. Tự vẽ quân hàm cho mình theo đúng cấp bậc đó dưới ảnh của em.
Triển lãm hình các binh sĩ của lớp.

(2) Các em tự tổ chức lễ duyệt binh theo đơn vị cấp Đại đoàn. Các em phân công làm lễ đài cho các sĩ quan cao cấp, đường duyệt binh cho đại đoàn (đó em nghĩ ra cách biểu diễn các đơn vị quân đội đi duyệt binh đấy)...

LUYỆN TẬP GIẢI NGHĨA TỪ NGỮ HÁN-VIỆT THƯỜNG GẶP

1. Đưa từ Hán-Việt vào đúng ô.

Từ gì?	Hoàn cảnh nào?	Từ gì?	Hoàn cảnh nào?
bất hiếu	“Không ai chơi với cậu!”	hữu danh	“Như biển cả”
bất lực	“Nên cõm cháo gì!”	vô danh	“Bỏ qua, lờ tịt”
bất động	“Không súng gươm...”	hữu tình	“Đo đạc được tuốt!”
bất tín	“Không chơi! Không quen!”	vô tình	“Tên tuổi nổi trội”
bất tài	“Con cái mà thế à?”	hữu duyên	“Rất thiện cảm”
bất bạo động	“Im thin thít...”	vô duyên	“Không tên tuổi”
bất hợp tác	“Bó tay thôi! Chịu!”	hữu hạn	“Thật đáng yêu”
		vô hạn	“Chưa nói đã cười”

2. Đặt câu với hai từ trong bảng trên.

Mẫu: Tác giả ca dao thì vô danh vì không biết ai làm ra nó, nhưng vì ca dao rất hay nên nó có cuộc sống vô hạn không bao giờ chết!

3. Viết đẹp các từ đã học đưa vào TỪ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI.

LUYỆN TẬP VỚI THÀNH NGỮ HÁN-VIỆT

1. Luyện tập Mẫu

- a. Cho tổ hợp từ không đổi (thành ngữ) Hán-Việt. Các em cùng nhau tìm ra nghĩa của từng từ rời, sau đó suy ra nghĩa của cả thành ngữ. (Tra nghĩa ở Từ điển Hán-Việt hoặc hỏi giáo viên).

Mẫu:

Hữu chí cánh thành

Dịch từng chữ: Hữu – có; Chí – chí, chí hướng, ý chí
Cánh – thì, tất nhiên là, chắc sẽ là, thế nào cũng
Thành – thành công, nên công, thành tích

Dịch cả thành ngữ: Có chí thì nên

- b. Các em nghĩ ra một chuyện minh họa ý nghĩa thành ngữ đó.

2. Tự luyện tập theo Mẫu

Tiếp tục với các thành ngữ:

- Vạn sự như ý
- An cư lạc nghiệp
- Thập tử nhất sinh
- Hữu thủy hữu chung
- Văn võ song toàn
- Bách chiến bách thắng
- Xuất quỷ nhập thần
- Khổ tận cam lai
- Hữu xạ tự nhiên hương
- Đáo giang tùy khúc, nhập gia tùy tục
- Phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí

Chú ý: Ghi lại cho đẹp (có hình vẽ càng hay) để triển lãm ở lớp rồi đưa vào TÙ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI.

VIỆT HÓA TỪ HÁN-VIỆT

Việc 1: Đọc thầm

Trong lịch sử, người Việt Nam đã biến từ Hán-Việt thành từ Việt để dùng cho dễ. Thế mới tài! Cách làm như thế nào?

Mẫu:

- Giáo dục → Ông giáo, bà giáo, nhà giáo, giáo viên...
- Quan lại → Ông quan, làm quan, quan lớn...
- Nho học → Nhà nho, chữ nho...

Việc 2: Luyện tập

1. Các em bàn nhau xem những từ in đậm trong các câu dưới đây đã được biến hóa từ các từ Hán-Việt nào?

Từ Hán-Việt để em chọn:

Việt hóa	Hán-Việt
Thấp cơ thua trí người có đầu óc.	âm mưu
Một võ sĩ đánh bại anh kia chỉ vì anh ta sơ hở.	trùng trị
Tòa án trí cho bọn phá rừng một trận nên thân	thất bại
Hai cậu ấy kết bạn với nhau rất thân.	phản bội
Hai võ sĩ đấu nhau một hồi chẳng ai chịu thua ai.	tranh đấu
Kẻ xâm lược thích dựa vào những kẻ làm phản .	trí tuệ
Người khỏe có khi thua người yếu mà lắm mưu .	câu kết

LUYỆN TẬP VIỆT HÓA TỪ HÁN-VIỆT

Việc 1: Đọc thầm

Trong cách thức người Việt Nam biến từ Hán-Việt thành từ Việt để dùng hàng ngày, còn có một cách như sau hết sức thú vị. Mời các em nghiên cứu.

Mẫu:

Thượng - Hạ = (bên) Trên - (bên) Dưới

- a. Tạo ra cách nói mới Thượng vàng, hạ cám

Nói thành câu để giải nghĩa: Chợ Trời ở phố Huế, Hà Nội, thượng vàng hạ cám, từ cái lọ cổ triệu đô-la đến đoạn dây điện vài đồng, thứ gì cũng có.

- b. Thượng cẳng chân, hạ cẳng tay thì có nghĩa là gì? (Đoàn kết? hay là Đánh nhau?)

Việc 2: Luyện tập

1. Em tìm nghĩa cách nói có cả yếu tố Hán lẫn yếu tố thuần Việt:

Sân thượng	Cổng hậu	Kính chiếu hậu
-------------------	-----------------	-----------------------

Cửa tiền , cửa hậu	Nhà mặt tiền
----------------------------------	---------------------

Nhất con nhi cháu	Tả nâng hữu đỡ
---------------------------------	-----------------------

Đầu đuôi bất nhất	Trước sau bất nhất	Trên dưới bất nhất
---------------------------------	----------------------------------	----------------------------------

Vạn sự trót lọt	Vạn sự cầu may	Vạn sự nhờ giờ
-------------------------------	------------------------------	------------------------------

2. Các em nói thành câu để diễn tả nghĩa của các thành ngữ đó.
(Xem lại Mẫu trên về thượng vàng hạ cám)

Luyện tập vui

Các em bàn nhau giải thích chuyện này:

Ở nông thôn, tại nhiều gia đình có người già, ta thường thấy có cái áo quan mua sẵn cho người già yên tâm. Đố các em biết vì sao cái áo quan đó lại gọi là: Cỗ **hậu** **sự**?

NGÔN TỪ TAO NHÃ

Việc 1: Đọc thầm

Cảnh chiêu hôm

Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,
Tiếng ốc xa đưa vắng trống dồn.
Gác mái, ngư ông về viễn phố,
Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.
Ngàn mai gió cuốn, chim bay mồi,
Dặm liễu sương sa, khách bước dồn.
Kẻ chốn Chương Đài người lữ thứ,
Lấy ai mà kẻ nỗi hàn ôn.

(Bà Huyện Thanh Quan)

Việc 2: Thảo luận

- Làm việc nhóm hoặc cá nhân để tự tìm nghĩa của các từ Hán-Việt trong bài thơ:

Hoàng hôn: Chiều tà, lúc mặt trời lặn. (Buổi sáng: bình minh, rạng đông)

Ngư ông: Ông (ông lão, người đàn ông) ngư (cá) - ông thuyền chài, người đánh cá. Tại sao nói “ngư ông” mà không nói “ông ngư”?

Viễn phố: Viễn (xa) và phố (phố, nơi có dân ở)

Mục tử: Mục (chăn dắt súc vật) và tử (đứa trẻ, người)

Cô thôn: Cô (trơ trọi) thôn (thôn xóm, trại)

Chương đài: nơi xưa kia gặp nhau, sống với nhau.

Lữ thứ: lang thang trên đường.

Hàn ôn: Hàn là rét, ôn là ấm, nỗi hàn ôn thì “ấm lạnh” được hiểu theo nghĩa là tình cảm, thái độ.

2. Các em cho biết: có thể bỏ các từ Hán-Việt trong bài thơ và thay tất cả bằng từ thuần Việt được không? Đọc bài thơ có lần cả từ thuần Việt và từ Hán-Việt em có thấy êm tai không?

Việc 3: Thi đọc diễn cảm

Mỗi em đọc diễn cảm bài thơ một lần, cũng có thể đọc lại để diễn đạt hết tính chất âm nhạc du dương của bài thơ.

LUYỆN TẬP TỪ THUẦN VIỆT VÀ HÁN-VIỆT

Việc 1: Đọc thầm

Con thanh tịnh

Ông quan nọ muốn ăn thịt ếch, sai lính đi bắt ếch về cho mình ăn. Nhưng ông không muốn nói tiếng “ếch”, nghe không sang. Ông bảo lính là đi bắt con thanh tịnh, ý nói trong sạch, không đụng đến món ăn bẩn. Lính nghĩ nát óc mà không hiểu “con thanh tịnh” là con gì, gấp ai cũng hỏi. Hỏi nhà sư, nhà sư nói:

- Trên đồi này, chỉ có nhà tu hành là thanh tịnh thôi!

Lính mừng quá bắt sư trói lại, lôi về để dưới nhà giam, rồi vội vàng lên công đường thưa:

- Bẩm đã bắt được con thanh tịnh về đây rồi ạ.

Quan truyền:

- Thế thì chặt đâu lột da cho ta!

Sư nghe, sợ mất vía, lạy lục:

- Nhờ anh lên bẩm quan, hôm qua tôi có ăn mấy miếng thịt cầy, chẳng được thanh tịnh nữa, xin quan xét cho...

(Trích Truyện cười dân gian Việt Nam)

Việc 2: Tự đọc rồi trả lời viết

1. “Thanh tịnh” nghĩa là gì? Tại sao lại bảo chỉ có nhà tu hành là thanh tịnh thôi? Nhà sư khai vì sao mình không còn thanh tịnh nữa?
2. “Đường” là “nhà”. “Học đường” là “nhà để học”, là “nhà trường”. Hãy đoán nghĩa của các từ sau:
công đường - giáo đường - thánh đường - từ đường
3. Em đặt câu, mỗi câu có ba từ sau:
 - a. con ếch - lột da - lạy lục
 - b. nhà giam - gông cùm - tội nhân

Bài 6

TỪ MƯỢN

Một kiểu phát triển nữa của tiếng Việt:

TỪ MƯỢN CỦA PHƯƠNG TÂY
(Bài này để em tự đọc và tự học)

Em có biết?

Trong vốn từ tiếng Việt, có nhiều từ có nguồn gốc từ tiếng Pháp, tiếng Anh và nhiều thứ tiếng khác.



Các em chỉ tay vào từng bộ phận sau trên cái xe đạp:
Xe cuốc, pê-đan, săm, lốp, phanh, moay-ơ, gác-đờ-bu...

TỪ MƯỢN - GỐC TIẾNG PHÁP

Câu hỏi cho em:

Sao từ mượn lại bắt đầu từ các tiếng phương Tây?

Vì các nước phương Tây đem hàng hóa công nghiệp qua bán ở nước ta. Lấy ví dụ từ cái xe đẹp: ta dùng từ mượn để gọi tên các bộ phận xe đẹp, khi hỏng còn đi mua đồ thay thế chứ?

BA KIỂU MƯỢN

1. Mượn nguyên cả từ

- Thuốc pê-ni-xi-lin.
- Cái xơ-ranh hoặc cái ống tiêm.
- Màn hình ti vi 28 inh-sơ.
- Đường xa mấy chục ki-lô-mét.
- Đèn pha chiếu lóa cả mắt!
- Áo may-ô bây giờ giá rẻ lắm vì ít người mặc.
- Tổ chức một tua du lịch.
- Đi ngủ thì mặc bộ pi-ja-ma còn đi bơi thì mặc đồ bi-ki-ni.
- Bây giờ có nhiều loại ba lô đẹp để đi du lịch.

2. Mượn có rút gọn

- Lốp xe *envelope* rút gọn còn lốp.
- Săm xe *chambre à air* rút gọn còn săm.
- *Master of ceremony* rút gọn lại còn MC (em-xi).

3. Mượn và Việt hóa cho dễ phát âm

- *Traverse* biến thành cái tà-vẹt đường sắt.
- *Aiguillage* biến thành bẻ ghi đường tàu.
- *Pont* trên tàu biển thành boong tàu.

TỪ MƯỢN - GỐC TIẾNG PHÁP

Giúp các em đưa vào TỪ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI.

1. Ở trường học

com-pa, cục gôm (gomme = cục tẩy), ê-ti-két (étiquette – nhãn vở)

2. Ở ngoài xã hội

nhà ga (gare = ga xe lửa), nhà băng (banque = ngân hàng)

ô-ten (hôtel = khách sạn), nhà sắm (chamber à louer = phòng cho thuê, nhà nghỉ, nhà trọ), nhà đê-pô (dépôt = kho chứa)

ông cảm, sở cảm (hoặc pô-lít) (commissaire de police, police = sở cảnh sát, cảnh sát), ca-nô (canot = xuồng), ô-tô (automobile = ô tô), mô-tô...

3. Quần áo

Áo len (laine = len), áo vét-tông (veston = áo trong bộ đồ), áo gi-lê (gilet = áo chẽn trong vét-tông), đội mũ phớt (chapeau feutre = nỉ, dạ), đội mũ cát (chapeau casque = mũ “cối”), đội mũ cát-két (casquette = mũ lưỡi trai), đội mũ bê-rê (beret = mũ “nối”)

4. Giải trí

xi-nê-ma (cinéma, ciné = điện ảnh) và có đào xi-nê, rạp xi-nê

oóc-két (orchestra = dàn nhạc) và có sếp oóc-két (nhạc trưởng)

và các nhạc cụ vi-ô-lông, ghi-ta, tôm-pét, cla-ri-net

5. Bệnh viện

(ông) đốc-tờ (docteur = bác sĩ), phãm-nhe (infirmier = y tá)

(bà) sa-phãm (sage-femme = bà đõ)

(thuốc) kí-ninh (quinine = thuốc sốt rét)

Băng-ca (brancard = sang tải thương)

Các em hãy sưu tầm thêm và dùng hình ảnh để “giải nghĩa” cho đồ vật.

TỪ MUỢN - GỐC TIẾNG ANH

Giúp các em đưa vào TỪ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI.

1. Vay mượn dùng trong xã hội

Mít-tinh (meeting = cuộc họp mặt, cuộc mít-tinh)

Đô-pinh (doping = dùng thuốc kích thích)

Lốp-by (lobby - loppying = vận động hành lang)

Đẩm-pinh (dumping = phá giá, “đìm hàng”)

Hóp-binh (hobbying = đam mê sở thích)

2. Vay mượn dùng trong thể thao

Jô-kinh, (jogging = chạy)

Te-nit (tennis = bóng tennis hoặc “bóng quần vợt”)

(bóng) Bát-kết (basket ball = bóng rổ)

(bóng) Vô-lây (volley-ball = bóng chuyền)

(bóng) Pinh-pông (ping-pong = bóng bàn)

3. Vay mượn dùng trong sinh hoạt hàng ngày

Tin (teen, teenager = thiếu niên, “tuổi hoa”)

Mô-đen (modern = hiện đại)

Ku-l' (kool = “tốt”, “hoan hô”, “hay đấy”...)

OK (OK, Okay = tốt, hay lắm, được đấy...)

Hai-uê (high-way = đường cao tốc)

Bát-xơ (bus = xe buýt)

4. Trong khoa học và công nghệ thông tin, thì vô số, thường là vay mượn thẳng và dùng luôn (không nghĩ đến phiên âm nữa):

CEO - Think-tank - MBA - Computer - lazer - print - save -

file - document - Photoshop - Word - Excel - Skype - webcam

Mời các em thêm vào cho phong phú và nghĩ xem có cần đưa vào TỪ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI hay không...

TỪ MƯỢN - GỐC TIẾNG NGA

Giúp các em đưa vào TỪ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI.

1. Vay mượn dùng trong sản xuất:

Mô-nô-tô-ba (xe ô tô tải loại 3 tấn do xưởng Molotov sản xuất)

Din hoặc Din-ba-cầu (xe ô tô tải loại 5 tấn do xưởng Likhatev sản xuất)

Din-khơ (xe ô tô tải loại 5 tấn cài tiến – “Khơ” là nói âm đầu của tên chủ tịch Khruchev).

Ô-tê-ka (O.T.K. viết tắt bô phận “kiểm tra chất lượng sản phẩm”)

2. Vay mượn dùng trong chiến đấu:

Mich (Mig, tên loại máy bay tiêm kích)

Su (Su, hoặc Sukhoi, tên loại máy bay tiêm kích khác)

Tu (Tupolev, tên loại máy bay cả chở khách và ném bom)

An (Antonov, tên loại máy bay chở khách và chở hàng)

Vô-stok (Vostok, tên loại tàu vũ trụ)

Sam (SAM, tên loại tên lửa)

A-ka (AK, tên loại súng cá nhân)

3. Vay mượn dùng trong đời sống hàng ngày:

Min-khờ (Minsk, tên loại xe mô tô)

Xa-ra-tốp (Saratov, tên một loại tủ lạnh)

Bôn-giôt (Poljot, tên một loại đồng hồ)

Man-chich (Malchik, tên một loại xe đạp trẻ con, người lớn ở Việt Nam vẫn dùng, có lúc gọi là “xe Pơ-giô con vịt”).

Mời các em thêm vào cho phong phú và nghĩ xem có cần đưa vào TỪ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI hay không...

TỪ MUỢN - GỐC TIẾNG HOA

Các em chú ý:

Ngoài những từ gốc Hán đã trở thành từ Hán-Việt, do đó đã thành tiếng Việt, trong cuộc sống còn có nhiều từ mượn cần được giải thích mới rõ để dùng trong giao tiếp hoặc đọc sách.

Các từ vay mượn đó thường có nguồn gốc ở các địa phương miền Nam Trung Hoa:

Số dách (họ đếm dách, dì, xám, xâ... nghĩa là 1, 2, 3, 4. Từ đó, “số dách” nghĩa là “số một”, là đứng hàng đầu, giống như là “number one”)

Xập xí xập ngầu (phát âm địa phương các tiếng thập tứ, thập ngũ nghĩa đen là 14, 15, nghĩa bóng là “ăn gian” đếm 14 bảo 15 hoặc đếm 15 nói 14.

Tả pí lù (nghĩa đen và nghĩa bóng đều là hỗn tạp, lẫn lộn, lộn xộn, phức tạp)

Phá sang (phát âm rút ngắn từ ba tiếng lạc hoa sinh nghĩa là sinh ra từ hoa rụng (lạc hoa) xuống đất - đó chính là củ lạc).

Chí mà phù (chè vừng đen)

Lạp xưởng lồ mái phàn (xôi với lạp xưởng)

Đọc vui:

Các em có ăn dầu cháo quẩy khi nào chưa?

Tại các tỉnh phía Nam Trung Quốc (Quảng Đông, Quảng Tây) món bánh quẩy có tên phát theo âm Hán-Việt là du tặc quỷ, có nghĩa là quỷ sứ bị rán bằng dầu.

Sao lại có tên này?

Theo truyền thuyết Trung Quốc, tên này bắt nguồn từ chuyện nguyên soái Nhạc Phi bị vợ chồng Tần Cối hãm hại.

Để nguyên rửa hai vợ chồng Tần Cối, người Trung Quốc làm món ăn gồm hai khúc bột dài giống hình người được rán kỹ trong dầu, tượng trưng cho hình tượng vợ chồng Tần Cối là hai quỷ sứ bị rán trong vạc dầu ở địa ngục.

YÊU TIẾNG DÂN TỘC - TỪ NGỮ PHẢI TRONG SÁNG

1. Tiêu chuẩn 1: Không được dùng sai từ:

Nên tránh nói sai từ	
điểm yếu (chỗ yếu kém, từ thuần Việt). Ví dụ: em A có điểm mạnh là học chăm, học giỏi, nhưng có điểm yếu là chưa biết bơi.	yếu điểm (chỗ vô cùng quan trọng, từ Hán-Việt, cấu tạo “ngược” với lối thuần Việt). Ví dụ: yếu điểm của người kiêu ngạo là không có bạn.
tham quan (thăm thú, xem xét nơi mình đến thăm viếng)	thăm quan. Tiếng Việt không có từ “tham quan”, chỉ có từ thuần Việt thăm và từ Hán-Việt “tham quan”.

2. Tiêu chuẩn 2: Nên dùng từ Việt **giản dị, dễ hiểu**.

Nên tránh	Nên nói
Xin các vị tư vấn cho chúng tôi.	Xin các vị cho chúng tôi lời khuyên .
	Chúng tôi trông chờ nhiều lời gợi ý của quý vị.
Xin các vị cho ý kiến phản biện .	Các vị thấy còn điều gì không thuận, thấy chúng tôi còn sai sót chỗ nào, xin cứ nói.
Ai có ý kiến gì cứ phát biểu đi.	Ai có ý gì xin cứ nói. Ai muốn nói xin cứ nói.

3. Tiêu chuẩn 3: Không được viết sai chính tả.

Các em cùng tìm trên sách báo những cách dùng tiếng Việt không trong sáng của người lớn, và cả những từ viết sai chính tả nữa.

Hỏi em: Nếu em không thấy chắc chắn về những điều em nghĩ là đúng hoặc sai, em sẽ làm gì?

BÀI HỌC CUỐI NĂM

LÀM TỪ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI

Các em học sinh lớp Hai yêu quý,
(đồng kính gửi các giáo viên)

Cuối năm học, giáo viên tổ chức cho các em làm một việc hết sức thú vị và cần thiết: làm cuốn TỪ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI.

Sách này do chính tay các em làm, không nhờ vả ai hết. Tất cả các em là tác giả, và giáo viên là đồng tác giả với các em. (“tác giả” và “đồng tác giả” nghĩa là gì nhỉ?)

Sách sẽ gồm có các mục sau:

TÍN HIỆU – Khi con người chưa có tiếng nói, có những loại tín hiệu gì thay thế tín hiệu lời nói? Ngày nay, con người vẫn dùng những tín hiệu khôn ngoan nhất như thế nào?

TIẾNG NÓI ra đời – Khi người Việt lần đầu tiên có tiếng nói, TIẾNG VIỆT khi đó có cấu tạo như thế nào?

- (a) Từ thuần Việt phát triển dần dần như thế nào? Các em sưu tầm được bao nhiêu từ thuần Việt một âm tiết?
- (b) Từ ghép có tổ chức ra sao? Các em sưu tầm được bao nhiêu loại từ ghép?
- (c) Từ láy có tổ chức ra sao? Các em sưu tầm được bao nhiêu loại từ láy?
- (d) Từ Hán-Việt làm phong phú tiếng Việt như thế nào?...
- (e) À, còn Từ mượn nữa chứ?

Các em hãy tưởng tượng: trước khi nghỉ hè, lớp chúng ta sẽ có một cuốn

TỪ ĐIỂN HỌC SINH LỚP HAI

Thật vui. Và thật có ý nghĩa. Các em có ý gì khác không?

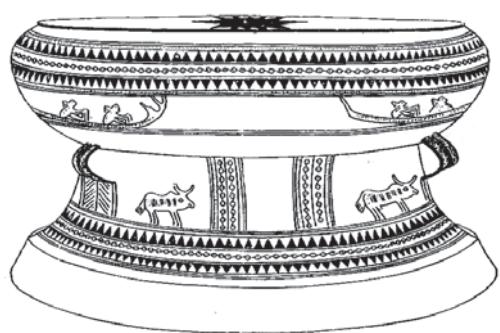
ĐÁNH GIÁ CUỐI NĂM HỌC

Thư của NHÓM BIÊN SOẠN sách Tiếng Việt 2

Gửi các bạn học trò lớp Hai yêu quý,

Các bạn thân mến,

Các bạn nghĩ coi: khi người đời xưa vẽ tranh trong hang động, hoặc khắc hình người chèo thuyền, giã gạo và những con vật trên trống đồng, người ta có làm để “dự kiểm tra, đánh giá” không?



Chúng mình cũng thế: học cả năm là để hiểu, để biết, để rồi cái gì cũng biết, để làm nhiều thứ cho cuộc đời đẹp đẽ, chúng mình đâu có nghĩ học để “dự kiểm tra, đánh giá”, đúng thế không?

Ấy thế nhưng...

Nhưng mà bố mẹ, ông bà, ở nhà mình lại muốn hỏi xem con cháu mình học cả năm hay giỏi ra sao...

Thì chiêu lòng ông bà, cha mẹ, anh chị vậy, biết làm sao?!

Nhóm biên soạn sách Tiếng Việt 2 đưa ra ở đây những hoạt động đánh giá, có chỗ thì tự đánh giá, có chỗ thì nhờ giáo viên hoặc các bạn cùng lớp đánh giá giúp.

Rất mong các em đồng ý. Các em từ chối thì sẽ thấy nước mắt của Ban biên soạn đấy.

Chơi vui vậy! Chơi vui nhé!

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỐ 1 (1 tiết)

1. Các em đọc thầm bài sau

Khổ tận cam lai

Chuyện kể rằng Lê Lợi lên rừng núi tổ chức nghĩa quân đánh đuổi giặc Minh. Ban đầu, quân sĩ ăn đói mặc rách, thuốc men, lương thực và vũ khí đều thiếu. Nhiều khi bị giặc đuổi sát, may mắn lăm mới thoát chết. Lê Lợi được thần cho mượn thanh gươm báu.

Sau mười năm chiến đấu gian khổ, cuối cùng cũng đến ngày thắng lợi. Giặc Minh bị đuổi ra khỏi đất nước ta. Lê Lợi cùng quân sĩ kéo về thủ đô Thăng Long. Lê Lợi ra Hồ Gươm trả lại gươm cho thần Rùa.

Thế đúng là khổ tận, cam lai.

(Cánh Buồm tổng hợp)

(Khổ = đắng, đắng cay, khổ sở; Tận = hết; Cam = ngọt ngào, sung sướng, hạnh phúc; Lai = đến)

2. Em chọn một thành ngữ Hán-Việt và cũng viết một câu chuyện nhỏ do em nghĩ ra để giải thích ý nghĩa thành ngữ đó.

Thành ngữ để em chọn:

- Bách chiến bách thắng
- Văn võ song toàn
- Tổ quốc tối thượng

(Em có quyền hỏi giáo viên hoặc tra Từ điển Hán-Việt về nghĩa của những tiếng Hán rời).

3. Em chọn một cách nói thuần Việt thay thế cho thành ngữ Hán-Việt em đã giải nghĩa.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỐ 2 (1 tiết)

1. Các em đọc

Đôi câu đối chơi

Thầy đồ thường dạy học trò đã đổi thì phải đổi cho chơi mới hay. Một hôm, thầy ra một vế đối: “*Thần nông giáo dân nghệ ngũ cốc*”. Câu này nghĩa từng chữ là: (ông) Thần Nông dạy dân nghề (trồng) ngũ cốc. Tất cả học trò đang ngơ ngác chưa biết đổi thế nào. Thì anh học trò nọ đã gãi đầu gãi tai:

- Thưa thầy, chữ “*thần*” con xin đổi với chữ “*thánh*” có chơi không ạ?

Thầy nói:

- Được lăm!

Anh ta lại hỏi:

- Chữ “*nông*”, con đổi với “*sâu*”, có chơi không ạ?

Thầy nói:

- Được lăm!

Anh ta lại hỏi tiếp:

- Chữ “*giáo*” đổi với “*gươm*”, “*dân*” đổi với “*vua*” có chơi không ạ?

Thầy gật đầu:

- Được lăm, được lăm!

Anh ta lầm nhầm: “*Nghệ*” đổi với “*gừng*”, “*ngũ*” đổi với “*tam*”, “*cốc*” đổi với “*cò*”.

Cuối cùng anh ta xin đọc:

- Bây giờ con xin đổi ạ! “*Thần nông giáo dân nghệ ngũ cốc*” con xin đổi là: “*Thánh sâu gươm vua gừng tam cò*”.

(Trích Truyện cười dân gian Việt Nam)

2. Em trả lời: Em hãy tìm ba lỗi của thầy trò trong câu chuyện trên liên quan đến từ Hán-Việt. Nhờ giáo viên đánh giá:

Ba lỗi bắt đúng

Ba lỗi bắt chưa đúng

Ba lỗi bắt sai

3. Nhóm Biên soạn cũng nhờ giáo viên cho điểm xuất sắc bạn nào chỉ ra một lỗi rất hay vì rất dễ thấy nhưng thường lại bỏ qua.

Ba lỗi bắt đúng trong đó bắt một lỗi thú vị

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỐ 3 (1 tiết)

1. Các em cho năm từ thuần Việt một âm tiết

- a. Chủ đề ĂN
- b. Chủ đề LÀM
- c. Chủ đề NHÀ Ở
- d. Chủ đề GIA ĐÌNH
- e. Chủ đề ĐÁNH GIÁ

2. Trả lời bằng một câu sao cho hay mà ngắn:

Tại sao học từ ở lớp Hai lại mở đầu bằng việc nghiên cứu những từ liên quan đến việc ĂN của con người?

Không có nhẽ con người sinh ra trên đời này chỉ để ăn thôi ư?

3. Em tìm năm từ ghép của từng tiếng

CHĂM - ĐẸP - MẠNH

4. Em tìm những từ trái nghĩa của những từ đơn và từ ghép em đã tìm ra trong công việc đánh giá số 3 trên đây.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỐ 4 (1 tiết)

Đọc thầm

Tính tuổi

Một cặp vợ chồng nợ mới sinh được đứa con gái. Tập quán làng này là dạm vợ gả chồng từ lúc còn bé, nên bà mối đến nhà dạm hỏi.

Bà mối nói:

- Được đấy, đứa con trai kia năm nay mới hai tuổi.

Bố con bé tức giận, chỉ tay vào mặt bà mối mà mắng:

- Thế mà cũng mối với lái, mụ tính xem, con gái tôi năm nay mới một tuổi, thằng bé kia hai tuổi. Khi con gái tôi mười tuổi thì thằng ấy hai mươi tuổi, chênh lệch như vậy thì gả thế nào được.

Mẹ con bé ngồi bên cạnh, quay sang nói với chồng:

- Sai rồi, anh tính sai bét rồi. Anh nhầm lại xem: Con gái chúng ta năm nay một tuổi, thằng bé ấy hai tuổi. Sang năm, con gái chúng ta hai tuổi, vừa bằng thằng bé kia, sao lại không gả được.

(Trích Truyện cười dân gian Việt Nam)

Trả lời viết

1. “Tập quán” nghĩa là gì? Làng của anh chị này có tập quán gì?
2. Trong những điều sau, đâu là tập quán của cộng đồng, đâu là thói quen của cá nhân từng người:
 - a. Gói bánh chưng ăn Tết.
 - b. Gói riêng cái bánh chưng xinh xinh cho con.
 - c. Mừng tuổi Tết cho người già và trẻ em.
 - d. Đi câu cá cuối tuần.
3. Em tìm một từ để đánh giá trình độ văn hóa, văn minh của vợ chồng nhà hai anh chị kia.

Anh chồng: Chị vợ:

Cả hai anh chị:

MỤC LỤC

Lời dẫn bạn dùng sách.....	5
Bài mở đầu ÔN TẬP TIẾNG VIỆT LỚP 1.....	7
Bài 1 TÍN HIỆU	12
Bài 2 TÍN HIỆU LỜI NÓI	38
Bài 3 TỪ THUẦN VIỆT	47
Bài 4 TỪ GHÉP THUẦN VIỆT	64
Bài 5 TỪ HÁN-VIỆT	123
Bài 6 TỪ MƯỢN	147
Bài học cuối năm.....	154
Mục lục.....	163